

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huyện Chiếu Đăng chú Khảo Sách Xứ Quán Văn Đường

Sécúrit



FEB 24 1967

LIBRARY



Sánh vai hứa trọn cuộc đời,
Góp công tô điểm nụ cười thế gian!

Ấn loát OFFSET TRUNG

10\$00

PHỐ THÔN

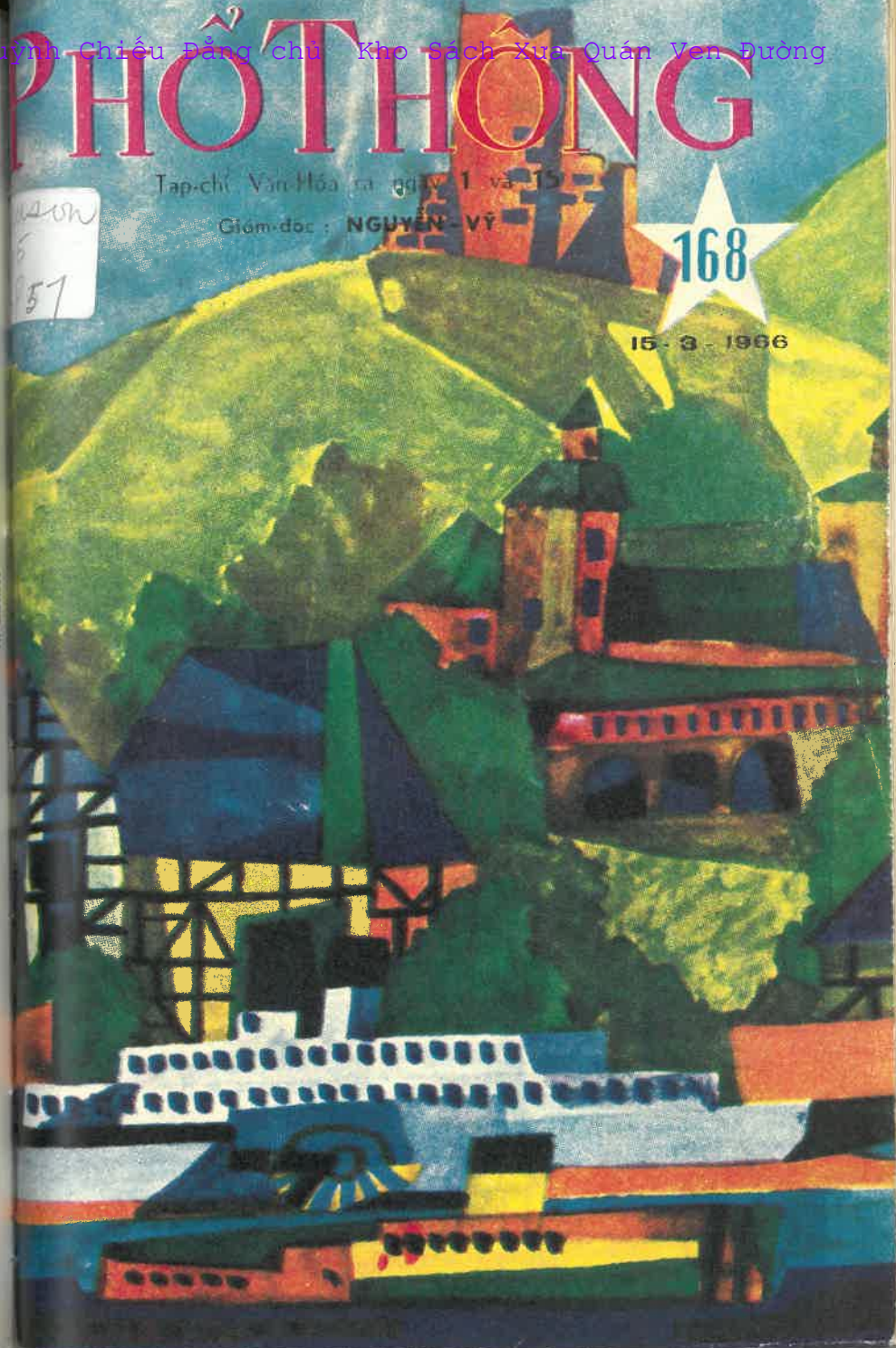
Tạp chí Văn Hóa ra ngày 1 và 15

Giám đốc: NGUYỄN VỸ

168

15-3-1966

VN EXPRESS



Bạn đọc thân mến

Vì tình-hình khan hiếm giấy in báo rất trầm-trọng hiện nay, và nạn cúp điện thường xuyên mỗi tuần 2 hoặc 3 ngày, nên **Phổ-Thông tạp-chí** kỳ này đáng lẽ ra sớm lắm, nhưng đành chịu ra trễ.

Mặc dầu vậy, chúng tôi sẽ cố hết sức xoay-xò ở mọi phương diện để kỳ tới sẽ ra đúng ngày.

Xin quý bạn đọc thông cảm cho những nỗi khó khăn chung của tất cả các báo-chi hiện tại trong thời chiến-tranh.

Thành-thật cảm ơn các bạn.

PHỔ-THÔNG tạp-chí

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



**“NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH SỐNG LÂU VỮNG ĐỜI”**

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY-DUNG VAN-HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG-TAY-KIM-CO

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ SỐ 168 ★ 15-3-1966

1.— Người chiến quốc	Thiếu-Son	7 — 9
2.— Gốc tích Thành-Lôi ở Huế	Lê-tràng-Kiều	10 — 16
3.— Bọn họ bốn người (truyện ngắn)	Lan-Đình	17 — 29
4.— Mắt biếc (thơ)	Vũ thủy Thụy-Ca	30
5.— Luna-9 (khoa học)	Võ-quang-Yến	31 — 40
6.— Người dẫn đường (truyện ngắn ngoại quốc)	Edwin Muller	41 — 47
7.— Với người đi trước (thơ)	Chu Trầm Nguyên-Minh	48
8.— Văn-Thiên-Tường với bài « Chinh khí ca »	Nguyễn-tử-Quang	49 — 58
9.— Hạ buồn, lối mòn (thơ)	Nguyễn-Vương	59
10.— Thi ca Hòn-Mặc-Tử	Trần-tuấn-Kiệt	60 — 64
11.— Cảnh đồng thanh thoát (truyện)	Mặc-Tường	65 — 70
12.— Xuân của tôi (thơ)	Kiều-mộng-Thư	71
13.— Thần thoại Hy-Lạp — La-Mã	Đàm-quang-Thiện	72 — 77

14.— Mòn mỏi (thơ)	Phương-Duyên	73
15.— Minh ơi !	Diệu Huyền	79 — 86
16.— Nhà cách mạng bị giam kín trong Tòa Đại-sứ	Tân-Phong	87 — 91
17.— Họa thơ Xuân Bình-Ngo	Huỳnh-Tôn — Nguyễn-Vỹ	92 — 93
18.— Ấn-Độ không nghèo mà đói	Trịnh-văn-Tiến	94 — 99
19.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	100 — 104
20.— Thủy-chung (thơ)	Phương-Hà	105
21.— Một chuyến đi (truyện ngắn)	Hoàng-Thắng	106 — 113
22.— Người chiến quốc	Thiếu-Sơn	114 — 118
23.— Nỗi buồn con gái (thơ)	Thủy-Tiên	119
24.— Lửa tình	Trần-tuấn-Kiệt	120 — 123
25.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	124 — 130



- * Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 - * Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - * Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - * Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - * Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon
 - Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 - Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 - Our general agent in Europa & Africa
- ❶ LONG-HIỆP
- 13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

người
chiến
quốc

lạn
tương
như

❑ THIẾU-SƠN

LẠ N - T U Ơ N G - N H Ư khi chưa gặp thời làm gia-tướng cho quan nội thị là Lục-Hiền ở nước Triệu. Triệu Huệ-Vương nghe tin Lục-Hiền có mua được ngọc bích của Biện-Hòa là một vật vô giá, đem đề chỗ tối tự nhiên có ánh sáng nên cũng gọi là ngọc Dạ-quang. Vua muốn nài viên ngọc đó nhưng Lục-Hiền tiếc của quý không muốn dâng và nói dối là không có ngọc. Vua Triệu tiện đi săn, ghé thẳng vào nhà Lục-Hiền cho tả hữu lục soát và tìm thấy viên ngọc giấu trong một cái tủ. Vua lấy đi, Lục-Hiền sợ tội muốn bỏ chạy qua nước Yên. Lạn-Tương-Như kéo áo lại không cho đi mà nói: « Lịnh Công có quen biết chi với vua nước Yên mà lại đem thân tới nước người » Lục-Hiền nói: « Năm trước tôi theo Đại Vương dự Đại-hội, vua Yên có cầm tay tôi mà xin kết nghĩa nên bây giờ tôi định qua đó. » Tương-Như can rằng: « Như vậy thì Lịnh-Công lâm rồi. Bởi nước Yên yếu hơn nước Triệu mà Lịnh-Công lại dặng vua Triệu ưa cho nên vua

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

Yên mới muốn kết bạn với Lịnh-Công, chứ không phải có ý hậu-dắt Lịnh-Công đâu, chính là để hậu-dắt vua Triệu đó. Bây giờ Lịnh-Công đắc-tội bỏ trốn qua nước Yên, thế tất vua Yên sợ nước Triệu đánh sẽ bắt Lịnh-Công giải về cho vua Triệu để cầu công, tưởng Lịnh-Công cũng khó toàn mạng. Chi bằng tôi xin cúi đầu tạ tội, nhờ vua đã được ngọc rồi chắc cũng không bắt tội Lịnh-Công đâu. »

Lục-Hiền nghe lời Tương-Như bèn vào triều thỉnh-tội, quả nhiên được tha, từ đó có ý tôn-trọng Tương-Như cho làm thượng-khách.

Vua Tần là Chiêu-Tương-Vương nghe một người thợ ngọc ở nước Triệu về cho biết rằng vua Triệu có ngọc quý và tha-thiết muốn coi vật báu trong thiên-hạ. Thừa-tướng nước Tần thiết-kế đem đất Đâu-Dương hết thảy là 15 thành đổi lấy viên ngọc. Đất này nguyên của Triệu do Tần đánh cướp nay cố đem trả lại Triệu thì Tần cũng không mất mát gì. Hơn nữa, ý định của vua, tôi nước Tần là chỉ cốt nhờ mối vua Triệu đem ngọc qua rồi đoạt luôn mà không trao thành cho Triệu.

Vua Tần bèn cho sứ-giả đem thư qua Triệu đề-nghị việc đổi thành lấy ngọc.

Vua Triệu được thư lấy làm lo sợ phân-vân, muốn đem ngọc qua thì sợ mà 15 thành không chắc lấy được ; không cho đem qua lại sợ vua Tần xúc-nộ mà nước Tần lúc đó là một cường quốc xâm-lăng luôn luôn gây sự với lân-bang để đoạt thành, chiếm đất.

Hợp quần-thần lại đề-thương-nghị, quan Đại-phu Lý-Khắc bàn : « Muốn giải quyết việc này, nên lựa một người trí dũng song toàn, sai đem ngọc bích qua đó, như nhận được thành thì dâng ngọc cho vua Tần, nhưng nếu vua Tần không chịu giao thành thì phải đem ngọc trở về. » Vua Triệu chấp nhận ý-kiến đó và có ý chờ người xung-phong lãnh sứ mạng. Nhà vua chăm chú ngó Liêm-Pha vì Liêm-Pha vẫn được tiếng là người trí-dũng và đã lập nhiều chiến công trong công việc giữ nước chống xâm lăng. Nhưng Liêm-Pha

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

cúi đầu không nói gì hết. Lúc đó Lục-Hiền mới tiến-cử môn-hạ của mình là Lạn-Tương-Như. Vua cho đòi Tương-Như đến và hỏi : « Vua Tần muốn đem 15 thành đổi ngọc-bích của ta, tiên-sanh nghĩ sao ? » Tương-Như tâu : « Nước Tần mạnh mà nước Triệu yếu. Một viên ngọc bích mà đổi lấy 15 thành giá đã hậu rồi. Không thuận đổi là lỗi tại nước Triệu. Còn nước Triệu ta không đoạt nước Tần nạp thành mà đem ngọc bích qua hiến trước, lễ đã trọng rồi. Nhưng lấy được ngọc bích mà không chịu đổi thành, ấy là lỗi tại nước Tần. Như Đại-Vương không lựa được người nào đem đang được việc này thì tôi xin phục mạng đem ngọc đi. Như vua Tần thuận giao thành thì ngọc bích nên để lại, còn không thì tôi xin đem về. »

Vua Triệu liền phong Tương-Như làm Đại-phu đem ngọc bích qua Hàm Dương ra mắt vua Tần.

Vua Tần nghe tin mừng lắm, ngồi trên đền Chương-Đài sắc-chỉ đòi Tương-Như vào yết-kiến. Tương-Như dùng gấm bao ngọc, hai tay dâng lên, rồi làm lễ hai lạy chúc mừng vạn-tuế. Vua Tần mở ra xem thấy chất ngọc sáng ngời, không hề có vết tích gì, thiệt là một bảo-vật ít có. Vua xem xong và luận chuyện cho tả-hữu các quan đều xem, rồi lấy khăn gấm bao lại cho đem vào hậu cung cho các bà mỹ-nhân cùng xem. Khi ngọc được đem trở ra thì Vua để lại trên bàn mà không nói năng gì cả. Tương-Như đứng hầu một bên đã lâu, không hề thấy vua Tần nói tới việc trả thành thì đã đoán biết ý nhà vua bèn tâu rằng : « Ngọc ấy có vết nhỏ, để tôi xin chỉ cho chúa-công xem. » Nhà vua sai đem lại cho Tương-Như. Ông cầm được ngọc rồi liền lui lại bên cột đèn, trướng hai khóe mắt, mặt giận đỏ phừng và nói với vua Tần rằng : « Ngọc Bích họ Hòa là một vật quý thiên-hạ ít ai có. Chúa-Công đem thư qua Triệu, chúa tôi hỏi ý-kiến triều-thần, hết thảy đều nói không nên cho. Vì sợ nước Tần ý mạnh, nói đổi lấy được ngọc rồi không trả thành. Nhưng tôi nghĩ một bạn áo vải với nhau còn không nói sai lời, huống chi là một ông vua vạn-thặng, có lý (xem tiếp trang 114)

CỐC TÍCH THÀNH LÒI Ở HUẾ

*Thượng-hoàng
Trần Nhân Tông,
sau khi chiến thắng Trung
Quốc bèn bỏ đi tu, và
xa giá qua thăm
Chiêm Thành. — Cuộc
gặp gỡ Nhân Tông và
Chế Mân đưa đến
việc gả bán Công Chúa
Huyền Trân mà at
cũng thương tiếc...
đến cuộc tiếp thâu
hai châu Ô. Rí của
Đoàn Nhữ Hài...*

sau việc trao đổi HUYỀN-TRẦN CÔNG CHÚA và
hai Châu Ô-LÝ của CHIÊM-THÀNH

Sưu khảo * LÊ-TRĂNG-KIỀU

THẸO sử thì đầu thế kỷ mười bốn năm Tân Sửu (1301) niên hiệu Hưng-Long thứ 9 triều vua Trần-anh Tông, sau khi đức Thượng-hoàng Trần-nhân-Tôn đi đánh thắng Lào trở về, động lòng từ bi bác ái, đem ra thương xót hết thảy cả chúng sinh. Ngài liền hạ chiếu thăng thưởng cho các tướng-sĩ, rồi hội bách thần lại thu xếp việc nước đầu đày, rồi truyền ngôi lại cho thái tử, Ngài bỏ đi tu ở chùa Vô-Lâm (làng Vô Lâm, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình).

Song le tới đầu Ngài cũng bị Tư-quân quấy rối, chỉ đến mờ; Ngài về. Sau Ngài phải cùng với người bạn đồng chí là quan tân khoa trạng nguyên Trần-Huyền Quang, rủ nhau tới ẩn ở An-tử Sơn (huyện Yên-Hưng, tỉnh Quảng-Yên bây giờ.)

Dò dẫm mãi, biết được tin, vua Anh-Tôn lại cho cung-nữ, hoặc các quan triều tới năn nỉ Ngài về, nhưng bao phen chiến thắng nên chiến địa, nhìn thấy núi xương sông máu, nên nay Ngài lại càng quá nhiễm mẫu thiên, nhất định không chịu về.

Vua Anh Tông, nghĩ tới quan ngự-sử trung tán Đoàn Nhữ-Hài

một tay gan trí, học rộng tài cao và được Thượng hoàng quý mến tài đức, liền nhờ Nhữ-Hài đến nói xem Thượng hoàng có đổi lòng chăng.

Nhân dịp kỳ giỗ đầu đức quốc trưởng Hưng-đạo-Vương (cũng là cha vợ của Thượng hoàng Nhân-Tôn) Nhữ-Hài liền rước Thượng hoàng về Tức-Mạc dự lễ. Tiện thể, muốn đánh vào chỗ yếu đề cho Thượng hoàng khỏi về An-tử nữa, ông đặt kế lâu bày :

— ... Khoảng 1.200 năm xưa, nhằm đời Thuận-Đế nhà Đông Hán bên Tàu (tức là khoảng 100 năm sau đời Trung Vương ở nước ta) đức Phật Nam-Hải Quan-Âm giáng-sinh vào cung vua Trang-Vương nước Hồ-tôn (tức là Chiêm-Thành bấy giờ) và hiện vẫn còn di-tích ở cụu-đô Phật thế. Trộm nghĩ, nay đương tiết thu êm đềm, Thượng hoàng xa giá qua đó, cung chiêm, tiện thể ngắm xem non nước quê người, tưởng cũng là một cái thú...»

Thế là tháng 9 năm ấy (1301) Thượng hoàng Nhân-Tôn lên đường. Vua Anh-Tôn sắc cho Nhân Huệ Vương Trần-khánh-Dur Văn hiển-hầu Trần-khắc-Chung, Ngự-sử trung tán Đoàn Nhữ-Hài

cùng với quân Thánh dục-quân Phạm-ngũ-Lão đem 3000 quân đi hộ giá. Nhà vua lại cho sứ mang thông điệp sang trước để Chiêm-chúa được rõ mà sửa soạn tiếp nghênh.

Sau một tháng trời sang tới nơi, đã thấy Chiêm-chúa Chế-Mân trân trọng ra tận Phật Thệ đợi đấy rồi. Chế-Mân đón rước Ngài về kinh đô Trà-Kieu (giữa tỉnh Quảng-Nam và Quảng-Ngãi bây giờ) và tỏ ra hết sức cung kính trọng vọng vị Hoàng Đế anh hùng đã trấn yên cõi Bắc và dư-uy còn lại đủ che chở yên ổn cho phương Nam.

Theo tập khảo cứu của ông Nguyễn Chí Thành (giải thưởng K. T. T. Đ. 1939) thì Thượng Hoàng cùng các quan hộ giá ở lại Chiêm-quốc tới hơn một tháng, để đi thăm các nơi danh lam thắng cảnh, nước lạ non kỳ; lần hồi từ Trà-Kieu tới Trà-Bàn, qua thăm cả tháp Mỹ Sơn, tháp Chùa, tháp Chợ, rồi tới các khảo cứu Phật tích ở khắp cả 72 ngọn tháp Đồng dương...

Nhân ngắm cảnh Chiêm đô, — xây dựng từ thế kỷ thứ 9, — có

thành gạch, chu vi tới 8 dặm, chung quanh có trở nhiều cửa, phía sau có sông bọc, và chảy thẳng ra biển, khiến nên nơi kẻ chợ buôn bán rất sầm uất; trong thành lại có dựng 8 ngôi chùa lớn và ngọn tháp rất cao, coi có vẻ hùng vĩ.

Vả xem xét tình hình trong nước rõ ràng là cường thịnh văn minh! Thượng Hoàng thấy Chiêm chúa cung đón hết sức trọng hậu ân cần, bèn sinh ra mến cảnh mến người, mãi lúc trở về mà vẫn ngập ngừng, chẳng nỡ chia tay, Thượng Hoàng sức nhớ tới Huyền-Trân Công Chúa, con gái út của Ngài năm ấy đã 16 tuổi xuân, bèn hẹn gả cho Chiêm Chúa để đáp tình, nhân đề thắt chặt mối thân thiện với phía Nam cho nhân dân hai nước khỏi lo nạn chiến tranh tàn sát. Như thế là vì nước vì nhà, hai đảng đều thỏa vui... sao có giống việc Hán đế bị uy-hiệp mà phải gặt lệ mang cống Chiêm Quân cho rợ Hồ được.

Thượng hoàng về được ít lâu, Chế-Mân bèn cho Chiêm-sứ sang dâng vàng bạc, châu báu và các

thồ sản quý báu để cống hiến và xin cưới.

Vua Trần-Anh-Tôn nghĩ thương em gái, một vị thiên kim công-chúa, nhan sắc như hoa, cầm kỳ thi-họa đủ tài, vậy mà đem sánh với một vị Chúa Hời (ta lúc ấy vẫn có cái tự tôn mặc cảm) cho như vậy là làm mất thể cách của Triều đình, mấy vị văn quan đại thần như Hàn Thuyên, Trương-Hán-Siêu, Chu Văn-An, Nguyễn-Trung-Ngạn, Mạc-Dĩnh-Chi (văn quan, võ tướng của ta bấy giờ đều giỏi cả) lúc ấy cũng phản đối kịch-liệt.

Trong dân chúng cũng xôn xao bàn tán (vì vậy mới có những câu ca dao tiếc thương công chúa).

Tuy nhiên đường đường một vị thiên tử một nước lớn, chẳng lẽ lại sai lời với chư hầu? Công chúa Huyền-Trân cũng đã từng suy-nghĩ chán, nhớ tới lời vua cha dặn lại trước khi về An-tử: «... ngoài là nước mà trong là nhà, con phải làm sao cho tỏ rõ.

Phấn son tô diêm sơn hà
Làm cho tỏ mặt dân hà nước Nam

Công chúa khẳng khái, nhất

quyết giữ lời hứa của Vua cha.

Huống chi bên trong đây Hoành Sơn, vua Chiêm cũng ham sắc trọng tài Công chúa nước Nam, miễn phục uy danh của Việt triều, nên dầu có tổn phí bao nhiêu cũng cố...

Thấy Việt triều cứ lưỡng lự phân vân mãi, Chế-Mân không biết làm sao, đành lòng cắt đứt hai châu Ô, và Ri (tức là Hóa châu và Thuận châu) làm sính lễ để xin đón công chúa.

Bấy giờ Anh-Tôn đành chịu cho Huyền-Trân về Chiêm quốc.

Nhưng cuộc tình duyên Chiêm Việt mới được gần một năm thì Chiêm Vương Chế-Mân bỗng đau rồi mất.

Theo phong tục Chiêm thành vua chết thì các hậu, phi phải lên hỏa đàn, tự thiêu mà chết để giữ trọn lòng trinh tiết với vua.

Bên Việt Nam, vua Trần Anh-Tôn, tiếp được Chiêm-sứ sang cáo tang, sợ em mình phải lên hỏa đài mới sai Văn Hiến Hầu Trần khắc Chung (nguyên trước là người yêu của Huyền-Trân), giả tiếng sang phúng viếng rồi

cướp Công chúa xuống thuyền, vượt biển về nước.

Về tới nước Huyền Trân bỏ đi tù, còn Trần khắc Chung bị triều đình nghi ngờ có sự gần gũi với công chúa, nên sau phải lánh mặt đi một nơi xa.

Sau khi Chế-Mân băng, Chế Chí lên ngôi, lấy việc Chiêm-hậu bỏ trốn làm hiềm, liền phái quan quân ra giữ chắc lấy châu Ô, Ri vì lúc nhường đất quan Chiêm vẫn còn ở lại quyền coi, mà binh Việt chưa hề vào đóng.

Vua Anh-Tôn liền sai Đoàn Như-Hải mang 5.000 quân vào tiếp thu hai châu Ô, Ri. Tình hình lúc ấy trở nên nghiêm trọng. Nhưng Như-Hải tuy là một văn quan (Ngự-sử) mà rất có tài thao lược.

Cuộc tiếp thu hai châu Ô, Ri.

Một buổi chiều, Đoàn tướng quân kéo binh tới sát bờ suối Trong (ông Hương) bên hạ lệnh cắm trại rải rác suốt mấy dặm dài. Mỗi trại chia ra chỉ có một ít quân, song bắt chòm nào,

chòm ấy cắm cờ la liệt. Ban đêm thấp đèn sáng choang và đánh trống hò reo rầm trời để khoe trương thanh-thể. Ban ngày ông lại họp quân, nài nịt chỉnh tề, vác gươm cầm giáo sáng quắc, sai các viên tùy tướng dẫn quanh hòn núi Thiên-Mộ, khiến cho bên kia sợ hãi, quân Chiêm trông thấy, tưởng chừng như bên địch binh tướng càng ngày kéo tới càng nhiều. Các tướng Chiêm thấy binh Việt không động tĩnh, càng nghi nan và nghĩ tới oai hùng của vua Nhân Tôn đã chống với trăm vạn quân hùng beo của chúa Mông Cồ, càng khiếp sợ.

Làm kẻ nghi binh ít bữa, sau nhân bắt được tên do thám, ông bèn nghĩ kế, tha chém cho trở lại, rồi viết thư nhủ mang về, mời Chiêm tướng ra trận tiền hội nghị. Ông cho Chiêm tướng biết là quân nhà Trần muốn san bằng kinh đô Trà kiệu, song nghĩ lại việc của vua Lý thái Tông hồi hơn hai thế kỷ trước mà thương cho dân Chàm, vả lại cũng vì tình hòa hảo khi xưa nên chưa nỡ đánh vội. Vậy muốn coi mạnh, yếu ông

hẹn hai bên đắp thi một dãy trường thành, đắp một đêm tới sáng, bên nào đắp dài và cao sẽ thắng. Bên kia phải rút quân và nhường đất lại, n'ư vậy đỡ được việc chiến tranh chết hại.

Chiều vừa tàn, ánh nắng mới phai, quân Chiêm đã vội vã cuốc đất, đắp thành dọc theo bờ suối và vắt qua mấy ngọn đồi. Bên này quân Việt vẫn còn dương đông đình, vừa làm vừa chơi, mãi tới gần tối mới ra sức vào làng lân cận chặt tre dẫn gỗ mang về trại.

Sáng hôm sau, trời vừa bình minh, quân Việt đã nghỉ tay. Bên kia Chiêm tướng vẫn còn đốc thúc quân sĩ cố đắp...

Chợt một hồi chiêng khua động, tiếp theo là khúc nhạc bình hùng hào. Chiêm tướng đứng trên trời cao, trông sang thấy binh Việt nài nịt chỉnh tề, gươm áo uy nghi, kéo ra từng đoàn từng lũ lam bộ như sắp sửa qua sông. Trông lên bức «thành đắp thi» thì kìa: thăm thẳm đến mấy dặm dài: tường cao bốn trượng, mặt thành rất dày, cổng thành đồ sộ. Trong thành cung điện mới xây nguy

nga tráng lệ, ngựa voi binh lính dàn ra không biết bao nhiêu. mà các binh ngũ vẫn giữ trật tự oai nghiêm, như chỉ chờ lệnh là xông ra...

Chiêm tướng cùng các thủ hạ nghiêng cổ sang trông, cùng nhau ngỡ ngàng, hãi hùng. Kịp tới lúc nghe tiếng loa bên địch thét mời lên vọng lâu để coi, Chiêm tướng giật mình sợ hãi, liền nổi hiệu hội các binh tướng lại, rồi cướp đường cuốn xéo rút lui.

Giặc Chiêm cho là quân Việt có phép gì lạ, mới xây cất thành trì nhanh chóng và đồ sộ đến thế. Thực ra, đó chỉ là cái mưu nhỏ lấy tre nứa đan thành phên, dựng lên một mặt thành dài, rồi chất đất bên ngoài. Lại thêm ngựa voi băng rơm bện, quân cũng là những bù nhìn bằng cây chuối. Còn lính thật thì một toán đã lợi qua sông sang ẩn ở những vườn gần trại giặc để làm giặc hoảng thêm trong lúc lui quân.

Giặc chạy bỏ lại bức thành dày và dài hàng mấy dặm, tường cao tới bốn trượng.

Khi ấy là tháng 5 năm Đinh

mười (1307) niên hiệu Hưng Long thứ 15, triều vua Trần Anh Tông.

Trải hơn 600 bức thành đất của dân Chiêm đắp hiện nay vẫn còn vết tích ở quanh thành Phật-Thệ cũ thuộc địa phận mấy xã Dương Xuân, Nguyệt Biều, ở huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên, cách ga Huế chừng 3 cây số.

Tục danh bây giờ gọi là Thành Lỗi vì Lỗi là tên viên chúa tướng Chiêm đã đốc thúc quân sĩ đắp nên thành ấy.

Nói tóm lại, văn quan võ tướng thời Trần bấy giờ đang mạnh, nước ta bấy giờ cực thịnh, việc gả Huyền Trân cho Chiêm chúa chỉ là do thiện chí muốn giao hảo của Vua Trần nhân Tông mà thôi, nó không thể ví với việc Chiêu quân Cống Hồ. Và việc ta tiếp nhận được châu Ô, châu Ri cũng không hẳn là một việc đời chác. Chẳng qua là Chiêm chúa tự cắt hai châu đó để làm lễ cống và làm đồ sính lễ xin cưới Huyền-Trân mà thôi.

● BIẾT MÀ !

Hai anh chàng phải qua một cuộc trắc nghiệm tâm lý để xứng vào hải quân. Vị sĩ quan hỏi anh thứ nhất :

— Anh có biết lợi không ?

Anh này liền quay lại nói với bạn :

— Biết mà ! Họ không có đủ tàu để đi nên bắt mình lợi.

● TƯ TƯỞNG HAY

Nhà cách mạng thường mong thay đổi cả thế giới. Người phân loạn lại mong giữ nguyên những điều bất công mà họ đang chịu đựng để có thể nổi dậy chống những bất công ấy.

J. P. Sartre



Truyện ngắn ★ LAN-ĐÌNH

N GẤU nhiên, cả ba người cùng nín lặng một hồi lâu, như đã hết chuyện để nói.

Quyền thần nhiên nường thuốc cô thành những viên đề dành, đứng trong cái ống Aspirine. Nhựa hơ trên lửa kêu sèo sèo, bốc hơi thơm ngậy...

Trần ngồi vòng hai tay ôm lấy hai chân, hết chăm chú theo rồi

từng cử động của Quyền, lại nghiêng ghé soi ngắm bộ bàn đèn, tò mò, lạ lẫm, tưởng chừng Trần mới trông thấy Quyền. Nghiện hút lần đầu.

Lâu chẳng biết làm gì ngứa tay, mở máy thu thanh. Một giọng ngâm gân guốc quen thuộc :

— Người đã về đây...

Người... đã... về... đây...

một tay lều lái con thuyền quốc gia...

Lân chép miệng :

— BỐ KHỈ !

Quyền mồm-mím hai, chiếc răng vò vàng khè trông ngộ-nghĩnh như con rế nhe nanh :

— Các cậu không nghe thì để tôi nghe.

Trần ngừng lên, lơ đãng :

— Này anh Quyền, Lân với tôi cứ hay chầu đũa thế này, ngửi mùi thuốc phiện, liệu có thể bị nghiện không ?

Quyền ngoáy một ngón tay vào lọ thuốc sống, phết đều chung quanh chiếc Lucky, đôi kính cận chớp chớp một cách mơ mộng. Hồi lâu...

Câu hỏi chẳng ăn nhập vào đầu của Trần, và lời lẽ mỉa mai của Lân, tình cờ có chỗ trùng hợp nhau, Quyền tưởng nhầm hai người dụng ý nói xỏ anh. Anh gật gù thú vị :

— Các toa cứ đến chơi, không lấy xầu với moa được đâu. Có điều các toa chỉ biết chề thôi. Nhưng các toa đã quên rằng, có nhỉnh mới có tiền.

Lân phì cười. Anh ngược lên

tường, chỗ có khung ảnh lớn. Hình người đàn ông già rồi nhưng béo tốt, hơn nữa, xung mãn. Cái nhìn thật nhiều lòng trắng, vì lòng đen đã cuoir hẳn lên cao. Một nốt ruồi hiển hiện ở gò má, áp bên giòng nước mắt...

Lân ngoảnh nhìn Trần và vụt nhớ, có lần Trần đã giờ qua đám, măm môi, nửa đùa nửa thật : « Tao sẽ đào chính » ! Bây giờ trông Trần, không hiểu sao Lân lại có cảm tưởng hình như Trần đã hiền đi vì bộ quần áo thường phục, và chính Trần cũng đã quên phắt câu nói cao hứng của mình.

Tình cờ Trần bắt gặp Lân đang nhìn mình, anh hất hàm nhử mắt, ra hiệu hỏi Lân muốn gì. Lân hóm hỉnh liếc trộm Quyền rồi kín đáo gật đầu. Ý anh định phân bua với Trần rằng Quyền vừa ngộ-biến. Nhưng Trần lại cho rằng Lân đòi về, anh nghịch-ngợm hai tay bẻ hai chân đặt xuống đất và đi gầy vào.

Hai người lặng lẽ bỏ đi, Quyền vẫn điềm nhiên lẩn mũi cây tiem trên đầu ngón tay, không buồn ngừng lên. Cả đôi bên đều chẳng

ai cần biết đến ai. Như lúc Lân và Trần mới vào đây cũng thế, cứ việc ngồi xuống hai góc đi-văng, trong khi Quyền cứ việc nằm hút thuốc phiện.

Dừng lại ở đầu ngõ, Lân khẽ huých khuỷu tay vào cạnh sườn Trần :

— Đi đâu ?

Như đã chủ bụng từ trước Trần liếc mắt về mạn sân bay.

Đôi bạn thủng thỉnh dẫn bộ ra mãi tới cuối đại lộ, chỗ trông sang khu nghĩa trang. Trần kéo Lân cùng ngồi xuống vệ đường :

— Ngồi đây thôi.

Lân chống tay sang bên cạnh, cái bờ xi măng đã tằm sương, man mát, lành lạnh, truyền vào anh một niềm sáng khoái vu vơ. Ngay lúc đó, anh nghe rõ tiếng thông reo gờn gợn trong nghĩa trang thoảng ra.

Đêm ngoại ô, ánh đèn điện loáng lẹt hắt đi, sáng trắng khá nguyên vẹn, tầm mắt cũng thừa văng hắt ra, có cả sao đồi ngời tận cuối trời, và tiếng rế kêu nhỏ nhút, xa xăm.

Khắp vùng chỉ còn sót lại một chút thao thức, nhưng càng có vẻ

khuya khoắt hơn, tia đèn phía ở mạn sân bay xiên chéo lên cao quơ nhanh từng vòng trong màn sương, khoảng buồn.

Ngồi chỗ này, hai người bắt buộc phải nhìn thẳng về mạn sân bay, và để ý thấy tia đèn pha.

Trần sức nhớ có đêm anh ngồi thâm ở bờ biển, rất bức mình vì ngọn hải đăng trên núi thỉnh thoảng lại quét vào mặt, phá đám, chia cắt nguồn mạch tâm tưởng của anh. Bấy giờ, đột nhiên Trần đã nảy ra ý nghĩ so-sánh hay hay, anh cho rằng những thẳng chính trị viên cũng đáng ghét như vậy.

Lân đang nhận biết gần giống Trần, nhưng anh lại liên tưởng đến một hệ thống canh phòng nghiêm ngặt, ụ súng, hàng rào sắt. Rồi Lân nhớ ra khung ảnh treo ở nhà Quyền, chân dung người đàn ông tròn nặng đó, anh dường tượng thấy chế độ của ông ta cũng như một cái khối to nhẵn thín chẳng còn chỗ nào có thể dùng làm điểm tựa để bày đi được...

Lân lại huých khuỷu tay vào cạnh sườn Trần :

— Này đã bao giờ mày được nịnh quá đến phát ngược chưa ?

Trần phì cười :

— Thiếu gì ! Mới chiều nay thôi, một thằng lính chẳng biết muốn xin xỏ điều gì mà lại bảo tao « em thương trung úy hơn bố em », tao cười, nhưng đã thôi cho một cái bật ngửa, hộc máu !

Lân gật đầu từng cái thưa, chậm :

— Tao còn nhớ thuộc lòng cái câu Quyền viết trong bài « tính sổ cuối năm », số Xuân vừa rồi...

— Cái gì ?

— *Tổng thống như một cái trụ vững mạnh, cho mọi việc quây quanh, lần lượt được giải quyết. Chúng ta đã thấm nhuần sức mạnh phát huy từ Tổng thống.*

— Làm sao mày không thôi cho nó một cái hộc máu ra ?

— Hả... già rồi.

— « Cái trụ vững mạnh » của nó gục đến nơi rồi ?

Lân vội vàng chỗ mặt vào mặt Trần :

— Hả, mày vừa nói...

— Đêm mai tao lại đi họp. Mày đi với tao, giữ một chân ăn nói.

Lân ngấm Trần suốt lượt, rấp một vòng mắt :

— Tới đâu rồi ?

Ngửa bàn tay ra trước mặt. Trần xia từng nhát :

— Xong được chín phần mười rồi. Chỉ còn mỗi việc chờ đợi nữa thôi.

Lân gò mình, chấp cứng hai tay kẹp giữa hai chân, cúi nhìn xuống đất, và lắc đầu.

Đến lượt Trần chỗ mặt vào mặt Quyền :

— Mày sợ ?

Trần ruỗi thẳng hai chân ra, hai tay chống ngược về đằng sau, mặt ngửa lên trời :

— Sợ thì chẳng sợ gì mấy. Nhưng tao tự xét mình chẳng có vẻ một chánh-trị gia chút nào. Nhất là tao chưa có tiếng tăm bao nhiêu. Tao ngược.

— Ký - giả làm cách mạng thiếu gì ?

— Sao mày không gọi thêm thằng Tuân ? Nó thi-sĩ, nhưng tao thấy Quyền phục nó viết lý luận hơn.

— Hồng. Mày chưa biết nó « cô ca cô la » hờ ?

— Bề ngoài. Đề tao móc nó cho xem.

Trần vội vàng ngồi dẫu mặt vào với Lân :

— Đứng, chuyện mặt dẫu, không phải dẫu.

Đôi bạn ngó nhau, giống hệt thuở còn đi học, họ đã từng ngồi như thế, đề thay phiên hút chung điếu thuốc lá lẻ, ở một gác trọ.

Chiếc Cadillac óng ánh uyển chuyển bò qua, và đậu lại dưới bóng cây gần chỗ hai người. Gã trai huơng tay lái, cúi nhanh xuống mớ tóc vẫn gối trên thành nệm.

Gặp nhau lần trước, Lân và Tuân chỉ nói chuyện phiếm. Tuân bảo sẽ xin nghỉ phép ít lâu, rồi tình nguyện đi chiến đấu vì ngồi văn phòng mãi, chán Lân cũng muốn « đi lấy hứng » ở đâu xa trong ít lâu.

Bắt đầu chuyến đi chơi, lúc mới bước lên xe dờ, họ đã cam kết với nhau, phải tạo thật nhiều bất ngờ ở dọc đường, bằng cách « vui dẫu châu dẫu », chỉ « ăn lấy

sống nằm lấy sáng » thôi, và nếu cần cũng sẽ « đốt đuốc đi chơi đêm »...

Suốt tuần lễ đầu đã có vô số cảm giác lạ. Nhưng chiều nay mặt trời vừa lặn rồi, mà hai người vẫn còn lẻo đẻo ở quảng cái quan giữa rừng, chờ mãi chưa gặp chiếc xe nào để xin quá giang họ mới có dịp nhìn nhau nhin đôi nhin khát thật tình, và bật cười.

Chợt thấy nóc nhà. Cái ngã ba, đầu con đường sỏi cát, một bên có ngôi nhà gạch, đủ cả tháp nước, vườn hoa, và một bên, dưới thấp, hai dãy mái tôn chạy dài. Tuân xoa cằm, bắt chước giọng ông cụ :

— Quý lắm vậy thôi ! Cái lần mình đi theo chiến dịch tiếp thu đã ghé qua đây. Thế mà quên mất...

Anh gãi gù đặc ý :

— Nhà người thấy chưa : nhân phong lưu hà sử « cũng » phong lưu.

Lân nhìn về tấm bảng hình mũi tên trồng ở bên đường, anh lăm lăm :

— Sở Nước Suối, à ?

Tuân nắm tay Lân, đi thẳng vào lối rẽ, nói thầm :

— Hết giờ làm việc rồi. «Sứ» quản lý, ở cái nhà kia kia, trông thấy hai thằng. sẽ đuổi ra Bên kia là trại gia đình của phu thợ.

Mới được một quãng. Tuân cao hứng, tạt sang cánh rừng thưa, bẻ lấy hai cành hoa dại, hoa gì trông na ná hoa khế, cài lên túi áo một cành, một cành đưa Lân.

Lân cũng có sẵn một niềm cảm khái. Lăn trong những giọng chim xa gần, con tu hú nào đó vừa gáy một thôi dài, vang vọng bốn bề, buồn buồn. Anh sức nhớ về một vùng trời quê ngoại hoa nhàn hoa vãi vàng thơm. Anh buột miệng :

— Quê ngoại mai này cau rụng hết,

Mình buồn, mình khóc, một mình nghe...

Người gác đàn ra mở cổng. Tuân trịnh trọng một cách khôi hài, ngón tay xoắn gọng kính cận, cười lúm đồng tiền :

— Huyền Trân Công Chúa tắm ở chỗ nào, hở ông ?

Người gác đàn đứng sững, mắt trở lên, miệng há hốc. Lân

phải quay vội ra đằng sau, nín cười.

Lâu lắm, anh mới ngoảnh lại, mà bác ta vẫn còn lúng túng, tay nọ gãi tay kia. ngượng ngịu Tuân tự mình khép cổng như chỉ sợ bị đuổi ra :

— Ông làm ơn, chúng tôi bị lỡ đường, nấu giùm bữa cơm ăn thế nào xong thôi. và cho trọ một đêm, ở cái đầu hè kia cũng được rồi.

«Chẳng cần người gác đàn trả lời, Tuân kéo Lân bước sầm sầm vào hiên. Người gác đàn càng trở nên lúng túng, chẳng biết làm gì hơn, cứ xun xoe trước đôi bạn. Bây giờ Lân mới nhìn kỹ bác ta, to ngang quá hóa lùn, đen bóng, tóc xoắn và rậm, ngực vể chằm nhỏ nhằng, như một sắc dân hải đảo.

Tuân dúi trăm bạc vào tay người gác đàn :

— Chỗ đồng bào với nhau, mà...

Bác ta mân mê tờ giấy bạc :

— Dạ đành rồi, mà có điều, tôi sợ ông quản lý biết thôi...

Tuân chặc lưỡi :

— Tôi là Đại-úy. Ông này là nhà báo. Khỏi lo !

Người gác đàn thoát bỏ đi ahung chốc chốc lại ngoảnh nhìn Tuân mồm mím, khoác tay Lân, bước vào khu buồng tắm.

Hai người trở ra đúng lúc chiếc Land Rover chạy lao vào sân, xích đỗ trước hiên. đèn vẫn đề pha, loá cả mắt. Anh tài-xế nhẩy xuống trước, cúi kính một cách lễ độ, mặt xung lên nhưng lời lẽ vẫn từ tốn :

— Thưa hai ông, ông quản-lý sai tôi vào thưa với hai ông, trong này là sở làm, không thể đề người lạ nghỉ đêm, e bất tiện...

Người gác-dan bước xuống sau cầm tờ giấy bạc ban nãy bằng cả hai tay đưa Tuân :

— Dạ, xin đại-úy thứ lỗi cho, tôi vì phận sự nên đã...

Tuân dầy ngược hai tay bác ta :

— Biểu ông luôn. Cũng như chúng tôi trả tiền tắm.

Đôi bạn cùng bèn lên xách hành lý lên xe. Ra tới quốc lộ, chiếc Land Rover rẽ tay trái, chạy luôn, chứ không dừng lại ở tư thất ông quản lý như hai người đã dự đoán. Bây giờ anh tài xế mới nói tiếp :

— Ông quản lý thông cảm với

hai ông, nên đã sai tôi đưa hai ông đến chỗ nghỉ đằng hoàng. Ngoài bờ biển có cái nhà nghỉ mát của ông giám đốc, hiện đang bỏ không..

Tuân cù ngón tay út vào bụng mớ Lân :

— Nhân phong lưu hà sử «cũng» phong lưu.

Lân cũng hí hửng hình dung thấy một ngôi biệt thự, đúng hơn một tòa lâu đài có những bức cồ họa, những giường tủ bàn ghế màu nâu, màu đen...

Xe bót mảy. Hàng trụ xi măng quyết v. trắng trùng trùng hiện ra tro g ánh đèn pha. Cái cổng nửa ken giầy thép gai. Người tài xế chệch bàn tay trên núm còi bà nhất. Người quản gia từ trong bóng tối chạy ra, mở khóa, chuỗi giầy xích va kêu loạt-soạt.

Chợt tiếng sóng biển ủa đến thật gần. Con đường giải vô ốe trắng phau uốn éo giữa khu vườn cà phê, từng chùm quả đỏ thắm, nặng vút cành. Nếp nhà tranh xinh nhỏ như một thứ đồ chơi, ngoài hiên bắc giàn nho, cửa đóng lười tĩnh-mịch.

Tám liếp tre đan mắt cáo phân cách hai gian. Ngoài buồng khách chỉ có bộ bàn ghế gỗ mộc, tám lịch

Nhật-bản treo trên vách, và cái vỏ tôm cực lớn thả giầy trâu bà. Phòng trong có một đôi ghế bố phẳng căng. Tuần lại chúm chim nọ cười lồm đồng tiền, ngón tay chỏ khê nâng gọng kính cận :

— Quý lắm. Thảo lư ! Thảo lư !

Dưới ánh đèn báo dục vàng, bữa cơm bắt đầu bằng câu chuyện ma của người quản gia, gió va vào cửa lưới bập-bùng, sóng uện ngoài bờ biển ì-ầm, và lâu lâu tiếng thú rừng đối đáp nhau trong mạn núi vọng ra. đĩa hoa cải sào thịt chim nhắm với rượu thuốc thơm ngon đến nhớ đời...

✱

Khoảng 2 giờ sáng, bà chủ nhà chạy lên cầu thang, gọi dật :

— Cậu Lân ơi ! sủng ở đâu mà nghe gần quá ?

Lân ngồi bật dậy, đúng lúc một tràng đạn liên hành nổ rền. Lân chồm tới bàn giấy, mở máy thu thanh. Đáo chính. Anh chẳng còn lòng nào để nghe tin tức nữa, nỗi vui mừng uất lên ngực, bỗng lên đầu.

Không phải Lân đã ghen ngào với cuộc đảo chính. Anh chỉ thấy

mình reo lên trong lòng mỗi câu ' nó đã thoát '.

Nửa tháng trước, giữa đêm hội độc lập, pháo bông đầy trời, Trần còn đến rủ Lân đi uống rượu. Chưa bao giờ Lân gặp Trần uống nhiều đến thế. Mặt Trần đã chín dừ nhưng giọng nói vẫn ráo hoảnh, thủ thi :

— Sắp đến lượt tao bị bắt. Chung quanh tao đã bị bắt voi hần đi rồi. Thất bại. Vĩnh biệt mày.

Nhưng hôm nay vẫn có đảo chính. Trần đã thoát.

Lân vừa thay quần áo vừa dặn nhanh bà chủ nhà :

— Hôm nay tôi không ăn cơm, đảo chính, tôi đi nghe tin...

Ngoài đường vắng tanh như ngày mùng một tết, chỉ có quân lính đứng rải dưới mái hiên. Lân vẫy chiếc taxi đến nhà Quyền. Trước hết, Lân muốn nhìn rõ vẻ mặt của Quyền, ngay sáng nay.

Quyền vẫn điềm nhiên nằm hút thuốc phiện, một tay cầm cây tiêm khê gõ vào cái máy thu thanh để bên gối :

— Chẳng đi đến đâu. Rồi toa xem.

Không hiểu sao câu nói lấp lửng của Quyền đã dội lạnh vào lòng Lân, tắt ngấm. Anh khuyu xuống cạnh cái bàn đèn, trăn trối nhìn Quyền. Quyền lại mấp máy hai chiếc răng cửa vàng khè, đôi kính cận chớp chớp, cả mắt và mồm cùng nanh nọc ma quái.

— Chắc toa chưa ăn hả ? ở đây ăn với moa. Rồi đến tòa soạn thực hiện một số báo đặc biệt, chống đảo chính, đập cho đập đầu bọn phản loạn.

Lân toát mồ hôi, từng giọt tròn lạnh bò dài trên sống lưng.

Quyền đã nói đúng như tiên tri. Xế trưa, khi Trần đã chạy theo đoàn người rút lên chiếc Dakota bảy giờ Tuân mới đem đại-đội về tới ngoại thành, định tiếp sức cuộc nổi dậy ! Vừa đặt chân xuống đất. Tuân lại nhảy lên chiếc jeep, cùng người tài xế bỏ chạy qua biên giới. Ngay hôm sau, vợ Tuân bị bắt.

Chập tối, Lân đến nhà Trần. Mẹ Trần tái mặt, lăm lét nhìn ra cổng, chỗ người Tàu đang đứng bán bánh tiêu :

— Anh ơi ! nguy lắm, mặt xám đấy, nó vẫn hỏi trẻ con trong

xóm « ông Trung-úy có về đây không ? »

Lân cũng không kịp bước vào nhà :

— Bác yên tâm. Nó trốn thoát bằng máy bay rồi.

Lân trở ra, « người Tàu bán bánh tiêu » cũng cấp hàng đi theo. Lân đứng chờ anh ta, chìa ra tấm thẻ nhà báo, nụ cười đáng ghét trong lòng :

— Tôi cũng đi điều-tra đây !

« Người Tàu » trở lại đầu ngõ. Lân thất thểu quay bước, mặt hướng thẳng, hai tay buông thõng, như thế để buồn với nỗi buồn của Trần.

Mồ côi cha từ thuở mới lên mười. Mẹ tái giá. Quãng đời thơ ấu bị khuất lấp vào một gia đình không phải gia đình, với chú dượng, với lũ em cùng mẹ khác cha đông như xếp hàng mua vé hát.

Nuôi mãi ý niệm thoát ly bằng mấy sáo ngữ « tang bồng », « hồ hải ». Tình nguyện vào lính trơn. Nhưng qua những ngày phơi nắng làm cỏ, những đêm gác buồn ngủ đến nỗi mắt, mới biết mình nhắm.

Tuy vậy, vẫn muốn «hoát ly» nhưng bằng cách sĩ quan. Ra trường thiếu úy. Thăng cấp Trung úy ngồi mặt trận.

Bây giờ lại bắt đầu một lần nữa, bằng sự chọn lựa cho là ưng ý nhất, nhưng cũng thua thiệt nhất.

Chiếc Taxi chưa kịp dừng lại hẳn, Lân đã ném tiền lên ghế trước, tông cửa chạy lao vào ngõ. Cái máy phóng thanh ở đầu đó vẫn nhắc lại những lời kêu gọi đám tàn quân, đã trốn khỏi dinh tổng thống, hãy trở về. Như vậy là cuộc nổi dậy đã thắng. Như vậy là Lân đã nắm chắc lý lẽ để nhìn lại vẻ mặt của Quyền, ngay sáng nay.

Quyền đi vắng, chỉ có vợ Quyền đang ôm con, ngồi ở đầu sập, đang mỉm cười nghe tin tức. Trên tường, khung ảnh lớn đã biến mất, nhưng vẫn còn nguyên một vết mìn nhện kéo thẳng từ chiếc dinh này sang chiếc dinh kia. Lân bờ ngõ, đảo mắt quanh nhà :

— Anh đâu, chị ?

Vợ Quyền còn chao mặt một

cái, đề đưa đà theo câu nói phần khởi của gã xướng-ngô viên, rồi chị ta mới trả lời :

— Nhà tôi mới đi xong. Đến toà báo.

Lân vùng chạy trở ra, cuống quýt vẩy xe.

Vợ Tuấn đang ngồi bệt ở góc hè trước toà soạn. Lân đứng sững, trần trối nhìn người thiếu phụ. Anh không tin vợ Tuấn đã hóa điên nặng như lời đồn. Bởi vì, sáng nay, nàng đã biết ra đây góp mặt với niềm vui cả nước, ngay chỗ này, chỗ có nhiều bạn cũ của Tuấn hay lui tới. Lân bước đến gần thiếu phụ :

— Chị Tuấn ! chị còn nhớ tôi không ?

Nàng dờ-dẫn ngược lên, đôi mắt đại nghệch, thoáng một nụ cười, rồi lại cúi xuống, ủ rũ. Trông nét nhìn xa lạ, gương mặt căm diếc của vợ Tuấn, Lân mới chịu tin nàng điên thật rồi. Nhưng anh còn nhích lên một bước nữa :

— Chị Tuấn ! Tôi là Lân đây mà ?

Như sự nhớ ra điều gì, nàng sờ tay chung quanh chỗ ngồi cái cữ chỉ ở người vừa đánh mất một vật nhỏ nhút, chiếc kim chẳng.

hạn. Rồi nàng đứng dậy, hồn nhiên bỏ đi.

Đứng tại chỗ, Lân nhận thấy nàng vẫn ăn mặc gọn ghẽ, áo bà-ba trắng, quần sát-si đen, nhưng vẫn tiêu tụy, mái tóc khô vàng ruối dài xuống hết lưng, hai nốt xương vai hằn nhon. Lân thứ nhất, Lân sực nhớ cái khung ảnh bằng tre đặt trên mặt tủ chè ở nhà Tuấn, ngày trước. Người vợ trẻ đang cúi xuống cây đàn hay-di, và bốn giòong chữ của Tuấn : «*văng tiếng đàn khusa ta nhớ em...*»

Bất giác, Lân rút khăn tay lau trán, quay vào. Quyền đang gạch gạch xóa xóa trên tập giấy. Lân ngồi ghé lên mép bàn của mình, đối diện với Quyền :

— Vợ Tuấn vừa ngồi ở ngoài kia.

Quyền ngừng lên, rồi cúi xuống ngay :

— Thế hả ?

— Anh thấy Tuấn với Trấn có quyền trở về nữa không ?

— Không, lỡ rồi !

Lân nín lặng, ngược nhìn cái quạt trần. Bây giờ, từ vợ Tuấn anh lại nghĩ đến mẹ Trấn.

Ngay năm đó chú dưỡng Trấn đã ly thân mẹ Trấn, để khỏi chịu trách nhiệm vì Trấn. Các con ở lại với cha. Mẹ Trấn bước ra có một thân, chỉ còn số tiền vừa đủ để mua lại cái quán cóc ở đầu chợ.

Lân lại ngó sang chỗ Quyền :

— Nhưng họ có đáng được gọi về không ?

— Không. Đổ cả rồi.

Hai năm trước, Quyền theo phái đoàn ngoại giao đi hội chợ Nam Vang, về kể chuyện Trấn và Tuấn, nghe khóc được. Họ được sẵn đón, ăn uống, may mặc tùy thích, nhưng bằng cách cứ chi tiêu, rồi sẽ có người khác trả tiền. Họ không được giữ tiền, vì người ta sợ họ bỏ trốn. Lân nghĩ, hạng người như Tuấn với Trấn mà gặp cảnh ngộ đó thì nhục lắm :

— Chúng nó cùng đường, đành chặc lưỡi, có thể là chúng nó đã phần thân nữa, chứ nhất định không phải chúng nó đã bị tầy nã và tự ý thoát xác.

— Ai tin toa ?

— Anh.

— Vội tắt !

— Chúng nó chỉ muốn làm anh

hàng chữ không định làm chính-trị. Bọn kia đã chờ sẵn ở cuối đường « được làm vua thua làm giặc » của chúng nó, để mở ra một lối thoát bắt buộc.

— Bằng chứng?

— Anh thừa hiểu, bọn kia đã có sẵn một môn giáo khoa gọi là « học tập đề cảm thù ». Chúng nó cũng thừa biết như vậy. Trước khi chúng nó chịu thất thế, một thằng đã bắn giết vô số bọn kia, một thằng làm thơ, viết bài chửi rủa bọn kia. Những thứ đó còn nằm sẵn trong hồ sơ đề bọn kia sẽ dùng làm tài liệu đấu lý với chúng nó. Cho nên, tôi tin, chúng nó vẫn muốn trở về, nhất là cơ hội này.

— Ba năm rồi, mà toa cứ nói như mới hôm qua, hôm kia.

Lân nhào tới bàn Quyền, anh chưa kịp nói nốt thì đã đụng mắt phải cái câu Quyền vừa viết xong :

« Ông ta tồn tại đã 9 năm. Nhưng tôi vẫn biết chắc rằng sẽ có ngày ông ta phải đền tội. Bởi vì tôi đã nhận thấy ông ta nhăm lén ngay từ đầu » !

Lân ngẩn ra nhìn Quyền :

— Trời đất !

Anh ngoắt đi, cái bấu môi còn mới nguyên suốt một quãng đường khá xa.

Đêm ngủ trọ ở bờ biển, với trăm bạc, Tuấn và Lân chỉ mong sao người quản-gia sẽ làm cho bữa cơm « ăn lấy sống, nằm lấy sáng ». Không ngờ lại có một đĩa hoa cải sào thịt chim, đầy ắp, thơm phức, và thêm cả chai rượu thuốc còn gần xi.

Chính người quản gia cũng đọc thấy vẻ mặt trầm trở của đôi bạn. Cho nên bác ta đã kê công rằng, phải sai vợ vào mài chân núi, mới mua được một con giông. Hơn nữa, hồi đầu năm, bác ta có người bạn thân làm quà cho chai rượu quý, vẫn đề dành, bây giờ mới dám dùng đến, vì muốn bắt lòng với khách.

Có lẽ Tuấn đã đề ý cái tên « con giông » nghe hơi lạ tai. Anh hỏi lại. Người quản gia thủng-thắng : « Nó có bốn chân, trên đầu có mòng, mình nổi gai, da vàng vàng, đuôi dài. Nó chỉ hiện ra trong mùa khô ráo. Bao giờ trở trời, sắp chuyển mưa bão, nó lại rúc sâu xuống đất. Vào những vụ nắng hạn, người ta vẫn nhờ nó để tìm mạch nước, vì nó làm tổ ở đâu thì chắc chắn ở đấy có

mạch nước. Nó biết trước cơn giông, cho nên người ta gọi nó là « con giông ». Trong Nam, nó là con kỳ-nhông !

Tuân điếng đi, cái bát và đôi đũa khựng lại ở thành mâm. Lâu lắm Tuấn mới nhớ mình đã tỏ ra bất lịch sự, anh lật đật và nốt miếng cơm, rồi nốc cạn chén rượu, đề lấy lại can đảm, đề tầy miệng thì đúng hơn.

Bấy giờ, trông bộ mặt « ngậm bồ hòn làm ngọt » của Tuấn, Lân đã nảy ra ý nghĩ tinh nghịch hỏi đùa người gác-gian : « Ở ngoài này, có câu ví nào đề nói chót dài mà đành phải chịu vậy không ? » Bác ta ngẫm nghĩ rồi

trả lời :

« Dạ thì cũng chỉ có câu *chim non ăn trái khô qua, nuốt vô thì đắng, nhả ra bạn cười* ».

Lân lăm lăm :

— Trấn ơi, Tuấn nó thế đó, còn mây, mây cũng bão mây ghét ngọn hải đăng như ghét thẳng chính trị viên.

Vô tình Lân đã đi tới một đám đông. Người vây kín chung quanh cổ chiến xa, tay vói lên tua tủa, bánh mì, cam táo, bia, nước đá...

Nhưng Lân chỉ dừng lại ở vòng ngoài cùng, đứng không một mình, và lặng trông.



* NHỮNG SỰ KHÁC BIỆT

Sự khác biệt nhau giữa người Anh, người Tô-cách-Lan và người Ái-nhĩ-Lan là : mỗi khi rời khỏi chỗ ngồi thì người Anh không bao giờ xoay nhìn lại chỗ mình vừa rời. Người Tô-cách-Lan thì lập tức nhìn lại chỗ mình vừa rời để xem có để quên vật gì không. Còn người Ái-nhĩ-Lan thì nhìn lại xem có ai bỏ quên cái gì không.

mắt biếc *

Oi thương mến làm sao. màu
mắt ấy !
Của một đêm hôn khê nhủ qua
hôn
Trăng dị sử bàn tay lùa tóc
mượt
Nổi sầu hoang vầy bữa sóng hôn
chôn
Sao em khóc hay mùa xuân đã
chết ?
Nét mi sầu sông núi vút mong
manh
Anh trót để những mầm tươi rã
hết
Còn chi em nữa giấc mộng
không thành !
Em về đó, một trời da bạch
ngọc
Tóc buông lơ lửng bóng nguyệt
yêu ma
Môi khê hé lợm đời uơm dào
dạt
Phong nguyệt tình hoài trọn
kiếp kiêu sa
Đã nhủ lòng mình thôi đừng
khóc nữa
Khuya từng khuya trăng giải
mộng hoang đường
Đôi bóng nhỏ chìm đi lùa sóng
biếc
Cành mong manh này biết lấy
chi nương ?
Cho anh gọi về mùa xuân tuổi
nhỏ
Cộng rơm hiền trên mỏ lữ chim
non
Hoa nắng đẹp ngày xưa tràn lối
ngõ

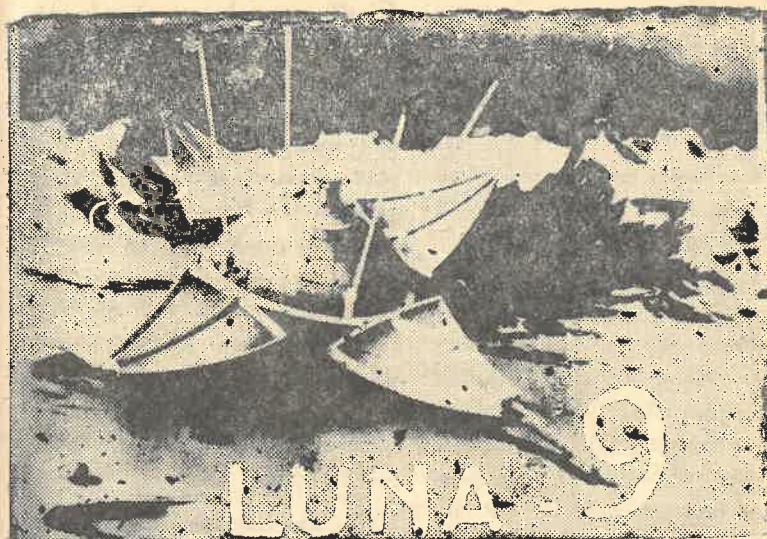
Áo cơm này sao nuôi nổi vóc
thân son
Thôi ẹm nhè về bên trời ấy ngự
Nửa vòng tay nhung nhớ bữa
trăm miền
Lâu lắm vẫn mong em về đó
chứ
Tội tình anh, em khóc phải
không Hiền ?

cát lằm * *

Ta về tuổi chớm hoa niên,
Nhìn giang hà đổ nước liên hồi
hồi
Tân hoan ta hát trên ngôi,
Thần tượng xưa bóng so đôi
tuổi tằm
Phận em từ buổi cát lằm.
Xa bờ nhân thế cam tâm nổi này
Thuyền nào giặt bến đêm nay,
Oí ngư phủ nổi tằm tay với nào !
Lưới giăng bữa hãy cho cao
Ngàn sao rụng đó gom vào cho
ta.
Ta chôn xuống đáy giang hà
Rồi ta sẽ chết cùng Nga bến này
Giấc tiên hồ mộng như say,
Ta điền đại bởi ta bày cuộc chơi
Ngàn năm sóng ngợp bờ bờ
Nga ơi ! Xin lãnh đủ lời than
van

Từ em thân xác về ngàn,
Nói sao hết nỗi điều tàn trong
anh
Hoa niên mệnh sớm đang hanh,
Tôi về nín bóng đổ dành cuộc
tôi

● **VŨ-THÚY THỤY-CA**



LÚC NÀO CHÚNG TA LÊN TRĂNG ĐƯỢC ?

KHOA HỌC HIỆN ĐẠI

● **VŨ
QUANG
YẾN**

NẾU tháng 12 năm qua, nhờ cuộc thành công gặp gỡ trong không trung với hai chiếc Gemini-6 và Gemini-7, Mỹ đã lần bước trên đường chinh phục cung trăng, hôm

3 tháng 2 vừa rồi Nga lại trở lại trong cuộc đồ bộ lên đất chị Hằng. Đặt cho được một đài tự động hay một phi thuyền lên mặt trăng không phải là chuyện dễ và tất cả các chuyên gia trên thế giới đều đồng ý trên điểm này. Như vậy ta hiểu ngay vì sao từ sáu năm nay biết bao vệ tinh đã lần lượt được phóng lên mà đây là lần đầu tiên một đài tự động nhẹ nhàng đồ bộ xuống mặt trăng

và dần dần truyền tin, hình vẽ lại quả đất.

● cuộc truyền hình từ cung trăng về quả đất

Nói đúng ra, người ta chẳng biết được gì nhiều về chiếc Luna-9 mà Nga vừa mới phóng lên cung trăng. Ngay cả hãng Tass, trái với thường lệ, cũng chẳng báo tin giờ gặp gỡ của đài tự động và cung trăng. Chính đài Jodrell Bank ở bên Anh, nhờ có máy vô tuyến viễn vọng lớn, đã theo dõi được cuộc phóng vệ tinh mà cũng tưởng là chưa đến lúc đổ bộ. Tuy nhiên các chuyên gia đài ấy nhận thấy vào một lúc tốc độ của đài tự động giảm dần và vệ tinh dừng hẳn mà những thông điệp vẫn được tiếp tục gửi về. Một giờ sau, một thông cáo ở Matxcova mới được truyền ra chứng thực nhận xét của các chuyên gia Anh: chiếc Luna-9 đã xuống trong "Biển bão", phía tây hai "miệng núi" Reiner và Marius.

Đem phân tích những dấu hiệu vô tuyến điện từ Luna-9 gửi về, các chuyên gia Anh đã suy đoán được là những cuộc truyền hình. Đây là những tài liệu độc nhất

mà người ta biết được hiện nay. Cả đến trọng lượng và máy móc mang theo trong đài tự động cũng chẳng được tiết lộ. Tuy nhiên người ta phỏng chừng Luna-9 nặng khoảng 1500 kilô như những chiếc Luna khác và, như trong kế hoạch Surveyor của Mỹ, những máy quan trọng nhất có thể là những máy quay phim, chụp hình và những máy phân tích đất đai, khí quyển. Đến nay, Matxcova cũng chưa cho biết những máy ấy có vận dụng được điều hòa không và thật đã truyền hình về quả đất chưa.

Các nhà bác học khắp thế giới hiện nay đang mong ngóng tin tức để tìm hiểu thêm cung trăng. Bà Massevitch, một nhà thiên văn học Nga, đã tuyên bố ngay sau cuộc thành công của Luna-9: « Chúng tôi muốn biết cung trăng ra sao. Chúng tôi muốn biết hóa hợp mặt đất, thể điệu động đất, tức là cấu tạo bên trong cung trăng. Chúng tôi cũng muốn biết lịch sử nhiệt học ngoài vô số điểm khác mà chúng ta chưa biết được một chút gì. Từ nay, mong của nhà thiên văn học đặt một dụng cụ lên mặt trăng đang được thực hiện. Thí nghiệm này đưa ta lại

gần hơn ngày con người lần đầu tiên đặt chân lên cung trăng ».

Như vậy mục đích các chuyên gia Nga cũng như Mỹ là kiểm cách đặt cho được một đài tự động lên mặt trăng để lược lặt những tài liệu khoa học, hầu mong khảo cứu cách đưa phi hành gia sau này lên khảo sát. Ba câu hỏi chính trong một kế hoạch kiểu này là:

- 1) Làm sao phóng đài tự động lên trúng được cung trăng ?
- 2) Làm sao cho hạ được nhẹ nhàng đài tự động xuống mặt trăng ?
- 3) Đất cung trăng có chịu đựng được một phi thuyền không ?

● Một thành công về vang về mặt kỹ thuật

Ai đã thử bắn một con chim bay trên trời ao vút đều cảm thấy tất cả khó khăn trong cuộc phóng vệ tinh lên cung trăng. Ngày nay các chuyên gia bất cứ nước nào đều chịu nhận không thể phóng thẳng đài tự động từ quả đất lên cung trăng mà phải cho đài tự động chạy trên một quỹ đạo quanh quả đất đã rồi sau

đấy đợi giờ giắc thuận tiện mới cho rời quỹ đạo tiến lên cung trăng. Một chi tiết kỹ thuật khác cũng không kém phần quan trọng là đài tự động phải được điều khiển từ quả đất để con đường đi luôn được sửa chữa cho đến lúc vệ tinh đạt đúng đến đích.

Đài tự động gặp được cung trăng rồi thì qua đến khó khăn thứ nhì là tốc độ của vệ tinh. Thật vậy, đài tự động di chuyển khoảng 10500 cây số mỗi giờ khi chạy lại gần cung trăng mà cung trăng lại không có khí quyển để hãm dần lại. Trái lại càng đến gần cung trăng, càng xuống thấp thì lại càng bị trọng lực cung trăng hấp dẫn, đài tự động ngày càng bay nhanh hơn. Chỉ có một phương pháp để hãm đài tự động lại là dùng hỏa tiễn hồi tố. Hỏa tiễn hồi tố này phải vô cùng mạnh mẽ và phải làm dừng đứng một vệ tinh di chuyển quá 10000 cây số mỗi giờ. Nhưng ai nói mạnh mẽ thì phải nghĩ đến nhiên liệu. Nếu cho vận dụng hỏa tiễn hồi tố từ trên cao, nhiên liệu sẽ phí tổn quá nhiều. Vậy hỏa tiễn chỉ phải được dùng trong khoảnh khắc trước lúc đài tự động gần chạm hai mặt trăng, trễ chừng nào bị hỏng ấy.

Các chuyên gia Anh theo dõi cuộc đổ bộ của Luna-9 bảo hòa tiến hồi tố chỉ được vận dụng có 46 giây đồng hồ trước lúc đài tự động đổ xuống đất cung trăng.

Ở thời gian này, các phép tính phải vô cùng chính xác mới mong thành công được. Thoạt tiên người ta nghĩ ngay đến chuyện điều khiển đài tự động từ quả đất. Nhưng rất tiếc là không được vì các dấu hiệu vô tuyến điện khur hồi từ cung trăng về quả đất rồi lên lại trên ấy phải mất đến hai giây rưỡi đồng hồ, thời gian quá dài trong một lúc khẩn cấp như vậy. Vậy đài tự động buộc phải tự mình điều khiển lấy hết. Trước tiên cần phải có một máy đo rada thật nhạy để đo cao độ. Sau đấy, một máy tính điện tử lấy tài liệu ở máy rada ra để tính lúc cho vận dụng hỏa tiễn hồi tố. Ngoài ra, một hệ thống kiểm tra, hoặc độc lập, hoặc gắn liền với máy tính điện tử, luôn hướng đài tự động theo một thể nhất định để tất cả hiệu lực kèm hãm nằm đúng trong trục của quỹ đạo.

Với tất cả những khó khăn này, ta hiểu vì sao trong số 25 vệ tinh (15 của Mỹ, 9 của Nga và 1 của Nga nhưng chẳng được loan báo)

phóng lên cung trăng, chỉ có 6 làm tròn được nhiệm vụ.

Từ Pioneer, Lunik đến Ranger, Luna

Hai bên Nga và Mỹ không hề đã tiếp sức nhau một cách trọn vẹn như đã thông đồng từ trước với nhau. Lúc đầu ba chiếc Pioneer của Mỹ nhất định không chịu bay lại gần đích là cung trăng. Đến lượt Nga ra tay, kết quả có phần khả quan hơn: chiếc Lunik-1 phóng hôm 2-1-59, chỉ còn cách xa cung trăng có 7400 cây số và chiếc Lunik-2, hôm 12-9 lần đầu tiên đổ xuống mặt trăng. Sau đấy ít lâu, chiếc Lunik-3, hôm 4-10 cũng cùng năm ấy, chạy quanh cung trăng khoảng 60000 70000 cây số và chụp hình phía kia của cung trăng luôn trong 40 phút. Về mặt kỹ thuật thật đã là một thành công nhưng hình đang còn lu mờ vì chụp quá xa.

Mỹ không chịu thua cuộc và qua năm 1961, với chính phủ Kennedy, kế hoạch Ranger được thực hiện và kế hoạch Surveyor ra đời. Được thành lập từ năm 1959, kế hoạch Ranger nhằm đích chụp hình mặt trăng nhưng với

một phương pháp khác hẳn phương pháp của Nga: những đài tự động Ranger tiến thẳng vào mặt trăng và chụp hình đồng thời truyền hình về quả đất cho đến lúc đập vào mặt trăng. Nhưng rủi thay, cả một loạt Ranger 6 chiếc (chiếc đầu tiên hôm 23-8-61) đều thất bại: hai chiếc 1 và 2 chạy lên một quỹ đạo sai, hai chiếc 3 và 5 chạy quá xa cung trăng, còn hai chiếc 4 và 6 thì phóng lên trúng đích nhưng máy móc bị tan vỡ chẳng truyền về được một chiếc ảnh nào. Sau này kế hoạch đã phải duyệt lại. Mỹ mới thành công được với chiếc Ranger-7: 4316 hình đã được chụp và chuyển về trong luôn 17 phút. Kỹ thuật bắt đầu được chế ngự. Mỹ cho phóng luôn hai chiếc Ranger nữa, chiếc 8 gửi về 7000 cái hình, chiếc 9, 5000 cái.

Vấn đề chụp hình mặt trăng thanh toán xong, giai đoạn sau là đặt cho được một đài tự động lên đất cung trăng, nhưng phải nhẹ nhàng làm sao cho máy móc khỏi hư hỏng. Đến lượt Nga thay phiên đảm nhận trọng trách với chiếc Luna-5 được phóng hôm 9-5-65. Bên phía Mỹ, kế hoạch Surveyor, cũng nhắm mục đích cho đổ lên

cung trăng một đài tự động, bị trễ mất ba năm và đầu cũng trong năm nay mới thực hiện được. Nhưng các chuyên gia Nga tuy đã chế ngự được kỹ thuật phóng vệ tinh ra vũ trụ, cũng phải hy sinh bốn chiếc Luna mới đạt được thành tích vừa rồi.

Nói tóm lại bên Mỹ có được ba chiếc (Ranger-7,8,9) và bên Nga cũng có được ba chiếc (Lunik 1, 2 và Luna-9) đã thực hiện được chương trình đã vạch. Nhưng đặt được đài tự động lên mặt trăng chưa phải là đồ bộ con người lên được trên ấy. Cung trăng đối với ta thật đang còn là một thiên thể đầy bí mật. Xét riêng về mặt đồ bộ lên trên ấy, một điểm cần phải biết được rõ ràng là thể chất đất cung trăng. Phi thuyền sau này phải được chế tạo tùy theo đất cung trăng mềm hay cứng, bóng nhoáng hay sù sì.

Mặt cung trăng là một lớp mun bụi.

Học hỏi cách phản chiếu ánh sáng, so với kinh nghiệm ở mặt đất, người ta nhận thấy đất cung trăng không phải là một tấm thảm nhung đen thu hút tất cả ánh sáng mà cũng không phải là một tấm

gương phản chiếu lại tất cả. Mặt trăng phải là một chất sù sì, một khối đá gồm có nhiều hột. Nhưng cách đo này không được phân minh vì quá thô sơ. Dùng phương pháp khuếch tán, nhà bác học N.S. Orlova người Nga cho đất cung trăng giống các bột kim thuộc ở các ngọn núi lửa phun ra, nhưng có thêm vào nhiều lỗ hổng. Nhà bác học B. Lyot người Pháp dùng phân cực kế để đo thì lại kết luận mặt cung trăng gồm có nhiều hột rất nhỏ như mun các ngọn núi lửa. Đây cũng là ý kiến của nhà bác học A. Dollfus người Pháp. Ngồi trong khí cầu lên cao độ để đo ánh sáng phản chiếu từ quả đất lên cung trăng rồi từ cung trăng về lại quả đất. Sau cùng, theo hai nhà bác học S.B. Nicholson và E. Pettif, người Mỹ, khảo cứu nhiệt độ trên cung trăng, thì cung trăng có một lớp bụi mun bao phủ.

Đây cũng là điều tin tưởng ngày nay của phần lớn các chuyên gia học hỏi về cung trăng. Bụi này ở đâu mà ra? Có hai giả thuyết. Giả thuyết thứ nhất cho lớp bụi mun này từ các hòn núi lửa phun ra. Những người chịu giả thuyết này là những người tin cung trăng

là một thiên thể « sống ». Giả thuyết thứ nhì bảo chất vũ trụ đập mạnh vào cung trăng, chổng chất với thời gian thành lớp bụi mun ấy. Rất có thể cả hai giả thuyết đều đúng. Nhưng trong kỹ thuật cho hạ phi thuyền xuống cung trăng, ít cần phải biết lớp bụi mun ở đâu mà ra, mà cần phải biết rõ ràng lớp bụi mun ấy như thế nào.

Ta thấy ngay tính cách cần yếu và khẩn cấp của cuộc hạ xuống cung trăng một đài tự động có sứ mạng phân tích đất cung trăng. Muốn khỏi bị trễ thêm trong chương trình của mình, Mỹ cần phải biết cùng lúc với Nga những tài liệu mà Luna-9 đang gửi về. Nhưng ngang đây, cuộc khảo cứu khoa học bị chính trị chi phối. Các chuyên gia Nga rồi đây có chỉ đưa ra công chứng những kết quả đã thu hoạch được không? Nhiều người đã lên tiếng phản đối tính cách phi lý của tình thế này: vì tranh tranh chính trị, mọi thí nghiệm phải lặp lại hai lần, mỗi một phe luôn gắp rút cổ lập lại thành công của phe kia. Theo tình hình chính trị hiện nay, như tưởng một cuộc hợp tác chưa thực hiện được và hai loại còn phải chịu đựng một cuộc xài phí

không lồ về tài chính, phương tiện cũng như về năng lượng, thông minh.

Về mặt thực tế, chắc rồi đây ta sẽ được mục kích những người máy đi dò xét cung trăng, rồi đến các thú vật như chó, mèo, khỉ,... trước khi thấy được con người nghênh ngang đạp đất chị Hằng.

tin thêm

Những chi tiết về đài tự động

Hai ba ngày sau hôm loan tin Luna-9 thành công hạ xuống cung trăng, các chuyên gia Nga bắt đầu cho tiết lộ nhiều chi tiết về đài tự động.

Cảm tưởng đầu tiên của những ai theo dõi cuộc chạy đua ra vũ trụ giữa Nga và Mỹ là thấy hai kế hoạch Luna và Surveyor không có gì khác nhau lắm, nếu không là bộ sườn của đài tự động. Nếu Surveyor, nhất là những vệ tinh đầu tiên, giống như một con chim không lồ luôn đang hai cánh thì Luna-9, cũng như mọi vệ tinh khác của Nga, là một cái hộp kín. Như vậy, những dụng cụ

đựng bên trong không bị các tia vũ trụ, những viên vẩn thạch tế hơn cùng nhiệt độ làm hư hỏng. Tuy nhiên, những cột ăn ten phát, nhận tin cùng những máy quay phim, chụp hình không thể đựng kín trong hộp được. Vậy đài tự động còn được bao ở ngoài cùng một cái vỏ gồm có bốn tấm kim loại hình lồng, khi vệ tinh hạ xuống đất thì bốn tấm ấy tỏa ra như bốn cánh hoa, vừa đỡ cho đài tự động khỏi chạm mạnh vào đất đá, vừa làm chân đứng vững, đồng thời đưa ra ngoài những cột ăn-ten cùng những máy không thể giữ kín bên trong.

Như những chiếc Luna khác, Luna-9 lúc khởi hành cân nặng 1583 kilô, nghĩa là nặng hơn chiếc Surveyor đầu tiên 500 kilô. Nhưng khi đến đích Luna-9 chỉ còn cân nặng bằng nửa. Thật vậy, đài tự động gồm có ba phần: đài tự động thực sự nghĩa là cái hộp đựng dụng cụ có bốn cánh kim loại bao bọc, một hệ thống dây và một bộ phận chăm lo về phương hướng cùng cuộc bay. Cả ba phần này được ghép làm sao để khi xuống đến đất thì đài tự động thực sự tách riêng ra một mình để tiếp tục phận sự.

Như tưởng Luna-9 chỉ có mang những máy quay phim và hệ thống cần dùng để chuyển hình ảnh về quả đất mà thôi. Mà cũng đúng khi chưa chắc chắn cho hạ tầng tự động xuống được nhẹ nhàng cho thêm vào gì nhiều máy móc đặc biệt khác! Đây cũng là nguyên tắc của những chiếc Surveyor đầu tiên. Tuy vậy, các chuyên gia Nga cũng cho biết Luna-9 đã đo nhiệt độ mặt trăng đưa về con số 200-300 độ! (Nhớ là từ trước người ta không tin trên cung trăng những gì có ánh sáng mặt trời thì nhiệt độ lên đến 150 độ. Những phép đo từ mặt đất là sai hay máy đo Luna-9 không được đúng?)

Về phương pháp phóng vệ tinh, Luna-9 cũng chẳng khác gì kế hoạch Surveyor. Lúc đầu, Luna-9 được đưa lên một quỹ đạo hình elíp gần quanh quả đất (điểm xa nhất: 224 cây số, điểm gần nhất: 135 cây số, độ nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo: 52 độ). Từ quỹ đạo vệ tinh được đưa lên thẳng đứng cung trăng. Khi vệ tinh bay cách cung trăng 7000 cây số, lệnh được truyền từ quả đất để thay đổi tốc độ (71,2 thước Anh/giây) và Luna-9 ngoan ngoãn

tuần theo bay lại gần cung trăng. Sau này, các chuyên gia chỉ còn truyền một lệnh nửa một giờ trước khi đài tự động đổ bộ xuống mặt trăng, không ngoài mục đích hướng Luna-9 lại đúng chỗ đã định. Tốc độ lúc bấy giờ là 9000 cây số mỗi giờ. Và hòa tiến hồi tố tự động vận dụng, như đã thấy, khi Luna-9 chỉ còn cách mặt trăng 75 cây số, nghĩa là 48 giây đồng hồ trước khi chạm vào đất cung trăng.

Người ta chẳng biết sức đẩy của hỏa tiễn hồi tố là bao nhiêu. Ở các chiếc Surveyor đầu tiên, sức đẩy này là 3500-4000 ki lô. Sức đẩy cỡ ấy có thể hãm tốc độ từ 2600 thước mỗi giây xuống đến khoảng vài thước mỗi giây. Thêm vào đấy, hệ thống đệm đã vận dụng đúng lúc và có hiệu quả nên đài tự động đã không bị tan vỡ và máy móc không bị hư hỏng.

Những tài liệu của Luna-9 gửi về

Các chuyên gia Anh ở đài Jodrell Bank không những đã theo dõi được cuộc phóng vệ tinh mà còn bắt được cả những hình

mà Luna-9 gửi về cho các chuyên gia Nga. Chẳng có gì đáng nói nếu các chuyên gia Anh nín thinh. Đáng nể Sir Bernard Lovell, giám đốc đài Jodrell Bank, đã cho phép đăng các hình kia, trước cả Nga. Đến lượt các chuyên gia Nga đưa ra những hình đã nhận được ra thì không giống hẳn các hình của Anh. Thì ra, vì thiếu tài liệu, các chuyên gia Anh không ráp lại được hoàn toàn những hình Luna-9 đã chụp. Giáo sư Blagonravov, một trong những nhà điều khiển kế hoạch Luna, liền lên tiếng trách Sir Bernard Lovell đã hấp tấp cho đăng những hình kia, nhất là những hình không được lắp ráp hoàn toàn, và không được phép của nước Nga là nước đã phóng Luna-9. Sau này, các chuyên gia Mỹ thú thật cũng đã bắt được một ít hình của Luna 9 gửi về nhưng vì lịch thiệp nên không cho đăng ra.

Dù sao, những hình của Nga đã đưa ra đã làm rõ thêm những hình của Anh. Mặt trăng chụp gần là một mặt đất nhấp nhô, chỗ lồi, chỗ lõm, đây đó những đường nứt, khi lớn, khi nhỏ. Những sỏi, đá, có viên khá lớn, nằm rải rác quanh mặt đất. Đất thì trông tựa

một lớp có hạt và lỗ chỗ. Đoan ký hình thì ước được những viên sỏi lớn đến 10 phân, còn hạt ở mặt đất thì chỉ lớn vài ly. Nhà bác học A. Dollfus, đã thấy ở trên, cho đây là « rêu học đá » còn các nhà thiên văn học Nga thì đã đặt tên là « lunite ». Một chi tiết quan trọng là chẳng thấy một vết tích bụi nào như người ta thường tưởng.

Lẽ tất nhiên không có lớp bụi thì đài tự động không bị sụp xuống trong đất như người ta đã sợ. Theo giáo sư N. Barachov thì mặt trăng giống một vại đất có ở quanh ta : những hốc đá lỗ chỗ. Nhà bác học A. Dollfus thử giải nghĩa bản chất lỗ chỗ ấy với hai giả thuyết. Theo nguyên do núi lửa, những hốc đá từ ruột đất phun ra có thể bị lạnh tức thì, nhất là ở khoảng trống, thì có cấu tạo giống như hạt, khác hẳn với ở quả đất ta vừa có khí quyển, vừa có khí hậu ôn-hòa. Những cuộc thử ở phòng thí nghiệm đã chứng thực cách giải thích này. Nhưng người ta cũng có thể cho nguyên do bản chất lỗ chỗ ấy là các viên vụn thạch đập mạnh vào mặt trăng.

Sau cùng cũng nên nhắc đến

một tin bất thường : đúng hai hôm sau đài tự động đồ xuống cung trăng, các chuyên gia Nga loan báo Luna-9 không còn truyền tin, hình về nữa. Mặc dầu vậy, các chuyên gia Anh vẫn tiếp tục nghe ngóng và tối hôm chủ nhật 6-2 lại nữa được hình tuy có phần lu mờ hơn. Đáng khác, đem phân tích các dấu hiệu thì như tưởng đài tự động di chuyển. Từ

đấy, các chuyên gia Anh đã không khỏi đưa ra nhiều câu hỏi : Luna 9 đang di chuyển trên mặt trăng hay đang rời cung trăng về quả đất ? Luna-9 đang thực hiện một sứ mạng khác ? Và Sir Bernard Lovell đã la lớn : "Trên Luna-9 đang có một cái gì kỳ lạ !" Hay chẳng qua là máy phát tin đang bị hỏng !



● CHÂU CHẤU CỖ NHỎ

Một du khách Mỹ viếng một nông trại ở Úc-châu. Ông thấy một đàn bò, mới hỏi một nông phu người Úc :

— Những con vật gì thế ?

— Thưa ông, bò ạ.

— (Khinh thị) Thế mà tôi cứ tưởng chuột cống chứ !

Lát sau ông thấy một đàn trâu và lại hỏi :

— Còn những con vật kia ?

— Trâu ạ.

— Hừ, vậy mà tôi cứ tưởng thỏ chứ !

Sau rốt, người du khách Mỹ nhìn thấy ba con cừu (kangaroo), và hỏi :

— Còn ba con vật kia ?

Người nông-phu tức giận bảo :

— Thưa đó là ba con châu-chấu cỡ nhỏ nhất !

— 1-1-1

L.C.T. (Saigon)



người
dẫn đường

★ EDWIN MULLER ● TRẦN-VĂN-LÝ

LẦN đầu tiên tôi gặp Otto Furrer, gần cùng một lúc tôi thấy ngọn núi Cervin. Thật người ta không còn biết làm cách nào để có thể dung hòa đôi bên, vì chính ngọn núi hùng vĩ này đã dự một phần lớn vào cuộc đời của Otto, một trong những kẻ dẫn đường tài ba lỗi lạc nhất của đất Thụy Sĩ. Ở Zermatt, nơi làng chôn nhau cắt rốn, người ta quen gọi ông là « Matterhorn Furrer ». Không có ai leo đỉnh Cervin thường hơn ông và người ta nói rằng không có một hang hốc nào mà ông không biết. Ông say mê nó nhưng vẫn luôn luôn xem nó là một địch thủ đáng nề. Cuối cùng ngọn núi này đã thắng ông trong một tai nạn khủng khiếp.

Mùa hè năm 1928, tôi dự định sẽ sống một tuần trên vùng núi Alpes. Và tôi đã chọn những ngọn núi quanh làng Zermatt ở Thụy Sĩ, với dự định thực hiện một vài cuộc leo núi Cervin oai hùng. Một buổi chiều, lưng đeo « sắc » tôi đến thung lũng Niko-laital, cửa vào làng Zermatt. Tôi ngủ qua đêm tại làng Niklaus và sáng hôm sau tôi đáp xe lửa, loại xe lửa có răng cưa để chạy đường đèo, vào làng Zermatt.

Chiếc xe lửa bỏ hờn một tiếng đồng hồ trong thung lũng dài, lồi lõm giữa hai vách đá sừng sững đầy thông, kể bên một cái thác nhỏ. Rồi bỗng nhiên hòng thung lũng mở rộng ra và ngọn núi Cervin lồ lộ trước mắt. Dù quá quen thuộc với hình dáng của nó, nó vẫn làm ta nhói lòng. Nó có một cái gì như sự ghê rợn, sự sợ hãi đối với những vách đá đứng thẳng, vọt lên tận đỉnh cao.

Tại sân ga làng Zermatt, tôi gặp một đám những người dẫn đường, mạnh mẽ, gân guốc, lưng đeo súng lục và mấy cuộn dây thừng. Một trong những người ấy đáp lại cái nhìn của tôi bằng một cái chào nhẹ. Tôi thấy mến ông liền. Là một người đàn ông mảnh mai, chân tay dài và cao ít nhất cũng 1m90. Tôi nhớ lại là không bao giờ có gặp một người có dáng đẹp như thế. Tôi nhìn ông, nhìn lên ngọn núi rồi trở lại nhìn ông. Ông cười :

— Thế nào, chúng ta leo chứ ?

Giọng nói của ông làm tôi cảm mến. Ông tự giới thiệu « Otto Furrer ». Với một cử động nhẹ nhàng, ông đưa hành trang

NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG

của tôi lên vai và chúng tôi tiến thẳng trên con đường cái đưa đến lữ khách Monte Rosa. Chính nơi đây, tôi được biết có rất nhiều cuộc leo núi vĩ đại đã được tổ chức mà trong đó có một cuộc leo núi đầu tiên không bao giờ quên được, vào năm 1865, tại núi Cervin, của 4 người Anh, đã cần thận vạch sẵn một chương trình, quyết leo cho đến đỉnh. Rồi 3 người trong bọn không còn bao giờ trở lại nữa.

Sáng hôm sau, trước khi lên đường, Otto đưa tôi đi thăm thêm một ít hành trang cho đầy đủ. Ông cho đóng vào để giày tôi những cây đinh đặc biệt rồi ông khuyên tôi nên mua 1 cây súng lục và trên súng người ta khắc dấu hiệu của tôi. Tôi cũng thấy tự đắc không ít khi đi trên đường, tay cầm súng y hệt như Otto.

Lối 11 giờ, chúng tôi vào đến con đường đầy cỏ dại, đưa thẳng đến căn cứ Cervin, cách xa làng Zermatt 1.675 thước. Thật là một cuộc hành trình dài đầy khổ nhọc dưới ánh nắng mặt trời gay gắt. Tôi cố đi lẻ làng nhưng Otto bảo tôi phải bước chậm và đều như những người rùng núi. Chúng tôi đi xia qua xia lại trên cánh đồng, vượt qua mấy xóm nhà cũ kỹ, mái lợp bằng mélèze đen sạm, nhưng vẫn luôn luôn trông thấy dạng núi Cervin, trên đỉnh phủ đầy mây trắng.

— Ông ta đang hút thuốc, Otto đã ví với một giọng thân mật. Mai sáng, chúng mình sẽ đến đó.

Tôi lộ vẻ vui mừng.

Hoàng-hôn hôm ấy chúng tôi đến Belvédère, một cái quán nhỏ nằm trên đèo cao 1.200 thước. Vì thời tiết hôm nay rất thuận tiện cho việc leo núi nên quán đầy khách. Những người dẫn đường bu quanh chảo sành, dùng thử ngữ đề bàn luận nhau về thứ tự ngày mai, tốp nào sẽ đi trước, đi sau. Tôi để ý thấy mọi người đều nghe theo Otto với sự nể nang.

Đêm nay lạnh quá, tôi phải đề nguyên cả quần áo mà ngủ. Giữa đêm, nhiều lần tôi ngồi dậy nhìn ngọn núi tắm ánh trăng vàng.

Dưới ánh sáng huyền ảo. Những vách đá sừng sững còn dễ sợ hơn cả ban ngày và bỗng dưng tôi có ý nghĩ ước ao sao cho thời tiết đổi thay để cho cuộc leo núi phải bị bỏ dở. Những người leo núi kinh nghiệm thường cho tôi biết là khó mà chế ngự được sự chán ngán khi nhìn vào đêm tối mịt mù, vài giờ trước rạng đông.

Otto gõ cửa tôi hồi 3 giờ sáng. Otto cột chung ông và tôi vào nhau, rồi ông bắt đầu tấn công vào dốc đá. Tôi cực nhọc theo sau.

— Ổ ồ, dốc không đứng chút nào cả mà.

Đối với tôi, vách đá gần như đứng thẳng. Tôi khờ cực bám từ điểm này qua điểm nọ.

— Không, không phải như vậy, xem tôi này.

Ông có vẻ như trườn, như lướt nhẹ nhàng trên sườn núi. Mình nhào ra trên đá, chân bám chặt từ ghềnh này qua ghềnh kia, tay chỉ để phụ thêm mà thôi.

Tôi cũng bắt đầu thấy hơi khá nhưng thỉnh thoảng có một vài nơi quá khó mà tôi có cảm tưởng như không thể leo được. Quýnh quá, tôi la lên « kéo tôi với ». Otto buông ra một cái cười kêu ngo, lời mạnh tôi lên.

Nhiều bận phải nằm sấp, tay vịn vào đá, tôi không còn biết làm sao để leo. Không cần phải nói lại, Otto la lên cho biết là qua bên phải một thước. Tôi lần mò sang qua và quả nhiên gặp được chỗ chỉ.

Bốn tiếng đồng hồ sau, chúng tôi lên gần đến đỉnh. Đỉnh núi Cervin hẹp và cao 4.482 thước. Đoạn chót, tương đối dễ leo hơn. Khi gần đến đỉnh, người dẫn đường đứng dang ra để tôi đi trước. Đến nơi, vui mừng quá, Otto siết chặt tay tôi và thở phào một tiếng bỏ nổi nhọc nhằn. Tôi đã thắng núi Cervin.

Trước khi tuột xuống, Otto làm hiệu cho tôi theo ra đứng gần một bên cái hồ sâu, ngo về phía nước Ý và dưới vực thẳm ấy là thung lũng Valtournanche. Mắt tôi nhìn theo nhưng bỗng dưng đờm qua chỗ khác liền. Ngay dưới chân chúng tôi, một cái hồ sâu

thâm thẳm. Cái mà người ta thấy đầu tiên là những cánh đồng cỏ xanh lác-đác mấy ngôi nhà búp bê xinh xắn trong thung lũng nước Ý. Người ta có cảm giác như không thể leo cũng như không thể xuống bên phía ấy được. Trong khi đó, trước mắt tôi có một sợi giây thừng đã được những người dẫn đường Ý cột vào ghềnh đá. Sợi giây này vắt ngang qua ngọn núi Cervin và nằm lơ lửng trên không.

Otto nói với tôi : Người ta có thể xuống bên này bằng đường giây ấy.

Đây là một đường giây hùng vĩ đi sang nước Ý. Đoạn đường này đã gây nhiều tai nạn nhứt.

Ông lắc đầu :

— Tôi không ưa nó chút nào cả.

Có lẽ ông đã có một điểm gì báo trước.

Chúng tôi trở lại bằng con đường đã leo để về làng Zermatt. Trưa hôm ấy chúng tôi đến quán Belvedere. Về đến khách sạn Monte Rosa, Otto bắt tay từ giả tôi. Trong cái nhìn đầy thân mật và vui vẻ ông bảo :

— Rồi một ngày nào đây ông sẽ thành một tay leo núi sành.

Trong những năm kế tiếp, ông vẫn giúp tôi leo một số rất nhiều ngọn núi quanh vùng Zermatt và thường nhứt là núi Zinal-rothorn mà sự hiểm trở và ngọn đỉnh cũng kỳ diệu không thua gì Cervin. Bản tính ông ít nói nhưng nhiều lúc tôi cũng làm cho ông thuật lại được đời tư của ông.

Một hôm chúng tôi đang ăn sáng gần trên đỉnh núi Zinal-rothorn ông hãnh diện kể lại cuộc đời của thân sinh ông, trước kia là đoàn trưởng những người dẫn đường ở làng Zermatt này và gia đình ông gồm 1 vợ 4 con. Ông đã dạy cho các con ông ít bài học đầu tiên về việc leo núi. Rồi tôi có dịp gặp họ ít lâu sau đó. Gia đình ông sống trầm lặng, thanh nhàn tại làng Zermatt. Otto theo đạo Thiên-chúa và đã có một lần tôi phải bỏ dở một chuyến leo núi chỉ

NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG

vì ông ta không muốn vắng mặt trong buổi lễ ngày chủ nhật ở nhà thờ.

Những cái kỷ niệm sâu đậm nhất mà ông đã để lại cho tôi là sự chuyển tiếp lại cho mọi người cái lòng yêu mến thiết tha núi non hùng vĩ. Một kẻ dẫn đường tài ba luôn luôn cố gắng gây tín nhiệm với khách hàng nhưng đối với ông cái tác phong vẫn cần hơn cái tài năng nghề nghiệp nhiều. Ông săn sóc khách hàng, cùng chia sẻ cái lòng yêu thích non cao núi cả, nói cho nhau nghe mọi điều hiểu biết. Tất cả đều là bạn của ông. Không riêng gì tôi mới biết được điều ấy. Những nơi nào có người thích leo núi thì người này mách cho người kia và đa số khách hàng đến vùng Zermatt đều chọn Ông làm người dẫn đường.

Năm 1932, Otto Furrer vô địch về môn trượt tuyết và đã thắng giải Slalom rồi xuống Cortina d'Ampezzo là nơi tranh chức vô địch thế giới về các môn thể thao vùng núi Alpes. Và sau đó ông cũng thắng cuộc về vang ở Kandahar, le Parsenn Derby và những cuộc tranh tài lớn lao ở Thụy Sĩ. Về sau ông điều khiển trường dạy trượt tuyết ở Zermatt và thành lập được một nhóm mà sau này cũng nổi tiếng về vang. Nhưng ông không rời bỏ làng cũ và vẫn làm cái nghề dẫn đường leo núi. Khách hàng cuối cùng của ông là bà Erlanger, vợ của một người chạy « áp-phe ». Năm 1951, cặp vợ chồng này dàn lị một phần lớn trong tháng 7 để leo những ngọn núi quanh vùng Zermatt. Ngày 26 họ leo núi Cervin, cũng bằng con đường mà xưa kia tôi và Otto đã lên. Rồi Otto đã nghị trở xuống bên phía đất Ý; Bà Erlanger vui vẻ nhận lời.

Hôm ấy là một ngày đầy ghi nhớ.

Từ trên đỉnh nhìn xuống, cảnh vật chìm sâu trong mây mù. Bà Erlanger xuống trước bằng đường giây mà Otto đã chỉ cho tôi xem trước kia. Ngồi trên miệng hố, ông cẩn thận thả lần sợi giây lượt cột liền ông và khách hàng, rồi bà đặt chân trên một ghềnh đá. Đến lượt ông xuống theo.

NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG

Thế rồi tai nạn xảy ra. Sợi giây đứt ngay trên ông. Ông bị rơi xuống 80 thước, 2 lần va vào vách đá. Bà Erlanger cũng bị kéo lùi theo 15 thước dưới đó và may mắn thay là sợi giây đã vướng lại trên một mồm đá khác, treo lơ lửng Otto và Bà Erlanger cách đáy hố sâu 600 thước. Hai mươi phút sau đó Summermatter, cũng là một người dẫn đường, bắt gặp tai nạn này. Bà Erlanger bị bẻ hàm và gãy vài cái xương sườn. Otto bị vỡ sọ và chết 10 phút sau.

Trọn ngày chủ nhật và một buổi sáng thứ hai, chiếc xe lửa nhỏ đã mang đến Zermatt tất cả bạn bè của Otto. Người ta phải hoãn đám táng lại mấy giờ vì còn rất đông bạn bè của ông không đến kịp vì chiếc xe lửa quá nhỏ không chở hết. Mấy bạn đồng nghiệp đã mang Otto đến một nghĩa trang ở làng Zermatt là nơi chôn rất nhiều người đã tử nạn trên núi Cervin. Sau quan tài ông, một đám dài bạn bè đi đưa. Đại diện của những Hội « Người dẫn đường leo núi », Hội trượt tuyết, nhân viên Hành chánh Tỉnh và Xã, khách hàng cũ và sau cùng là bà con xóm giềng trong làng Zermatt. Thật là một trong những đám táng đau buồn nhất trong làng.

Một điệu văn đơn giản đã được Bá Tước Arnold Lunz, một nhà leo núi lỗi lạc đọc lên.

Mồ của ông được chôn dưới chân núi Cervin, núp vào bóng mát cao cả của ngọn núi hùng vĩ này. Rồi từ đây, nơi an nghỉ nghìn thu, Otto Furrer sẽ luôn luôn được chiêm ngưỡng cái hùng tráng, cái thơ mộng của ngọn núi mà trọn đời ông đã mến yêu. ★ ■



● ĐƯA BÉ TỐT

ME : Con có tỏ ra là một đứa bé tốt hôm nay không ?

CON : Thưa có. Một ông già đưa cho con một cái đĩa đựng đầy tiền, nhưng con bảo : « Dạ không dám, cảm ơn ông ».

ME : !!!

với
người
đi
trước

lúc các anh hùng đứng
mang màu mắt quê hương
lá xanh niền hy vọng
cho nụ cười mai sau

lúc các anh nằm xuống
đôi mắt kiếm quân thù
là tương lai em hát
bài ca vui hòa bình

lúc các anh gùi súng
bom đạn nổ vang trời
là tổ quốc thân yêu
đang mỉm cười nhìn ngắm

lúc các anh cùng đồ
xương và máu chan hòa
là các em hậu tuyến
hồn gọi hồn xót xa

và lúc các anh chết
các em sẽ khởi hành.



✧ CHU TRÂM NGUYÊN MINH

VĂN-THIÊN-TƯỜNG

với
bài

« CHÍNH-KHÍ-CA »

● NGUYỄN-TỬ-QUANG

« Nhân sinh tự cổ thù vô tử,
Lưu thủ đan tâm chiếu hân thanh »

● Một thời kỳ đen
tối của lịch-sử

TRUNG-hòa, nhà Tống trên ba trăm năm dựng nghiệp (950—1.275), phân làm hai thời kỳ: Bắc Tống và Nam Tống (1). Đến thời Nam Tống (1127—1275) thì tình thế đất nước lại càng suy vi, một mặt bị các nước Liêu, Hạ, Kim luôn luôn uy hiếp. Cuối cùng bị thuộc vào tay bọn ngoại tộc Mông-cổ xâm-lãng.

Văn Thiên Tường sống trong thời kỳ đen tối của lịch sử đó.

Nhưng có hoàn cảnh lịch sử biến thiên, đất nước điêu linh như thế, người đời mới thấy cái giá trị của con người, mới thấy cái tiết tháo, cái sĩ khí của một nhà nho... Và mới hưởng được một áng thi ca hùng liệt, bất hủ.

● Một tấm lòng son tạc sử xanh

Sau khi tiêu diệt các nước Hạ, Liêu, Kim, Mông-cô đổi quốc hiệu là Nguyên. Nguyên chúa Hốt Tất Liệt liên cử đại đội hùng binh mở cuộc Nam chinh, định nuốt cả Tống để thống trị toàn bộ Trung-hoa. Tướng soái của Nguyên là Trương Hoảng-Phạm cầm binh đánh thẳng xuống Triều-châu.

Văn Thiên-Tường làm quan triều Tống, giữ chức Hữu thừa tướng, tước phong Thiếu bảo Tín quốc công, đương đóng quân tại huyện Triều-dương. Nhà Tống suy yếu đã lâu, nay càng đến kỳ mạt vận thì làm sao chống lại một đội quân thiện chiến, đến đâu là đất vỡ, núi tan... Trước khi thế hung hãn của địch, Văn Thiên-Tường phải rút quân về Nam-lãnh, ý định lợi dụng địa thế hiểm trở nơi này để tiếp tục kháng chiến.

Quân Nguyên ồ ạt kéo đến cả hai mặt thủy lục, tấn công như vũ bão làm đạo quân của Văn Thiên-Tường bị tan rã, thảm bại. Cuối cùng Văn bị bắt. Tướng Trương Hoảng-Phạm mến Văn là người có tài văn chương lại là người có uy tín với nhân dân, nên tìm đủ mọi cách để hãm dọa, dụ dỗ để Văn đầu hàng.

Nhưng vô ích.

Bạo lực, hư vinh làm sao lay chuyển được khí tiết của kẻ trượng phu!

Lúc bấy giờ, thủy quân của Tống triều còn đóng tại Nhai-son, trên ngàn chiến thuyền, dưới quyền chỉ huy của tướng Trương thế Kiệt, thế lực khá mạnh. Tướng Nguyên Trương Hoảng-Phạm yêu cầu Văn Thiên Tường viết thư cho Thế Kiệt, phân trần lợi hại để Thế Kiệt quy hàng. Nhưng Văn nghiêm nghị bảo:

— Tôi không thể tự cứu cha mẹ tôi được thì làm sao khiến người khác phản lại cha mẹ được.

Hết phương dụ dỗ lại hãm dọa. Hết hãm dọa quay ra dụ dỗ. Đó là thái độ của hạng tiểu nhân tưởng ai cũng như mình. Sẵn giấy bút, Văn làm một bài thơ, nhan đề « Qua Linh đình dương » (Qua biên Linh đình) để nói khí tiết của một trượng phu khi mạt vận. Hai câu cuối của bài là

« Nhân sinh tự cổ thù vô tử
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh »

Tạm dịch:

Con người từ xưa ai chẳng chết
Chỉ có lòng son rọi sử xanh »

Lòng mong muốn thấy hèn không đạt thành, nhưng khi xem xong bài thơ, nhứt là hai câu kết, Trương-hoảng-Phạm dù tức giận cũng phải lấy làm khâm phục, buông tiếng thở dài.

DẤU CHẤM CUỐI CÙNG CỦA LỊCH SỬ
MỘT TRIỀU ĐẠI.

Tại Nhai-son, một trận hải chiến quyết liệt xảy ra giữa Tống và Nguyên. Tướng Nam Tống đã dùng mưu phá được trận hỏa công của tướng Nguyên Trương hoảng Phạm. Nhưng rồi cuối cùng quân Tống hoàn toàn đại bại. Trương Thế Kiệt trầm mình tự tử.

Trận hải chiến tại Nhai-son là trận cuối cùng kháng Nguyên, và cũng là một trận chấm dấu cuối cùng của lịch sử một triều đại trên ba trăm năm dựng nghiệp, ngự trị Trung nguyên. Để thoát khỏi tay giặc bắt, và sống một cách nhọc nhằn, thừa tướng Lục Tú Phu cống vua nhảy xuống biển trầm mình.

Nhà Tống mất. Lần thứ Nhứt, Trung hoa bị ngoại tộc thống trị.

Trương-Hoảng-Phạm tự khắc bia tại Nhai.sơn kỷ niệm kỳ công : « Nguyên Đại tướng Trương-Hoảng-Phạm diệt Tống ư thử ».

Mở tiệc mừng đắc thắng, Trương ân cần khoản đãi Văn-Thiên-Tường và bảo :

— Dù ông không chịu hàng, lấy cái chết để biểu lộ tấm lòng son sắt, nhưng ai chép việc ấy cho ông để đời sau có ai biết được ?

Văn-Thiên-Tường đĩnh đạc đáp :

— Làm người chỉ cần tự mình tận tâm, chớ cần nghĩ gì đến hậu thế biết hay không biết. Di, Tề (2) không ăn lúa nhà Chu đâu phải vì dư luận của hậu thế.

Lời nói của ông thành một câu châm ngôn.

Ông bị bắt cầm tù tại Yên-Kinh.

« TA KHÉO NUÔI CÁI KHÍ HẠO NHIÊN CỦA TA ».

Ngục tù giam ông là một gian nhà đất, rộng 8 thước, sâu 32 thước (3), thông hơi bằng một cái cửa con nhỏ hẹp như một cái lỗ chó, không đủ lọt ánh sáng mặt trời nên trong nhà ngục luôn luôn tối om. Về mùa hạ, mưa nhiều, nước tràn ngập cả phần nằm. Nước cạn, gian nhà ngục chỉ còn là một bãi sinh bùn lầy. Những ngày nắng thì nóng bức như một hỏa lò thiêu đốt. Mùi thối lâu ngày ở vừa bên, mùi của phần người tự do ngự trị. Những người chết không được đem đi, lâu ngày thối rữa, tất cả các uế khí trộn lẫn nhau bốc lên ngùn ngụt triền miên làm cho người ta không còn phân định được là mùi thú tuy nồng nặc bắt nộn ọc, nhưng không biết... là mùi gì nữa.

Văn Thiên-Tường cho đó là « Thất khí » : thủy khí, thấp khí, thử khí, hỏa khí, nhân khí, uế khí... Bị bảy thứ ác khí đó, không một kẻ nào tránh khỏi bị bệnh

dịch mà chết một cách ghê gớm. Văn Thiên-Tường tuy thân yếu ớt, mà sống suốt 4 năm trời, ông cho đó là do ông được dưỡng thành cái « khí hao nhiên » để chống lại thất khí kia. Cũng như thầy Mạnh-Tử đã nói : « Ta khéo nuôi cái khí hao nhiên của ta ». Cái khí đó, Văn Thiên-Tường cho là cái « Chính khí » của Trời Đất.

Giặc đã tìm hết lời dụ dỗ chiêu hàng, nhưng Văn Thiên-Tường vẫn cương quyết giữ lấy khí tiết, tấm kiên trung của một bề tôi trong thời quốc biến gia vong. Giặc không giết ông, lại dày dọa ông vào một chỗ thất khí ác độc cực kỳ man rợ như thế, mục đích để ông thấy cái gian khổ cùng cực ấy mà thay đổi chí hướng.

Nhưng giặc hoàn toàn thất vọng.

Chịu đựng gian lao 4 năm trong nhà ngục ghê tởm, một đêm tối mùa đông rét mướt, Văn Thiên-Tường trút hơi thở cuối cùng. Cũng thời gian trong nhà ngục ấy, nhà nho khí tiết của Tống triều để lại cho đời một bài « Chính khí ca » :

« Thiên địa hữu chính khí,
Tạp nhiên phú lưu hình
Hạ tắc vi hạ nhạc
Thượng tắc vi nhật tinh
U nhân viết hao nhiên
Bái hồ tắc thương minh.
— Hoàng lộ đương thanh di
Hàm hòa thổ minh đình.
Thời cùng tiết nãi hiện,
Nhất nhất thùy đan thanh.
Tại Tề Thái sử giản
Tại Tấn Đồng Hồ bút
Tại Tần Trương Lương chử,
Tại Hán Tô Vũ tiết.

Vi Nghiêm tướng quân đầu,
 Vi Kê Trị trung huyết
 Vi Trương Thụ Dương xỉ,
 Vi Nhan Thường sơn thiết
 Hoặc vi Liêu đông mao
 Thanh thảo lệ băng tuyết
 Hoặc vi xuất sư biếu
 Quỷ thần khắp tráng liệt
 Hoặc vi độ giang tiếp.
 Khảng khái thôn Hồ hiệt
 Hoặc vi kích tặc hốt
 Nghịch thụ đầu phá liệt,
 — Thị khi sở bằng bạc
 Lẫm liệt vạn cổ tồn
 Đương kỳ quán nhật nguyệt
 Sinh tử an túc luận
 Địa duy lại dĩ lập
 Thiên trụ lại dĩ tồn
 Tam cương thực hệ mạng.
 Đạo nghĩa vì chi căn.
 — Ta dư cấu dương cửu
 Lê dã thực bất lực
 Sở tù anh Kỳ quan.
 Truyền xa tổng cùng bắc
 Đỉnh hoạch cam như di
 Cầu chi bất khả đắc.
 — Âm phòng ám quỷ hỏa
 Xuân viện bi thiên hắc
 Ngưu ký đồng nhất tọa
 Kê thê phượng hoàng thực
 Nhất chiêu mộng vụ lộ
 Phạn tác câu trung tích
 Như thử lưỡng hàn thử
 Bách lệ tự tích dịch
 — Ai tai thư như trường
 Vi ngã an lạc quốc

Khởi hữu tha mầu sảo
 Âm dương bất năng tác
 Cố thử cảnh cảnh tại
 Ngưỡng thị phù vân bạch
 Du du ngã tâm ưu
 Thương thiên hạt hữu cực
 Triết nhân tư dĩ viễn
 Diễn hình tại túc tích
 Phong thiềm triển thư độc
 Cổ đạo chiếu nhan sắc »

Bài thơ rất hùng hồn nhưng rất khó dịch, vì tác giả
 đang nhiều điên cổ. Giữ thể theo nguyên tác khó tránh
 khỏi tối nghĩa, nên chúng tôi mượn bản dịch của Thanh-
 Đường, theo thể song thất lục bát :

« — Trong trời đất sẵn vàng chính khí
 Hòa tan thành hình-thể khắp nơi.
 Thành sông núi lớn trên đời
 Thành ngôi sao sáng, mặt trời treo gương.
 Người ta sẵn thiên lương cũng vậy
 Khí hào nhiên đầy rẫy cao xanh.
 — Đường đời vì gặp thanh bình
 Khi thiêng bằng bạc mình đình phong quang.
 Thời loạn thêm rõ ràng khi tiết
 Nổi bật lên từng nét son tô
 Thẻ Thái sử, bút Đồng Hồ
 Rải Trương nhon mũi, cờ Tô bền màu.
 Máu Kê Thiệu thấm lâu không giặt
 Đầu Nghiêm Nhan dù chặt đầu hàng !
 Tiếng nguyện quân giặc còn vang
 Lưỡi răng dù mất, Nhan, Trương coi thường
 Chí Quân Ninh khác phường xa mã
 Mũi Liêu Đông cao giá tuyệt trần.
 Xuất sư dâng biếu mấy lần
 Không-Minh đã khiến quỷ thần kinh tâm.
 Gươm Tô Dịch tay cầm gỗ lái

Thề qua sông khảng khái thôn Hồ.
 Hốt Đoàn đập mặt gian đồ
 Khiến quân nghịch tặc cơ hồ tử thương
 — Chính khí ấy mười phương sẵn có
 Muốn ngàn năm còn đó chan hòa.
 Vầng nhật nguyệt cũng xuyên qua
 Tử sinh xá kẻ, vinh hoa đâu thêm,
 Đất còn rộng, xem bên đây đất
 Trời còn cao, trông ngất cột trời.
 Tam cương đạo nghĩa trong đời.
 Cội nguồn giữ vững lòng người vì đâu ?
 — Vận dương cứu ôi sầu rủi gặp
 Tội cho thân tại thấp tri ngu.
 Cùng đồ chịu tiếng Sở tù
 Bắc phương xe chuyển bụi mù dậm xa
 Dầu vạc nóng cho là đường mặt
 Lòng ước ao sao thất vọng hoài ?
 — Ma trời ảm ảnh trong ngoài
 Bầu trời đen tối, thêm mai xuân tàn.
 Thương ngựa Ký chung đàn trâu lấm
 Phụng hoàng ăn theo lẫn đàn gà.
 Có phen nhiễm cảm sương sa
 Tưởng thân sớm hóa ra ma cho rồi.
 Như thế trái đôi hồi nóng lạnh
 Dịch lệ kia vẫn tránh xa ta !
 — Than ôi ! nước đọng bần pha
 Ta coi nơi đó vẫn là thanh thoi.
 Ta đâu phải là người quý quai
 Khí âm dương khôn hại tấm thân.
 Riêng lòng đối cảnh âm thầm
 Ngửa trông mây nổi trắng ngàn bay đi.
 Lòng ta luống sâu bi thồn thừ
 Hồi trời xanh cùng cực tới đâu ?
 — Thánh hiền xa cách ngàn thâu

Dấu thơm còn đó, trước sau lưu truyền
 Mở sách đọc ngoài hiên trắng tỏ
 Đạo ngàn xưa sáng rõ lòng ai,
 Tinh thần còn thấm thía hoài...

Lời thơ bi đát nhưng hùng tráng, gợi cảm sâu xa, tiêu biểu được cái tinh thần bất khuất, cái chí khí quật cường của bậc nghĩa sĩ dù không « thành công » nhưng đã « thành nhân », treo một tấm gương sáng cho muôn đời về sau :

« Nhân sinh tự cổ thù vô tử.
 Lưu thủ đan tâm chiếu hân thanh ».

Trong thời Tống mạt, Trương-Thế-Kiệt, Lục Tú-Phu và cuối cùng Văn Thiên Tường đều chết. Sử gọi ba người là « Tống vong tam kiệt ».

**Việt-Nam cũng có nhiều
 « Chính khí ca » và nhiều « Kiệt »**

Triều Tự Đức, năm 1882, quân Pháp ỷ lại vào võ khí tối tân công thành Hà-nội. Quan Tổng đốc thành Hà-nội là Hoàng-Diệu, thế yếu: Giặc buộc đầu hàng. Để giữ tròn khí tiết, Hoàng tổng đốc thắt cổ tự tử.

Đề cao sĩ khí hào hùng của một đấng anh hùng mạt lộ, ông Nguyễn văn Giai (tục gọi Ba Giai) mượn ý phóng tác bài « Chính khí ca » của Văn Thiên-Tường thành mấy câu thơ mở đầu trong bài « Hà thành chính khí ca » :

« Một vầng chính khí lưu hành,
 Khoảng trong trời đất nhật tinh sơn hà,
 Hạo nhiên ở tại người ta,
 Tác vương sơn sắt hiện ra khi cùng.
 Nên, thua theo vận truan phong
 Nghìn thu đề tiếng anh hùng sử xanh ».

Miền Nam kháng Pháp cần vương, Trương Công Định tử tiết. Ngày nay, đền thờ của ông còn ở tại thị xã

Gò công. Phía trước đền thờ có chạm 2 chữ Trung Nghĩa.
Và ngay cửa bước vào, hai bên cột trụ có 2 câu đối :

— « Sơn hà thu chính khí
Nhật nguyệt chiếu đan tâm »

Nghĩa là :

— « Núi sông thu chính khí
Nhật nguyệt chiếu lòng son » (4)

Nho sĩ Nguyễn Cao kháng Pháp, sa cơ bị bắt, giặc dụ dỗ đầu hàng. Trước tên thống đốc Bihour, Nguyễn Cao đã dùng móng tay nhọn moi bụng, móc ra quả tim của mình cho giặc thấy biết rằng : tấm lòng son sắc của người Việt-Nam thà chết, không hàng !

Thật kinh khủng. Đáng phục. Đáng sợ !

Còn nhiều.

Nhiều nữa. Còn biết bao lòng son, bao chính khí. Còn biết bao là « Chính khí ca », của Việt Nam, tuy nhỏ bé nhưng anh hùng.



(1).— Nhà Tống trước định đô ở miền Bắc, bị nước Kim uy hiếp, đem binh đánh hãm Biện Kinh, bắt vua Tống là Huy tông và Khâm Tông đem về giam tại Ngũ quốc thành. Em Khâm Tông là Khang vương trốn khỏi Biện châu, chạy xuống miền Nam xưng đế, dời Hàng châu làm Lâm an phủ, lập thành nhà Nam Tống.

(2).— Bá Di và Thác Tề là hai anh em, con vua chư hầu nước Cô-rúc đời nhà Thương. Vì không theo nhà Chu, hai ông thề không ăn gạo nhà Chu nên bỏ nước lên núi Thù dương, hái rau薇 mà ăn.

(3).— Thước tàu ngày xưa độ 4 tấc của thước Tây ngày nay (theo « Việt Nam tân tự điển » của Thanh Nghị)

(4).— Theo tài liệu của Thái Bạch (« Bốn vị anh hùng kháng chiến miền Nam ».— Sống mới xuất bản. Năm 1957)



hạ buồn

Một bầu chó hoang
Sữa trắng mùa Hạ
Sóng vô chiều đông

Lòng ta hiu quạnh
Hoa cỏ trên đồng
Buồn bã dưới trăng

lối mòn

Nghe bao tình tự thuở nào
Vây vãnh khăn trắng em chào bình minh
Tuổi đời về đến bên anh
Nghe lời nguyệt thẹn hoàng hôn mím cười
Lưỡi liềm trắng xuống hôn môi
Bãi chiều cát lạnh gió dỗi qua khe

Triều dâng lớp sóng phù sa
Mây về đỉnh ngự ngựa xe bên này
Ngàn thu khép kín non tây
Tung đôi cánh nhỏ lấp đầy bề dân

★ NGUYỄN VƯƠNG

**thế giới
kinh động
của**

HÀN MẶC TỬ

● TRẦN-TUẤN-KIỆT



Nhà thơ với cuộc đời đau thương có một không hai này, tên thật là Nguyễn-Trọng-Trí. Sinh ngày 22-9-1912 ở Lệ Mỹ (Đồng Hới). Ông làm thơ từ thuở nhỏ. Lấy hiệu là Phong Trần và Lệ Thanh, trong những năm 16, tuổi. Vốn ở Qui-Nhon từ nhỏ. Cha mất sớm, nhà nghèo. Học đến năm thứ ba ở trường Qui nhơn, kể đó mắc bệnh

hủi, đưa vào nhà thương Qui-hòa rồi mất ở đây, ngày 11-10-1940.

Ông từng chủ trương tờ phụ trương văn chương báo Saigon mới đổi hiệu là Hàn-Mặc-Tử.

HÀN MẶC TỬ

Đã đăng thơ : Phụ nữ Tân văn, Saigon, Trong khuê phòng, Đông Dương tuần báo, Người Mới.

Đã xuất bản : Gái quê (1936)

Thơ Hàn Mặc Tử (1959) gồm có : Thơ Đường Luật, Gái Quê, Đau Thương, Xuân Như Ý.

Tất cả các thi phẩm này được nhà xuất-bản Tân Việt in lại (1959). Càng ngày thơ Hàn Mặc Tử càng được phổ biến rộng và có nhiều người say sưa. Phần nhiều những người mê thơ Hàn mặc Tử, lớp thanh niên ngày nọ... thường lê-thê lếch thếch, ở các hè quán, dơ bẩn và điên loạn... họ điên loạn để tỏ ra giống Hàn Mặc Tử, họ bày đặt đau thương khốn đốn, thơ thì dùng chữ cho sáo, cho kêu, tiếc rằng không tìm được một Hàn Mặc Tử thứ hai để cho mình chiêm ngưỡng.

Ngày nào còn bình tĩnh tôi chỉ thích đọc thơ Xuân-Điệu, thơ Lưu Trọng Lư với những linh hồn sâu mộng muôn đời đó, cũng như những người làm thơ hôm nay... cái nhẹ và cao sâu của Trần Dạ Từ, Đỗ quy Toàn và những bài thơ lục bát của Trần đức Uyển vậy... nhưng, lúc tỉnh cũng như lúc điên... giọng thơ Việt với đôi hình sắc lạ thường rẽ thành hai nẻo... cùng hướng vọng về ân sủng của Thượng Đế, chỉ có Huy Cận ngày xưa, không cầu mong Thượng Đế điều gì, vì thi nhân mang cả cái linh hồn trần gian này mà trả lại cho Người. Nhưng đến lúc sâu hận điên đảo khôn nguôi, tôi tìm trở về với Ôn như Hầu... với Chế Lan Viên... và nhất là với Hàn Mặc Tử. Thơ không vốn dễ vỡ về lấy đau thương của ai cũng không phải để nói lên cái đau khổ, mà để tạo lập một vũ trụ một cõi mới lạ... điều đó có người bạn thơ tôi đã nói. Tôi đồng

ý vì thật tình đã nghĩ như thế, nhưng còn thêm... cõi nào cũng vậy... tiếng nói của *Loài Người* cả đây thôi... thì dù ở đâu, ở hoang đảo nào, ở một thế giới nào đi nữa, chúng ta vẫn cảm lều cò-độc chúng ta vẫn đến cái đỉnh chói vót của tâm - hồn tẻ quạnh của ta và chừng đó hoặc là trở về cô-độc, bằng thái độ sống, nếu không, thì chúng ta sẽ điên, điên như Chế Lan Viên, kinh dị như Hàn-mặc-Tử và sau này trên một nguồn đó còn có nhà thơ Viên-Linh với *Hóa Thân* xuất bản vừa rồi.

Nhà thơ đi lọc ánh sáng để gieo vãi, đơn-độc đắm mình trong suối ngọc cổ thơm, trong niềm đau thương xô đẩy đến một thế giới trắng sao lộng lẫy. Thi ca là nguồn sống ở trên cõi siêu hình đảo lộn cả mọi suy tưởng đậm đà của tình nhân gian sâu mộng. Ở đó chỉ có linh hồn thi nhân và trần châu ngọc bích của Thượng Đế. Ở đó sự kỳ lạ được nhà thơ điem vào óng ánh tinh khí, thực thể trở thành huyền hoặc lý lẽ cõi đời không có đất này mầm, cõi điên loạn dị thường được soi trong cặp kính của một vì Sáng Thế, được gây bởi cung đàn thiên-tiên bất tuyệt.

Từ lắng nghe niềm đau thương vọt máu của sự tình đến khao khát ân ái của nhục thể từ lang thang cô đơn ở trong xã hội gọi là chỗ hợp quần này tương trợ và thông cảm này... rồi lại chỉ còn vô-vô từng đêm, hoảng hốt và đau buốt xương da từng đêm trong bệnh viện Qui Hòa. Từ cõi bị dày này, thi nhân xưa vẫn là người tiên ở thượng giới cho đến cõi đời tạm bợ dày dạn này, rồi lại bị dày thêm lần nữa ở một *vùng có liêu cũ vạn đời*...

Với niềm đau thương của Hàn Mặc Tử người đời còn có thể nhắc tới. Nhưng tiếc rằng nhắc tới dễ cảm thấy một

cuộc đời rất là say đắm... rất là khốn cùng... rất là thơ mộng !!! Chứ nào ai đã cảm nhận một con người đó vượt khỏi cái âm-u, hoang lạnh của hư vô bủa vây trùng điệp... đen tối mịt mù như một thứ mê hồn trận. Những giờ phút tẻ diên hồn phách, sừng sùng xương da, ở giữa một căn nhà với ngọn nến, trông ra hồn bề đêm tối bủa vây, hãi tha ma hoang lạnh. Linh hồn kinh dị đến tột cùng, choáng ngợp cơ hồ nghẹt thở... đau đớn bốc dậy cùng từng sở thích, từng đường gân từng mạch máu, từng phút lo âu và khấp nguyện.

Như một kẻ lâm vào ác mộng, vũ trụ quay cuồng, vang vọng đến tiếng gọi rợn người của tử thần rình rập. Cựa quậy khôn thoát, cuối cùng thể xác đành ngã gục... đành tẻ diên, đành tan rã, nhưng linh hồn Người đã đến một nơi cư ngụ bình yên...

Trong đời ta ít nhất là ta đã va chạm một lần với cái chết khủng khiếp, ta mê cuồng và hét gọi; ta điên đảo và bầu vùi vào đời sống này một cách vừa bi thảm vừa run sợ. Ít nhất là như thế... ta mới cảm thông với một người trải nhiều ác mộng, luôn luôn thấy bàn tay lông lá của tử thần vươn đến chụp xuống đầu cổ, vò bóp xương da. Cuộc chiến đấu bất lực của con người với định mệnh ác nghiệt, cuộc chiến đấu giữa thể xác tanh hôi ghì kéo linh hồn chìm ngập trong đó, và ý chí thì bay vượt lên, điem linh hồn với cõi trú ngụ mộng lung mù-mịt của thế giới trắng sao huyền hoặc của thơ Người.

Thơ Hàn Mặc Tử không nên đọc trong lúc bình tĩnh, vì nó sẽ dẫn ta vào chơi với hoang đảo trong đêm biển mù tăm. Nhưng lúc quá đau thương, ta vào cõi thơ của người

đề mà lão-đảo hít làn tinh khí của trăng sao, của hoa trái thanh-tân, nhìn thấy ngất trời tinh dầu, với nỗi đau đôn lạ thường, cảm giác lạnh tê. Ở đó, ta chịu nhập hồn ta vào cõi vô cùng nọ, ta cùng lửa ánh sáng như lửa một thứ tình mộng, như lửa những làn sóng trong ngần của bầu trời tinh mơ, của biển vàng rực rỡ. Ta sẽ vui bởi nỗi đau đôn mà cảm thấy một hồng ân, bánh mật của Thượng Đế. Và kẻ nào từ chối thứ bánh mật đó, từ chối mọi ân sủng thiêng liêng đó..., cũng đừng nên than vãn cõi đời ô-trọc làm chi nữa, đừng tìm làm chi nữa hạnh phúc ở trong cõi trần này. Nếu có gan liều phó mặc với triều sóng thời gian đây ra khơi mãi thì đừng đọc thơ Hàn Mặc Tử nữa, sẽ tự dựng lấy một thế giới riêng, ở đó mặc tình vùng vẫy.

Nói về thơ Hàn Mặc Tử, ngâm nghĩ lại, mình không nói được gì cả... bao nhiêu lời từ trước đến giờ như là lá cây mục, như là cỏ khô... bởi vì thơ người, quá ư tràn trề ánh sáng, nhưng lúc tắm trong vùng ánh sáng nọ, thoát nó lại biến mất... lúc ta ngỡ thơ chàng là ánh sáng thái dương thì thơ chàng lại là vầng trăng thiên cổ... lúc ta ngỡ ta nắm được linh hồn, nắm được bản chất thơ của Người ở cõi đời này... thì thơ chàng đâu có... mà ta cầm nắm đâu ; vì :

Người thơ chưa thấy ra đi nhỉ?

Trinh bạch ai chôn tận đáy mồ.

Và chân lý mà ta thấy được ở tận cõi xa mù nào... không thể hiểu nổi nữa !



*Cánh đồng
thanh thoát*

★ MẶC TỬ

BÔNG tối dày đặc chùm lấy chúng tôi trong căn phòng đóng cửa kín mít. Chúng tôi nằm mỗi đứa một góc. Riêng tôi biết rằng đêm nay tôi không tài nào chợp mắt được. Tôi nghĩ đến gia đình và mẹ tôi giờ này đang sửa soạn đón giao thừa. Chắc hẳn đêm nay mẹ tôi sẽ buồn và nhớ đến tôi nhiều lắm. Dù thế nào ngày mai tôi cũng phải về thăm mẹ. Đáng lẽ tôi phải về từ chiều hôm nay để có mặt với gia đình trước giờ giao thừa. Nhưng tôi còn phải gặp Ngọc để giải quyết nhiều vấn đề cho một

quyết định tương lai : hôn nhân điều mà từ mấy năm qua tôi không hề nghĩ đến, hay đúng hơn là tôi cố từ chối bằng mọi cách khi mẹ và các anh chị tôi đề cập đến — nên tôi ở lại. Thứ đến là tôi không hiểu phải nói với mẹ tôi thế nào về cuộc hành trình của hai đứa em. Mẹ tôi bảo phải tìm cho được chúng, bảo chúng phải về gặp bà. Bà không hiểu nguyên nhân nào khiến chúng từ bỏ tất cả để ra đi. Bà tưởng rằng chúng ra đi vì gia đình bị xiềng xích dần và có thể phải tay, rú áo nếu một chế độ bị lật đổ và một chế độ

khác được kiện toàn. Nhưng thật ra, đó không phải là nguyên nhân chính đã thúc giục chúng. Chúng ra đi vì nhiều lý lẽ không thể nào bà biết được.

Trong những tháng gần đây, mỗi lần gặp tôi, chúng nói thật nhiều về quyết định của chúng. Tôi nghĩ dù sao Cấn và Khánh — hai đứa em tôi — cũng đã lớn rồi. Chúng đã có đủ khả năng để ý thức và trách nhiệm cuộc đời mình, nên tôi không tham dự vào quyết định riêng tư của chúng. Tôi muốn chúng được hoàn toàn tự do lựa chọn và hành động.

Đến bây giờ — đã năm sáu tháng trôi qua, tôi mới thấy lòng mình ray rứt, xao động như có điều gì thắc mắc, ân hận về chuyển đi của chúng.

Đêm nay tôi nghĩ đến nỗi buồn của mẹ tôi thật nhiều. Nỗi buồn của những người mẹ thương con mà không được sống gần con, tháng ngày khoắc khoải chờ đợi... chờ đợi không biết đến một ngày nào mới được đoàn tụ gia đình... Và chừng đó mới biết được ai còn ai mất, vì hiện tại cái chết không từ chối, dung tha bất cứ một ai, lúc nào cái chết cũng có thể đến

dưới mọi hình thức ghê tởm.

Cấn và Khánh đã ra đi như trước đây tôi đã nghĩ tới một chuyến đi tương tự, nhưng tôi không hành động. Chúng không lên đường cùng một ngày và một hướng. Mỗi đứa một ngã. Nhưng con đường riêng của mỗi đứa không khác gì nhau. Hai con đường đó đều khởi điểm từ một nền tảng đồ vờ, từ những mảnh vụn nát cháy xém của thời đại — thời đại của từng bước chân riêng rẽ, âm thầm mỗi người về một ngã tối. Đó là một cuộc hành trình vĩ đại vào sương mù. Đó cũng có thể gọi là một cuộc dẫn thân — nhưng là dẫn thân riêng rẽ để tìm lối thoát cho chính mình, đồng thời để từ chối mọi cuộc thí nghiệm vô ích cho cá nhân lẫn xã hội.

Giờ đây chúng đã lên đường. Chúng đã dẫn thân. Nhưng liệu chúng có đủ sức chịu đựng dọc đường với màn lưới giăng bủa bốn bề. Tôi không hiểu chúng muốn vươn thoát hiện tại để tiến đến một đời sống phía trước mặt, hay chúng muốn thu gọn cả đời sống hiện tại lẫn tương lai vào một chiếc vỏ nguy tạo tạm thời. Nếu thế thì

đâu cần gì phải lên đường? Đó là những điều tôi lo nghĩ về chúng. Nhưng sự lo nghĩ hay thắc mắc về chúng quả thật thiếu thực tế, vì vấn đề có thể được đặt ra mà không thể giải quyết — dù là tạm bợ.

Tiếng pháo giao thừa bắt đầu nổ dồn dập và liên hồi ngoài kia. Giờ thứ phút trong một năm đã điểm. Năm mới! Nó có khác gì những năm cũ? Rồi đây những biến cố gì sẽ xảy ra cho loài người, cho từng quốc gia, từng xã hội, từng gia đình và mỗi cá nhân? Ngày tháng vẫn tiếp diễn bình thường và đều đặn với những sinh hoạt của nó. Riêng ở xứ sở này, những ngón tay rời rã vẫn bầu vào những thanh sắt lạnh cho cuộc chiến lạng lẽ kéo dài — kéo dài một cách ngon lành và ngạo mạn. Những tâm hồn già nua tê cóng vẫn mỗi mòn, khao khát chờ đợi... chờ đợi... Những đôi mắt trẻ thơ hiền hòa như cỏ non xanh ngát trên cánh đồng bình yên, như cánh bướm buổi sớm bay lượn tung tăng trong vườn hoa hương vị ngọt ngào... thế mà sớm chiều lại phải nơm nớp ngó nhìn bằng ánh mắt kinh hoàng sợ hãi, không biết lúc nào bị cháy

nấm, bị tan tành hủy diệt.

Thật chiến tranh đã tạo cho con người nhiều định mệnh kỳ lạ và bất ngờ — Đúng ra con người không phải chịu những hình phạt ghê gớm như thế, nếu không có chiến tranh. Nhưng điều oái oăm là chiến tranh cũng được tạo nên bởi con người — nên... đành chịu vậy. Một cơn lốc thời qua sẽ để lại nhiều đồ vờ, những gì còn gắng gượng được cũng phải xơ xác đảo điên. Tôi đang nằm trong căn nhà này, cùng với Thanh, với Năm, với Hải không là một định mệnh kỳ lạ của chiến tranh sao? Đáng lẽ ra tôi không phải sống một cuộc sống như thế, tôi phải sống khác hơn, các bạn kia cũng đâu nhận chịu nhiều nghiệt ngã như vậy.

Tiếng pháo giao thừa tiếp tục nổ vang ngoài đường phố. Những lời chúc xuân vui tươi thanh bình và hạnh phúc được truyền đi trên các làn sóng điện của đài phát thanh, thật rộn rã, thật rạo rực. Tôi nghe lòng mình cũng bị khơi dậy một mùa xuân ấm êm từ một thời nào xa xưa mà tôi chưa hề biết, chưa hề hưởng...
Pháo nổ. Mùa xuân đến. Lời chúc

tung được ban ra. Nhưng không hiểu có mấy người trong thiên hạ được hưởng trọn vẹn cái ý nghĩa đúng mức của nó. Riêng chúng tôi nằm im lặng trong căn nhà không bật đèn này, bốn bề kín mít gần như được tách rời với thế giới bên ngoài. Không ai nói gì tới ai. Chúng tôi mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng tư không thành hình hoặc thành hình mà không thể giải quyết ổn được.

Đêm đã lần mò về khuya. Những tiếng pháo cũng thưa dần và uể oải.

Sáng mai con sẽ về thăm mẹ, con sẽ được nhìn ngắm những chậu kiểng, những cành mai vàng nở đầy, con sẽ được ngửi hương thơm tinh khiết nhẹ nhàng của hoa mai chiếu thủy, con sẽ được dạo quanh khu vườn tuổi thơ mà những bước chập chững của con còn in trên đó.

Cần và Khánh, bây giờ hai em đang làm gì, ở đâu, trong một thành phố nhỏ hay giữa rừng núi thâm u, hay đã đến xứ người xa lạ nào?... Rồi hai em sẽ ra sao?

Điều đó đã nhất định rồi Ngọc ạ! Anh sẽ tiến hành thật sớm, Chúng ta đã có một niềm tin

mãnh liệt. Đó là một thứ vũ khí bén nhọn để thắng mọi bất trắc, nếu có. Chúng ta sẽ tạo một mái nhà ấm cúng bên một dòng sông nơi tỉnh nhỏ yên lành, hoặc ở vùng biển thanh thoát có gió lồng bốn mùa, có mặt trời ấm áp, với mặt bể xanh rờn mênh mông tận chân trời... Chiều chiều anh sẽ dẫn em ra nằm trên những môm đá nghe sóng vỗ rì rào, nhìn chim trời tự do bay lượn trên không. Đất nước sẽ thanh bình trở lại. Không còn sợ ai cướp phá hạnh phúc. Không còn nhìn thấy cảnh tượng giết chóc hôi húng. Không còn nghe những tiếng nổ kinh hoàng làm rở mặt đất quê hương... Rồi những đứa con của chúng ta sẽ ra đời nô đùa trên cát trắng, cười giòn gọi ba gọi má. Và những tiếng nói thiêng liêng kia sẽ cời bỏ được tù đày, sẽ gọi sạch những khổ đau ràn rụa, chôn cất chất của cuộc đời. Đó là những tiếng nói của hạnh phúc, của tình thương, của tự do con người với đúng ý nghĩa của nó. Chúng ta phải tạo dựng lại đời sống đó... Rồi thanh bình sẽ trở lại đất nước này. Anh sẽ đưa em đi khắp các thành phố. Từ thủ-đô rộn rịp đến

các thị trấn đều hân hoan tề. Anh sẽ đưa em đi dạo trên những cánh đồng bao la miền Nam, và những đồi núi hùng vĩ của miền Trung, miền Bắc. Trong cuộc viễn du này em sẽ có dịp thấy sự bình phục của cỏ cây, trời đất sau một cơn dịch hạch khủng khiếp. Em sẽ thấy một tình yêu bao la của con người sống dậy. Em sẽ thấy những cành hoa, những cây cỏ, những màu trời... tất cả đều đáng yêu. Và em sẽ thấy tình yêu của chúng ta không còn biên giới nữa...

Bây giờ mọi vật đều yên tĩnh. Từ trong xóm sâu dài tiếng gà gáy thưa thưa buông vài vào đêm tàn những âm thanh buồn buồn. Các bạn tôi có lẽ đã yên giấc sau một đêm mòn mỏi. Tôi bước đi nhẹ nhõm để khỏi gây thành tiếng động trong nhà. Tôi mở cửa sổ nhìn những vì sao cao vút trên đỉnh trời. Những vì sao mờ mờ ẩn hiện như bóng dáng hạnh phúc. Hơi sương lùa vào lành lạnh. Tôi nghe tim đập mạnh hơn thường lệ. Tôi ngồi xuống chiếc ghế mà chiều hôm qua Ngọc đã ngồi. Tôi hình dung lại từng cử chỉ, từng ánh mắt, nụ cười của nàng. Tôi đuổi bắt từng tiếng nói

của nàng trong đầu. Và tôi nghe một cảm giác rung động mãnh liệt. Nhưng tôi không thể phân tách cảm giác đó. Tôi cho đó là một cái gì tự nhiên như sự chuyển dịch của vũ trụ. Tôi ngồi im lặng như cỏ cây hoa lá để nghe cảm giác lớn dần...

Tiếng pháo lại nổ sau mấy giờ im vắng. Ánh sáng bắt đầu tỏ dần. Phương đông vùng lửa hồng rực lên, sắp sửa ngự trị vạn vật một cách hiên ngang dũng mãnh. Mấy người bạn thức dậy nấu nước pha cà phê. Sinh hoạt buổi sáng ngày mừng một tết trong xóm nhà này không đến đâu ồn ào như những ngày thường. Phấn đông đều đóng cửa, hoặc có mở thì chỉ hé một cánh nhỏ để đủ một người lách qua. Có lẽ họ muốn giữ vẻ tôn nghiêm và điềm hên xui của ngày đầu năm. Họ dành riêng ngày đó để tiếp rước những lời chúc tụng thịnh vượng, thịnh vượng, hạnh phúc...

Tôi nói với Thanh tôi đi đến nhà Giang một chút tôi trở về vì đã hẹn với nó. Nhưng khi đến gặp Giang thì một chuyến đi Sadéc bất ngờ được thực hiện. Ý định về thăm mẹ tôi nội trong ngày mừng một bị dời lại.

Chúng tôi vừa bước xuống xe taxi ở bến xe lục tỉnh thì lại gặp Ngọc với ba nàng. Ngọc cũng đi về Sadéc. Mọi người chen lấn, tranh nhau để mặc cả một chỗ ngồi. Cái gì cũng đắt đỏ, giá tăng gấp ba gấp bốn. Người ta than phiền phân bua với nhau. Nhưng rốt cuộc rồi người ta cũng đành chịu vậy. Vẫn phải lấy vé xe thật đắt để lên đường về thăm quê hương, gia đình trong ba ngày tết.

Giang bảo phải kiểm gì ăn cái đã, rồi tính gì thì tính. Chúng tôi tạt vào quán ăn gần đó.

Buổi sáng nền trời xanh sâu thẳm. Nàng lên âm âm.

Tại sao chúng ta lại gặp nhau ở đây? Sao em không đi sớm hoặc đi trễ hơn — mà lại đến cùng một lúc, cùng một địa điểm? Sự gặp gỡ như thế cũng là do định mệnh an bài nữa sao? Anh muốn đi cùng một chuyến xe với em. Nhưng quyết định của Giang chưa dứt khoát, đi hay không. Là một bạn thân nên anh biết nó có những hứng thú bất ngờ, những chán nản đột hiện. Ra khỏi quán, anh thấy chiếc xe em vừa lấy vé lúc này đã chạy rồi. Anh và Giang phải đi chiếc xe lớn đậu gần đó. Đột nhiên anh thấy bên này hiu quạnh và buồn tẻ. Bây giờ em đang ngồi bên ba, trên con đường dẫn về quê hương duối thơ... Anh và Giang cũng sắp

sửa đi trên con đường đó. Mười mấy năm rồi quê hương của Giang chỉ còn trong trí nhớ. Mười mấy năm rồi quê hương của chúng ta biết bao điều tàn, biết bao thay đổi, biết bao chết chóc giữa nghiêngngiễn ra. Và mười mấy năm rồi biết bao cơn bão táp khốc liệt đã thổi qua cuộc đời Giang, cuộc đời của tất cả những người dân Việt.

Bây giờ chiếc xe đã mang anh và Giang ra khỏi thành phố tù đày với cuộc sống dành giật hỗn mang. Chiếc xe băng vù vù trong gió, nuốt dần quãng đường xa ngàn dặm để đưa chúng ta về quê hương của hồn nhiên — quê hương của những tuổi đời đẹp nhất. Hai bên đường là những cánh đồng xanh tươi bát ngát tiếp nối đến chân trời. Đây! em có thấy lòng mình rộng mở như trời đất. Đây! em có thấy con người như được giải thoát hoàn toàn. Đây! em có thấy hạnh phúc đang chấp chôn trên cánh đồng xanh đang đón chờ một mọc chúng ta... một mọc nhân loại.

Thế nào rồi đất nước này cũng có ngày thanh bình trở lại. Nhưng hiện tại tôi phải nói thế nào với mẹ tôi về cuộc hành trình của hai đứa em mà bà đã bảo tôi có phần trách nhiệm?



xuân

của
tôi

* KIỀU-MỘNG-THU



Người thôi không ôm mộng
Tôi bời xóa mùa Xuân
Mười năm mòn mỏi ngóng
Người hay tôi : hoài công (?)

Bây giờ lại mùa xuân
Lòng tôi còn đứng đưng
Từ mình không gặp nữa
Tôi ngả mũ chào buồn.

Bất tay vất ưu sầu
Đêm nghe trọng thâm đau
Vết tôi linh hồn lạnh
Hỏi người giờ ở đâu.

Khi chia ly đôi ngả
Trời bắc sông Ngân Hà
Mười năm không ở thước.
Lệ tương tư dầm sa.

Mười năm tôi Chúc-Nữ
Mười năm người Ngưu-Lang
Mình không rằm tháng Bảy
Làm sao mà tìm sang (1)

Ngoài trời đang còn Xuân
Mà mình đặc u-buồn
Nụ hoa-hồng xưa chết
Bướm xưa còn vấn-vương...

sự trừng phạt bạn loạn thần

● ĐÀM QUANG-THIỆN

Khi Pénélope lên lầu rồi, Ulysse vào giường ngủ. Nhưng chàng không sao nhắm được mắt. Khi bạn thị tỳ thấy hoàng hậu đi nghỉ họ bèn đùa bốn với bạn kia, khiến Ulysse tức giận vô cùng. Chàng cố nén cơn phần nộ và tự nhủ : « Ulysse, người cần phải trấn tĩnh mới được. Và lại người đã im lặng chịu đựng biết bao sự cực khổ ghê gớm hơn nữa ! Người há lại không ra khỏi hang của tên Cyclope sao ? Chàng tự nghĩ thế và cố nén lòng công phần. Nhưng chàng không sao ngủ

được và lăn lộn trên giường như trên một lò than hồng vậy. Trời vừa rạng đông chàng đã dậy xuống sân và dơ tay nhìn lên trời mà khấn : « Lay vị chúa tể Zeus, người đã cho tôi về đến quê hương thì xin người hãy ban cho tôi một điềm tốt lành ». Chàng vừa nói dứt lời thì nghe thấy tiếng sấm của Zeus và trong lâu đài của chàng tiếng một người đàn bà vừa xay bột vừa kêu lên : « Ôi Zeus tối cao ! người vừa cho sấm kêu giữa trời quang đang đề báo cho một người nào đó rằng

THẦN
THOẠI
HY-LẠP
LA-MÃ

THẦN THOẠI HY LẠP

lời cầu khẩn của người ta đã được chấp thuận. Xin người thấu cho lời cầu khẩn của một người đàn bà già yếu và khổ sở. Ước gì ngày hôm nay là ngày cuối cùng của những kẻ đến cầu hôn bà Pénélope. Họ bắt tôi xay bột đến sụn cả xương. Xin người cho họ ăn hôm nay bữa ăn cuối cùng ». Nghe những lời đó, Ulysse thấy vui dạ vì chàng trông thấy quân thù bị phạt đến nơi rồi. Mặt trời mọc khi bạn thị tỳ vội vã lên dọn nhà cửa cho thêm củi vào lò lửa, lau bàn và rửa cốc tách.

Trong khi đó những gia nhân chế củi để quay thịt. Chẳng bao lâu Eumée đến sân dẫn theo ba con lợn thật béo. Người thì dắt dê, người thì dắt cừu đến. Mùi thịt nướng thơm lừng. Đến bữa ăn, bạn Antinoos vừa ăn vừa riêu cợt Ulysse ngồi ở ngưỡng cửa. Trong khi đó, Pénélope vào buồng chứa những cửa của của Ulysse và lấy cái cung và túi tên của chàng ra. Nàng ôm cái cung vào lòng mà khóc. Rồi cầm túi tên nàng sang phòng tiệc. Hai thị tỳ cầm hai cái đồ đựng mười hai cái riu đi theo. Nàng che một cái chàng mạng mỏng lên mặt, đứng dừng ở trước

cửa mà bảo bạn Antinoos : « Hồi các vị hoàng tử, các người hãy qua một kỳ thi cuối cùng này nữa. Đây là cái cung của Ulysse. Ai trong bọn các người có thể dương được cung này và bắn một mũi tên qua suốt mười hai cái lỗ của mười hai nắp riu này thì ta sẽ chọn làm bạn trăm năm. Nói xong nàng ra lệnh xếp mười hai cái riu thẳng thành một hàng. Các người cầu hôn bà Pénélope lần lượt thử nhưng không ai đạt được mục đích cả. Trong khi ấy Eumée và tên chăn bò là Philétios đi ra cánh đồng. Ulysse bèn đi theo họ. Khi cả ba đều đã xa lâu đài rồi, Ulysse bảo hai người kia dừng lại và hỏi : « Hồi các người, nếu chủ người là Ulysse về thì các người có giúp ông chống với bọn lộng quyền kia không hay lại theo về phía chúng ? » Hai người lập tức kêu lên : « Lay Trời, nếu chủ chúng ta về, ông sẽ được biết tay chúng ta ». Ulysse lại nói : « Vậy thì chính ta là Ulysse đây. Các người hãy nhận vết thương này ở chân ta ». Ulysse vừa nói vừa dơ đầu gối có vết thương cho họ xem. Khi nhận đích là chủ rồi, hai người bèn ôm lấy chàng

mà khóc. Ulysse nói : « Bây giờ các người hãy nghe ta nói đã. Ngày trả thù đã tới. Eumée, người hãy trở vào phòng tiệc. Ta sẽ theo ngay vào. Mặc dầu bọn kia ngăn cản, người hãy đem cái cung và túi tên lại đưa tận tay cho ta. Còn người, Philétios, người hãy ra đóng các cổng sân và cài then ngang lại ». Nói xong, ông trở lại phòng tiệc. Bọn Antinoos đang hết sức tìm cách đương cung nhưng vô hiệu. Ulysse nói : « Hỡi các vị hoàng tử, tuy không dám nghĩ tới phần thưởng của cuộc thi này, tôi xin các vị cũng cho tôi thử dùng cung này xem tôi còn giữ được sức khỏe của thời niên thiếu không. » Antinoos tức giận mắg : « Hỡi tên khốn nạn kia, mi được ăn uống như vậy lại còn chưa mãn nguyện sao. Hay rượu chúng ta cho đã làm mi quá say chẳng ? Mi tưởng chúng ta điên rồ hay sao mà lại thi với mi ? » Pénélope vội gạt hấn đi : « Antinoos, người hãy im đi. Ta không nên chửi khách ở trong nhà mình. Người hãy đưa cung cho người khách lạ này. Ông ta cũng là dòng dõi danh giá đó. Nếu ông ta đương được cung này, tôi sẽ

biếu ông một cái áo thật đẹp, một ngọn giáo và một thanh đoản kiếm, và sẽ giúp ông mọi phương tiện để ông về quê quán. »

Télémaque lúc đó liền mời mẹ về phòng nghỉ để mình định đoạt thay cho. Khi bà về phòng rồi, Eumée bèn lấy cung tên đưa cho Ulysse. Vị anh hùng cầm lấy và nhẹ nhàng như một nhạc sĩ căng giây đàn, chàng đương cung bắn một phát, mũi tên suốt qua mười hai lỗ rìu. Chàng nói : « Télémaque, người khách mà người tiếp trong nhà đã không làm người phải hổ thẹn. Ta vẫn giữ nguyên vẹn sức khỏe của ta và bọn kia sẽ không làm nhục được ta nữa. » Télémaque nghe nói, bèn đeo gươm giáo đến đứng cạnh cha. Ulysse thấy máu giận sôi lên sùng sục liền vất bỏ quần áo rách rưới đi, ra đứng ở ngưỡng cửa bắn một phát tên đầu tiên giết chết Antinoos và kêu lên : « Hỡi quân cầu trệ kia, các người không ngờ ta còn trở về nữa. Các người không biết kính sợ thần và tránh sự tức giận của ta mà dám đến đây phá hại nhà ta, gian dân lũ thị tỳ của ta và khi ta hãy còn sống đòi cưới vợ của ta. Nhưng

Ulysse còn đây và cái chết đang chờ các người vậy ». Bọn kia nghe nói hoảng sợ mặt mày tái mét. Người thì trốn xuống gầm bàn, kẻ thì sau khi tìm khí giới không thấy, đành kêu van. Nhưng Ulysse giận giữ giết hết người này đến người khác. Télémaque, Eumée và Philétios giúp chàng trong công việc đó. Những tiếng kêu rên kinh khủng vang lên. Bàn ghế cốc tách đổ ngổn ngang, rượu pha lẫn với máu. Tất cả bọn cùng chịu chung một số phận, trừ có hai người là Phémios nhà nhạc sĩ mà chúng bắt đến hát ở những bữa tiệc yến, và Madon đã sẵn sóc trông nom cho Télémaque.

Xong rồi Ulysse bảo con vào gọi bà già Euryclee ra. Lúc bà ra trông thấy bọn kia chết hết bà vui mừng định reo lên thì Ulysse bảo : « Bà hãy im đi. Bà có vui mừng thì hãy để bụng vì ta không nên reo hò trên những xác chết. Bả hãy nói cho ta biết những tên thị tỳ nào đã làm ô danh nhà ta ». Bà Euryclee trả lời : « Con ơi, trong bọn năm mươi thị tỳ thì mười hai tên đã có những hành vi xấu xa trong lúc con vắng mặt. » Ulysse nói : « Vậy bà hãy đi gọi mười hai đứa ấy đến đây cho

tôi ». Lúc chúng đến, Ulysse bắt chúng khiêng dọn các xác chết và lấy nước cọ rửa bàn ghế. Télémaque, Eumée và Philétios thì cọ rửa mặt đất của phòng ăn. Công việc đó làm xong Télémaque đem treo bọn nữ tỳ có tội ấy trong một góc sân. Sự trả thù thật là đầy đủ. Ulysse lại sai Euryclee đi lấy diêm sinh tày uế gian phòng, đốt lửa lên và đi mời Pénélope xuống.

Lúc Euryclee đến phòng Pénélope, nàng đang mơ màng giấc điệp. Bà cúi xuống gọi : « Con thân yêu, hãy dậy đi. Ulysse đã về rồi. Chàng hiện ở trong lâu đài này và vừa giết hết bọn kia rồi. » Pénélope trả lời : « Hỡi bà nhũ mẫu thân yêu, có lẽ bà điên rồi chẳng ? Sao bà không đề cho tôi ngủ để cho tôi quên bớt những nỗi đau buồn đi. Bà hãy đi đi và nên biết rằng nếu một người đàn bà khác đến đánh thức tôi mà nói những sự vô lý như thế thì tôi đã lập tức đuổi ra khỏi nhà này rồi. » Euryclee lại nói : « Ta không lừa dối con đâu Ulysse còn sống và hiện ở trong nhà này : chính là ông khách đã bị chúng chửi rửa hồi này. Gậy đi, Pénélo-

pe, nếu ta đánh lừa con ta xin chịu trăm tội. » Pénélope bèn ôm lấy Euryclée hôn và vừa khóc vừa đứng dậy xuống nhà. Nàng xuống ngồi ngay trước mặt Ulysse, yên lặng nhìn vị anh hùng đang đứng dựa cột chờ nàng nói. Nhưng nàng đâu có nhận ra chồng trong bộ quần áo rách rưới đó. Télémaque thấy nàng im lặng thì ngạc nhiên và trách mẹ. Nhưng Ulysse nói: «Thôi con, mẹ con chưa nhận được ra vì những quần áo rách rưới này. Để ta đi sửa soạn lại đã.» Nói xong chàng đứng dậy, đi tắm và mặc quần áo mới vào, Athéna lại làm phép cho chàng hiện nguyên diện mạo cũ. Sửa soạn xong, chàng đến ngồi trước mặt Pénélope dường dường như một vị thiên thần vậy. Nhưng Pénélope vẫn ngập ngừng. Nàng bảo Euryclée dọn giường trên buồng riêng của vợ chồng nàng, buồng mà trừ Ulysse ra, chưa một người đàn ông nào bước vào. Ulysse bèn tà cái giường và buồng đó tí mĩ và đứng đến nỗi Pénélope thấy tiêu tán mọi sự nghi ngờ. Nàng liền ôm lấy Ulysse khóc mà nói: « xin chàng đừng giận nếu em không nhận ngay chàng từ phút đầu. Em sợ bị nhảm hay bị họ đặt bẫy đánh

lừa. Chàng hãy tha thứ cho em. » Hai vợ chồng cùng khóc.

Sáng hôm sau, Ulysse, Télémaque, Eumée và Philétios đi đến nhà ông Laerte. Trong khi ba người kia vào nhà, Ulysse ra vườn tìm bố. Ông già ấy mặc rất sơ sài cũ kỹ khiến Ulysse trông thấy phải rói lụy. Chàng muốn thử xem ông có nhận được con không bèn lại gần mà hỏi: « Hỡi ông già, ông chăm nom cái vườn thật là tươi đẹp thế mà sao ông không chịu chăm nom cho thân mình. Ông làm cho người chủ keo kiệt nào thế? Có phải đây đúng là Ithaque không và ông khách đã đến thăm tôi và nhận là con ông Laerte còn sống không? »

— « Than ôi, ông già trả lời, hỡi ông khách lạ, xứ này đúng là Ithaque, nhưng ông khách mà ông nói đó không có ở nhà. Chẳng hay ông ta đến thăm ông từ bao giờ? »

Ulysse trả lời: « Đã bốn năm nay rồi. » Nghe câu ấy, một nét buồn vô hạn hiện lên gương mặt ông già. Đứng bực đất rắc lên đầu mà kêu than thảm thiết. Ulysse không cầm được nước mắt bèn kêu lên: « Cha ơi, chính

con đây, dựa con mà cha hằng mong mỏi từ hai mươi năm nay. Xin cha đừng buồn phiền nữa, con đã giết hết bọn người đã phá tán của cải của con rồi. » Chàng nói và đưa cái sẹo ra cho ông già khỏi nghi ngờ. Ulysse đỡ bố vào nhà. Nhưng trong khi hai cha con truyện trò thì một đám đông người đến cửa lâu đài kêu gào đe dọa. Enpithès, bố của Antinoos, vừa khóc vừa nói: « Hỡi các bạn, chúng ta thật là hèn nhát nếu chúng ta không báo thù cho những người đã bị giết thảm thương như vậy. Ulysse đã đem biết bao nhiêu chiến sĩ, anh dũng đi, đã đè mất hết cả người lên tàu mà về có một mình. Đã thế hắn còn giết chết bao nhiêu người nữa. Vậy chúng ta hãy lấy khí giới mà trừng phạt hắn trước khi hắn trốn thoát. » Một số lớn dân

chúng có Enpithès cầm đầu, rầm rộ kéo đến nhà Laerte. Ulysse linh cảm thấy sự nguy biến và bảo người nhà đều lấy khí giới sửa soạn cuộc đấu. Chính ông già Laerte cũng đòi mặc binh giáp vào. Ulysse cầm đầu bọn này ra ngoài cửa đợi. Lúc bọn kia đến gần Ulysse lấy ngọn thương đánh vào đầu Enpithès khiến ông già này chết ngã lăn ra đất. Hai cha con Ulysse đang sắp chém giết nữa thì Athéna hiện ra bảo: « Hỡi các người Ithaciens, máu đã chảy nhiều lắm rồi. Còn người nữa, Ulysse, hãy ngừng tay đừng làm cho Zeus tức giận ». Bà vừa nói xong Zeus cũng làm cho sấm sét ầm ầm. Ulysse cũng như dân chúng đều tuân theo lời vị nữ thần. Từ đó sự sung túc và sự hòa hợp đem lại thịnh vượng cho Ithaque. ★



★ ĐI BƯỚC DÀI

Con: *Đôi giày của con mòn rồi,*

Cha: *Hãy đi bước dài để tiết kiệm giày.*

L.C.T.

mòn mõi

✱ PHƯƠNG
DUYÊN



Buổi sáng này chủ nhật
Có nắng hè hanh vàng
Thêm một ngày hoang dại
Trôi dài trong ngõ ngàng

Lối phố nào nhộn nhịp
Sao hồn đường rộng không!
Một mình bên cửa sổ,
Đếm từng hoa phượng hồng.

Ôi! Những tà áo trắng,
Thời học trò xa xôi;
Chờ mong ngày chủ nhật,
Đâu ngày xưa xa vời?!

Bây giờ thành khôn lớn,
Ngày chủ nhật không còn
Âm thầm bên cửa sổ,
Nghe tâm hồn mõi mòn.

Còn bao nhiêu chủ-nhật,
Cho lòng thêm ngậm ngùi!
Sao mây trời chẳng đẹp,
Đề sầu riêng một người?!

Minh ơi!

xứ Mông-Cò
ở đâu
?



KHÔNG biết vì những lý do gì, dạo này ông Tú đâm ra chán đời kinh-khủng, nét mặt ông lúc nào cũng âm-đạm, âu-sầu, không thiết chuyện-trò gì với ai cả. Nụ cười duyên-dáng biến hẳn trên môi ông. Ông ngồi dăm-chiều nhìn một góc trời, thỉnh thoảng lăm-mầm niệm Bồ-Tát Quan-Thế-Âm. Có vẻ ông đau khổ lắm.

Bà Tú tìm cách an ủi ông, nhưng ông vẫn không vui. Chiều hôm qua, ông đang nằm vông, im lặng hàng tiếng đồng-hồ, trầm-ngâm nghĩ-ngợi. Bà Tú đến ngồi cạnh vông, gọi chuyện để ông nói cho đỡ buồn.

— Minh ơi, xứ Mông-cổ ở đâu, hà Minh?

Ông khẽ nghiêng đầu sang phía bà Tú:

— Cái gì, em?

— Xứ Mông-cổ ở đâu? Em vừa đọc báo thấy nói Trung-Cộng và Nga-xô giành nhau ảnh-hưởng ở Mông-Cổ. Xứ đó có gì quan-trọng lắm sao mà hai nước Cộng-sản tranh giành? Có phải như nước Việt-Nam mình không?

Không thể không nói chuyện với bà Tú, ông từ-từ trả lời, nhưng giọng nói không vui vẻ như trước.

— Mông-cổ là một xứ nhỏ nằm ở giữa hai nước kết-xù Nga-Xô và Trung-Cộng. Rộng đến 1.500.000 ki-lô-mét vuông, nhưng hai phần ba là núi rừng hiểm trở và sa-mạc mênh-mông, thành ra dân-số không quá một triệu người.

— Không bằng một nửa dân-số Sài Gòn?

—Ừ, chỉ vậy thôi. Nhưng họ là một giống dân đã oanh-liệt một thời, làm khiếp-dởm cả Âu-châu. Mông-Cổ là quê-hương của những tay chinh-phục bạo-tàn khét tiếng trong Lịch-sử nhân-loại, đến ngày nay trong thế-giới vẫn không ai không biết tên.

— Tên gì, hà Minh?

— Ba vị hoàng-đế nổi tiếng nhất của Mông-cổ thuở xưa là **Attila** (432—453), **Gengis Khan** (1160—1227), **Tamerlan** (1336—1405). Họ kéo binh đi chinh-phục nước nào là làm kinh-thiên động-địa ở nước đó.

— Chắc xứ Mông-Cổ nghèo lắm, nên họ phải đi xâm-lăng các nước khác chứ gì, Minh nhỉ?

— Đã thế, mà xứ đó lại lạnh lắm. Mỗi năm mùa lạnh đã hết 9 tháng, một cái lạnh khủng-khiếp nhất trên quả địa cầu, thường-xuyên là 30 độ dưới số

không.

Trong thiên phóng-hồi ký của ông Yvar Lissner thuật lại chuyện ông ở Mông-cổ mấy năm sau (A) thì thế đấy, ông kể rằng lạnh cho đến nỗi mình nhỏ nước miếng xuống đất, bãi nước miếng đã thành ra cục đá liệ. Tại vùng Barga, ở phía Đông Mông-cổ, là một vùng hoang và chỉ có cỏ vì bùn, lạnh tới 47 độ dưới số 0.

— Trời ơi, lạnh như thế, dân bên đó làm sao chịu nổi, hà Minh?

— Tối họ phải đốt lửa thường xuyên. Đây cũng là quê hương của chó-sói, ban đêm chúng vừa lạnh vừa đói, kéo nhau từng đàn sáu bảy chục con đi kiếm mồi, vừa đi vừa tru lên, nghe thật là rùng rợn. Năm ông Lissner ở đó, chỉ trong 3 tháng lạnh đầu năm, chó-sói bắt ăn thịt trên 20 ngàn con cừu và con nai, loại nai xứ lạnh gọi là *rennes*. Lạnh đến nỗi suốt mấy tháng băng-dá, mọi sinh hoạt đều ngưng hẳn, xe lửa và xe cam-nhông không chạy được, đoàn lạc đà không đi được, phi cơ không bay được, không buôn bán làm ăn gì được cả. Người chết cũng không thể đem chôn vì đất lạnh cứng như đá, không đào được. Phần nhiều họ đốt xác chết, hoặc

nhà giàu thì họ để dành xác chết cho đến hết mùa lạnh họ mới chôn. Nhờ lạnh, xác không thối. Cũng như ướp nước đá vậy đó. Xác để ngoài sân các Đền Chùa để cầu siêu, nhưng sáng dậy thường thấy biến mất, vì ban đêm bị chó-sói đến ăn.

Bà Tú rung mình ghê sợ:

— Eo ôi! Cái xứ gì là vậy thế!

— Còn nói về cát của Sa-mạc Gobi, thì khủng khiếp không thể tả! Sa-mạc Gobi ở về Đông Nam Mông-Cổ, rộng bao la và thường có những trận bão cát bụi mù thiên địa. Bão cát nổi lên ở Gobi, thì ở Bắc-kinh, thủ đô Trung-cộng, cách xa lắc xa lơ, người ta cũng nghẹt thở. Thỉnh thoảng bụi cát ở sa mạc Gobi bay tới Tokyo, thủ đô Nhật-bồn!

Nên nhớ rằng Mông-Cổ là nơi sinh trưởng một loài thú quái dị và hung dữ mấy triệu năm trước khi số loài người xuất hiện. Các nhà khảo cổ gọi loài quái vật đó là **Dinosaure**, hình thức giống như con kỳ nhông, thân thể có vảy như cá sấu, nhưng to lớn, cao và dài, sức mạnh có thể bằng năm bằng mười con voi bụi. Ngựa

Mông-Cô cũng mạnh và dữ hơn ngựa ở các xứ khác, và hiện giờ trẻ con Mông-Cô 5 tuổi đã biết cỡi ngựa rồi. Ngoài ra, có dê, lạc đà, và loại nai có gác lớn (rennes), là những con vật có lông rậm và dày, mà dân Mông-Cô dùng để kéo các loại xe đi trên tuyết và trên sa-mạc, hoặc để cỡi.

— Mình à, có lẽ tại vì khí hậu Mông-Cô lạnh gắt gao như vậy, và tính-khí loài người cũng như loài thú rất hung-dữ, cho nên người Mông-Cô hay đi chinh phục các xứ khác để dời sống dễ chịu hơn.

— Có lẽ thế. Dân Mông-Cô tàn-bạo và háo-chiến đến nỗi cuối thế kỷ thứ III trước Thiên-Chúa, Tần Thi Hoàng-Đế, một vị vua bạo-ngược nhất của nước Tàu thời trung-cổ đã phải xây Vạn-Lý Trường-Thành dọc theo biên giới từ miền Tây-Bắc chạy thẳng xuống biển, nơi đây chỉ chừa một cái cửa : Sơn-Hải-Quan.

— Vạn-lý trường thành dài bao nhiêu, hả Minh ?

— Một lý dài độ 500 mét, thì 10.000 lý là 5.000 ki-lô-mét.

Thời-kỳ Tần-Thi-Hoàng xây Vạn-lý trường thành để chặn quân Mông-cô xâm-lãng, là nhằm vào thời kỳ mà ở Âu-châu, đại tướng Hannibal kéo một đại đội binh mã, cả một đoàn voi đi từ Espagne vượt qua dãy núi Alpes ở phía Nam nước Pháp, để xuống đánh chiếm La-Mã.

Tần-Thi-Hoàng và các đời vua sau, nhờ Vạn-Lý trường thành mà cố-thủ ở Bắc-Kinh, quân Mông-cô không vào được dễ dàng. Ta thử tưởng-tượng bức thành vạn dặm ấy xây toàn trên sườn núi, liên-tiếp núi này qua núi nọ, và ngay trên các đỉnh núi cao chót vót đều có những tháp canh. Bức thành vĩ đại kiên-cố đó có tất cả 40.000 tháp canh !

— Kinh-khủng ! Kinh-khủng !

— Attila, vua dòng-dõi Hung-Nô, đã kéo quân từ Mông-cô băng qua Nga, Ba-lan, cả Âu-châu, đến Gaule (nước Pháp thời Đế-quốc La-mã), và xuống đến Hy-lạp, tới đây mới bị thua gần thành Troyes, năm 451.

Gengis Khan, cách nay trên 700 năm, đã chiếm được Đông-âu, xây dựng một đế-quốc rộng



Tamerlan (1336-1405)



Gengis Khan (1160-1227)

Attila (432-453)

từ Triều-Tiên đến Hung-gia-Lạc, bọc cả Ấn-độ, Ba-Tur.

Mặc dầu bị Vạn-lý trường thành cản-trở, Gengis Khan cũng đã chiếm được Trung-Quốc sau 5 năm đánh phá toi-bời, bắt đầu từ năm 1211.

Koubilai Khan, một nhà chính-trị khôn-ngon, không gí ra chiến tranh nữa, chỉ hưởng thụ gia-tài vĩ-dại, một đế-quốc bao-la gồm cả Âu-Á, do Gengis Khan để lại.

Marco Polo, một nhà thám-hiềm Tây-Âu, sau 26 năm đi phiêu-lưu khắp Châu Á, năm 1295 trở về Venice, kể lại những chuyện phi-thường và những cảnh rực-rỡ tôn-nghiêm mà ông ta đã chứng kiến ở triều-đình Koubilai, vị Vua hùng-cường lắm-liệt nhất trên Thế-giới. Chính ông đã phục-vụ ở Triều-đình ấy, và làm cố-vấn cho Hoàng-đế Mông-cổ. **Tamerlan** cũng là một tay võ-kiệt ghê-gớm, và cũng là một nhà cai-trị đại tài. Các vị đế-vương của các nước văn-minh Tây-phương, Pháp, Anh, Đức, Ý, v.v..., cùng thời với Tamerlan, thế-kỷ XIV, XV, đều kém xa Hoàng-đế Mông-cổ về phương-



Sockhe Bator

diện quân-sự cũng như lập-quốc, kiến-quốc. Ngồi trên ngai vàng, ông vẫn lo thực-hiện một đời sống đầy-dủ cho thần-dân vượt qua những khắc-khổ của khí-hậu và địa-thế.

— Hiện nay xứ Mông-cổ ra sao, hả Minh ?

— Mông-cổ bây giờ là một xứ Cộng-sản chủ-hữu của Nga-Sô, gia-nhập vào Liên bang Nga-Sô, chứ không theo Trung-Cộng. Do

đó, Mao-trạch-Đông vẫn hăm-dọa xâm-chiếm Mông-Cổ, muốn sáp-nhập Mông-Cổ (Ngoại-Mông) vào lãnh-thổ Trung-Quốc. Nhưng dân Mông-Cổ coi Trung-quốc là kẻ thù vạn-dại. Cho nên người anh-hùng của họ, **Sockhe Bator** (chết năm 1923) đã nổi dậy đánh đuổi tất cả các nhà buôn Trung-Hoa, và tuyên-bố Mông-Cổ độc-lập (1921) đoạn-tuyệt hẳn với xứ này. Đến khi Mao-trạch-Đông đánh chiếm cả nước Tàu, sau Đệ-nhị Thế-Chiến, Mông-Cổ (Ngoại-Mông) đã trở thành một nước Cộng-hòa Sô-viết, cũng không chịu theo Mao-trạch-Đông, mặc dầu một phần đất Mông-Cổ (Nội-Mông) lại sáp-nhập vào Trung-Cộng.

Đó là mối họa lớn cho Mông-Cổ, và rất có thể là lò lửa chiến tranh tương lai giữa Trung-Cộng và Nga-sô. Ngoại-Mông và Nội-Mông cũng như Tây Đức và Đông Đức, Bắc Việt và Nam Việt, Bắc Hàn và Nam Hàn. Chỉ khác một điều, là Ngoại-Mông và Nội-Mông đều là hai nước Cộng-sản, một chủ-hữu của Nga-sô, một chủ-hữu của Trung-Cộng. Nội-Mông không đông dân hơn Ngoại-Mông bao nhiêu, vào

khoảng 1.500.000 người mà thôi. Cả hai xứ đều nói một thứ tiếng, đều chung một nguồn gốc văn-minh từ thượng cổ ?

Thủ-đô của Ngoại-Mông, là **Oulan Bator**, lấy tên của vị anh-hùng dân tộc của họ, một kẻ thù không đội trời chung với Trung-Hoa, dù là Trung-Hoa Cộng-sản.

Nhưng biên-giới giữa Ngoại-Mông và Nga-sô chỉ dài 2730 ki-lô-mét, còn giữa Ngoại-Mông và Trung-cộng đến 4270 ki-lô-mét. Cho nên thường xảy ra luôn luôn những cuộc chạm-súng giữa hai bên.

Năm 1961, Nga-sô đã vận-động cho Ngoại-mông (tên chính thức là Cộng-Hòa nhân-dân Mông-Cổ) vào Liên Hiệp Quốc.

Từ ngày Nga-sô và Trung-Cộng bắt đầu xích mích nhau, một số cổ-văn Trung-Cộng trên 3000 người còn ở lại Ngoại-mông, bị chính phủ này đuổi về xứ hết. Mối thù lại càng tăng lên, và hiện nay khó mà giải-quyết được ồn-toà giữa hai bên hàng xóm căm-thù.

Vì quyền lợi dân tộc, vì lý-tưởng quốc gia, vì lòng tham-sân-si của loài người, trái đất không

lúc nào diệt được hết họa chiến tra h.

Bà Tú vuốt ve cánh tay ông Tú:

— Tại Minh nghĩ như thế mà Minh buồn, muốn đi tu có phải không ?

Ông Tú không trả lời, Bà Tú cứ theo hỏi mãi tại sao ông buồn rầu chán nản, ông khẽ bảo:

— Em hỏi anh về xứ Mông-cô, anh đã trả lời tạm đủ. Bây giờ em để anh nằm yên một lúc, anh thích lắm.

— Đạo này Minh cứ im lặng hoài, chớ đâu phải một lúc ?

— Vâng, anh thích thế..

★ *Diệu-Huyền*



★ TÀI ĐẾN THẾ LÀ CÙNG

Một chàng thợ chặt cây đến xin việc tại một sở khai thác rừng rậm.

Ông chủ hỏi:

— Trước hết, tôi muốn biết khả năng anh ra sao rồi sẽ nói chuyện. Anh thử hạ cây sồi kia xem.

Chỉ hai nhát búa, cây sồi lớn ngã gục.

Ông chủ vui vẻ:

— À, khá đấy ! Anh học nghề này đâu vậy ?

— Ở sa mạc Sahara (Phi-châu) ạ.

— Quát ! làm gì sa mạc có cây ?

● — Thưa, do tôi đồn, nên không còn cây nào nữa ạ.

NHÀ CÁCH MẠNG BỊ GIAM KÍN TRONG



TÒA ĐẠI-SỨ

(tiếp theo P.T. số 167)

● TÂN-PHONG

ĐỌC bức thư bí mật đó, vợ chồng Bác-sĩ Cantlie hoảng-hốt, lập-tức bàn đến việc vận-dộng cứu-thoát cho Tôn-Văn. Ông là thầy thuốc, không hề biết gì về các vấn đề chính trị, cách-mạng, gián-diệp, bắt cóc, thủ-tiêu, v.v... nhưng Tôn-Văn là người cựu sinh-viên thân mến nhất của ông, ông thấy có bổn phận phải lo cứu chàng thoát khỏi tai-nạn khủng-khiếp.

Ông đã được nghe danh Luật-sư Halliday Macartney rất nổi tiếng, và làm cố-vấn pháp-luật cho tòa Đại-sứ Trung-Hoa. Ông này lại ở một biệt-thự đồ-sộ nguy-nga gần nhà Bác-sĩ Cantlie. Ông đến ngay đó, bấm chuông. Nhưng nhà vắng teo, các cửa sổ đều đóng kín, ông bấm chuông ba lần, đứng chờ thật lâu, không thấy ai ra mở cửa. Ông đâu có ngờ Halliday Macartney, cố-vấn của Đại-sứ Tàu,

lại chính là người đã nhúng tay vào việc bí-mật giam-cầm Tôn-Văn trong tòa Đại-sứ !

Thất-vọng, Bác-sĩ Cantlie đến báo-cáo ngay với viên cảnh-sát Anh đứng gác ở góc đường Marylebone Road. Viên cảnh-sát bảo ông nên đến nói chuyện với bất cảnh-sát gần đấy. Nơi đây, viên Cảnh-sát trưởng nghe ông rất chăm-chú, rất lễ phép, rồi khuyên ông nên đến tiếp xúc với Scotland Yard, sở Trinh-thám Anh.

Tại văn phòng sở Trinh-thám, người ta niềm-nở tiếp ông, và ghi chép tỹ-mỷ những lời phát-giác của ông. Nhưng rồi họ bảo ông cứ đi về nhà, sáng mai họ sẽ phúc-trình với thượng cấp. Ông ra về, họ nhìn nhau cười và bảo nhau : « Cái ông bác-sĩ này chắc điên. Ông ta nói dốt, chứ ở giữa kinh-thành London làm gì có chuyện lạ như thế ! » Họ không tin những lời tố-cáo hốt-hoảng của bác-sĩ Cantlie. Đa khuya rồi, ông không còn biết chạy chọt ở đâu được nữa. Ông sức nhớ đến Bác-sĩ Henry Manson, bạn đồng nghiệp của ông và cũng là cựu giáo-sư của Tôn Văn lúc ở Đại-học Hong-

kong. Ông đến gọi cửa, kẻ rõ đầu-đuôi câu chuyện, và bàn tính việc cứu chàng sinh viên cách mạng Trung-hoa. Nhận thấy Sở Trinh-thám làm việc không sốt-sắng, tỏ vẻ lơ-là và hình như họ không tin là sự thật, hai người định tìm một nhân vật có uy tín đến thẳng tòa Đại-sứ Trung Hoa, đề vận động ngay tại đấy.

Từ nhà ông Henry Manson về, Bác sĩ Cantlie ngạc-nhiên gặp ngay Edward Cole, người đầy-tớ Anh giúp việc ở tòa Đại-sứ Trung-Hoa. Mặc dầu đêm đã khuya, Cole quyết thân-hành đến tìm Bác-sĩ Cantlie đề trình-bày rõ sự-thề, với đầy-dủ chi-tiết đề Bác-sĩ Cantlie vận động gấp-rút cứu chàng sinh viên Trung-Hoa. Tên đầy-tớ Edward Cole của Tòa Đại-sứ lại cho biết tin chắc chắn rằng ngày Thứ Ba chiếc tàu sẽ rời bến, và sẽ bí-mật chở Tôn-Văn hồi hương đề trao cho Tòa-Án Trung-Hoa xử-tử. Như thế chỉ còn 48 giờ đề lo việc cấp-cứu chàng. Bác-sĩ Cantlie bỏ ăn, bỏ ngủ, tức-tức trở lại nhà Bác-sĩ Henry Manson, hai người lại chạy đến sở trinh-thám Scot-

land Yard đề cầu cứu. Viên thanh-tra gác đêm ở đây trả lời : « Đề chúng tôi điều-tra xem thực hư thế nào đã chứ. Chúng tôi phải có bằng-cớ xác-thực mới can-thiệp được chứ ! »

Hai ông trở về nhà, lo ngay-ngáy, không ngủ được. Sáng hôm qua, hai ông đến Bộ Ngoại-giao, quên rằng hôm đó là ngày Chủ-nhật. Người gác cửa bảo hai ông : « Có nhân-viên trực ở đây, nhưng y không thể tiếp hai ông trước năm giờ chiều. »

Năm giờ chiều, hai ông lại đến, tha-thiết khẩn-khoãn can-thiệp gấp với Tòa Đại-sứ Trung-Hoa, nhưng nhân-viên trực lễ phép bảo :

— Hôm nay Chủ-nhật không thể làm gì được. Sáng mai tôi sẽ báo-cáo với thượng-cấp của tôi, xin quý ông ráng chờ đến sáng mai vậy.

Bác-sĩ Cantlie như người điên cuồng, la lớn :

— Ngộ nhớ tòa Đại-sứ Trung-Hoa sợ chuyện bị bại-ộ, cho chở ngay tù-nhân xuống tàu đêm nay và cho tàu rời bến sớm hơn một ngày, thì làm thế nào ?

Chẳng lẽ vì một ngày Chủ-nhật mà Bộ Ngoại-giao đành đề gián-điệp của Đại-sứ Trung-Hoa phạm một tội-ác dã-man ở ngay thủ-đô xứ Anh-quốc tự-do hay sao ?

Nhân-viên trực «phốt tỉnh ăng-lê» trả lời :

— Vụ này tể-nhị lắm, chúng tôi phải hết sức dè-dặt. Nó liên can mật-thiết đến sự giao-hảo giữa chính phủ ta với một cường quốc bạn, đến quyền bất-khả xâm-phạm của tòa Đại-sứ và luật-pháp quốc-tế. Vả lại, cá nhân tôi không có thẩm-quyền can-thiệp vào trường-hợp đặc-biệt này. Quý ông phải nán đợi đến sáng ngày mai.

Hai ông bác-sĩ, giáo-sư của Tôn-Văn, ra đường bàn tính phải làm mọi cách đề cứu chàng sinh-viên lâm-nguy, không đợi đến ngày mai. Bác-sĩ Manson nhất định đi thẳng đến tòa Đại-sứ Trung-Hoa. Cantlie xem đồng hồ, bảo :

— Bây giờ là 6 giờ 30. Tôi chờ ở đây. Nếu trong 1 tiếng đồng hồ anh chưa ra về, tôi sẽ chạy đến báo-động sở Trinh-thám Scotland Yard.

Bác-sĩ Manson đến bấm chuông tòa Đại-sứ Trung-Hoa ở số 49, Portland Place, hồi 6 giờ 40. Một người Anh làm công ở đây ra mở cửa. Bác-sĩ nói cần gặp ông Đại-sứ. Người làm công mời ông vào một phòng khách rộng lớn, trên vách tường treo những hoành-phi câu đối sơn son thếp vàng, và một chân-dung lớn của Hoàng-dế Trung-Hoa.

Một nhân-viên Trung - Hoa rất lễ phép ra chào khách :

— Thưa Ngài, cụ-lớn Đại-sứ của chúng tôi đi vắng, bí-nhân là bí-thư của Cụ. Ngài có việc chi cần, bí-nhân xin lĩnh giáo.

Bác - sĩ Manson không dài giờng văn-tự, đi ngay vào vấn đề :

— Các ông đang giam trong tòa Đại-sứ này một người bạn thân của tôi. Một cụ sinh-viên của tôi. Tôi muốn được gặp người ấy.

Viên bí-thư mặt lạnh như chì, cung-kính đáp :

— Thưa Ngài, chúng tôi không có giam ai trong Tòa Đại-sứ cả Ngài nói ngài kiểm tra, tên là gì?

— Tôn-Văn.

— Ở đây không có ai là Tôn-Văn cả.

— Tôi biết chắc rằng các ông đang giam giữ. Tôn-Văn ở ngay trong tòa nhà này. Tôi đã báo tin cho sở Trinh-thám Anh biết. Và cả ông Bộ-trưởng Bộ Ngoại-giao cũng đã được báo động rồi.

— Thưa ngài, chắc có sự lầm-lẫn, nếu không là một chuyện khôi-hài. Có lẽ có ai muốn chơi trò bí-mật để phá ngài cho vui đó.

Bác-sĩ Manson thực-thà, tin theo lời viên bí-thư của tòa Đại-sứ. Ra về nửa giờ sau, ông nói quả quyết với Bác-sĩ Cantlie :

— Ở Tòa Đại-sứ không có ai tên là Tôn-Văn cả, Tôi hỏi ở đây không ai biết gì về vụ ấy cả.

Ông lại còn nói thêm :

— Kề ra câu chuyện cũng hơi vô-lý... khó tin.

Ông Cantlie không đồng-ý với ông Manson. Ông trở lại Scotland Yard, yêu-cầu ít nhất cũng phải cho nhân-viên rình chung quanh Tòa Đại sứ. Sở Trinh-thám trả lời đó không phải

là phận-sự của cơ-quan ấy, mà thuộc về phạm-vi hoạt-dộng của Ty Cảnh-Sát West-End, vì Tòa Đại-sứ Trung-Hoa ở trong khu-vực này. Bác-sĩ Cantlie lại đến ty Cảnh-sát West-End, nhưng ở đây không ai tin câu chuyện của ông kể. Và lại ông không đem đến một bằng chứng nào cả. Và, sau cùng, họ bảo rằng đặt những nhân viên canh gác chung quanh một tòa Đại-sứ là một quyết-định vượt ra ngoài thẩm-quyền của sở Cảnh-Sát.

Bác sĩ Cantlie kiên-nhẫn hỏi lại :

— Nếu ông giới-thiệu cho tôi một người nào nhận lãnh nhiệm-vụ canh gác chung quanh tòa nhà 49, Portland Place, tôi xin trả tiền công cho người đó.

Mấy viên thanh-tra nhìn nhau. Sau cùng họ giới thiệu cho Bác-sĩ Cantlie một đồng-nghiep của họ, đã về hưu-trí, hiện ở Islington.

Bác-sĩ Cantlie quyết đi Islington. Muốn đi đến khu-vực này, ông phải đi qua đường Fleet Street, là một con đường tập-trung nhiều tòa báo lớn ở London. Tự nhiên ông nảy ra một

ý-nghĩ. Ông ghé vào Tòa soạn đại nhật-báo Times, hỏi ông Chủ-bút.

Nhưng một ký-giả, nhân viên bộ biên-tập hỏi ông :

— Ông muốn gặp ông Chủ-bút có chuyện chi ?

Tức mình, Cantlie xé một mảnh giấy viết vội-và mấy giòng :

« Một người bị bắt cóc và bị nhốt kín trong tòa Đại-sứ Trung-Hoa. Nguy-hiêm đến tánh mạng ».

Nhân viên Tòa soạn hết sức kinh-ngạc, vì không phải ngày nào cũng có người đem đến tòa báo một cái tin như thế. Nhưng dù sao, Tòa soạn 10 giờ đêm mới tụ-hội lại làm việc, ông Chủ-bút cũng vậy.

— Mời ông 10 giờ tối sẽ trở lại, chứ bây giờ ở tòa báo không có ai phụ-trách công việc này.

— Vâng, 10 giờ tôi trở lại.

Bác-sĩ Cantlie đi thẳng đến vùng Islington, để tìm viên thám-tử hưu trí, do Scotland Yard giới-thiệu.

(còn nữa)

★ HOA THƠ ★ XU

Xuân này xét lại cái thặng tôi,
 Dong rúi phong sương mấy độ rồi
 Sáu chục vừa qua say tỉnh mãi,
 Một trăm còn mấy tháng ngày trôi
 Rượu đời nhấm thử hay hay vậy,
 Cảnh tạm nhìn qua thế thế thôi.
 Sự-nghĩ trần-gian ai muốn hỏi.
 Có không, nhiều ít, phú cho trời!

★ HUỲNH TÂN
 (giáo-sư)

II

Xuân về hồi tưởng lại người tôi
 Đã trải bao nhiêu cảnh ngộ rồi
 Muôn sự cõi đời như đá lạnh
 Trăm năm thân phận tựa bèo trôi
 Sánh vòng trần lụy thà cam chịu
 Vào bầy lợi danh mấy cũng thôi
 Mặc kệ đua tranh trong ác-mộng
 Lòng tham gieo những họa tày trời...

★ TRẦN-CAO-CHÁNH (1)

(1) Vị danh-y thông-thái, con trai
 của nhà cách-mạng Trần-Cao-Vân

III

Mỗi độ xuân về gấm phận tôi
 Biết bao cảnh khổ đã qua rồi
 Từ đây cửa Phật lòng an tĩnh
 Phú mặc cuộc đời số nổi trôi.

ÂN ★ BÌNH-NGO ★

Cái bầy vô minh toan tránh khỏi
 Con đường tu học mãi không thôi
 Thương ai nghiệp chướng còn gieo
 nặng
 Tội ác khôn mong thoát lớt trôi

★ TRẦN-THỊ-NGỌC-DIỀU (2)

IV

Sáu bảy xuân qua tôi vẫn tôi
 Thanh hư đã trải lắm phen rồi
 Hấp. Ngó, xiềng-xích hăng liên-lụy
 Hoa, Việt, bèo mây ngán nổi trôi
 Ghĩ đến tình đời, ô chán chán
 Nhìn qua thế nước, ối thôi thôi,
 Ở đây ôn lại giòng Kinh Sử,
 Chẳng phụ tiền-nhân, chúng có trời!

★ SONG-THU

V

không còn tôi.
 bóng Phật rồi.
 khổ, mặc kệ.
 buồn, cho trôi.
 đời, quên hết.
 kiếp, vậy thôi.
 giọt nước mắt
 trả ông Trời.

NGUYỄN-VỸ
 (Pháp-danh Tâm-Trí)

(Con gái của cụ Trần-cao-Vân.

ẤN ĐỘ KHÔNG NGHÈO MÀ ĐÓI!

* TRỊNH-VĂN-TIẾN

Một định nghĩa cụ thể nhất

Ấn-Độ đang gặp phải nạn đói trầm-trọng. Chỉ cần căn cứ vào ba sự-kiện, dân chúng bị hạn chế miếng ăn, Tổng Thống ra trước Quốc-hội, Thủ-tướng kêu gọi thế giới tương trợ, thế thôi, người ta cũng đủ hình dung thấy một biển cổ to tát.

Nhưng Ấn-Độ đã gặp nạn đói không hẳn chỉ vì nghèo. Nói khác đi, Ấn-Độ không nghèo, hoặc cái nghèo nếu có, chưa phải là yếu tố chính đã gây ra nạn đói ở Ấn-Độ. Thật ra,

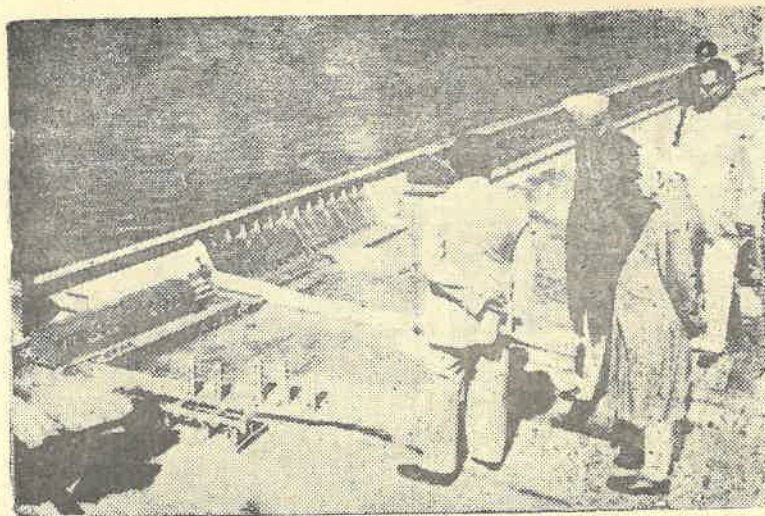
trạng huống « hỗn độn » trên một lãnh thổ kênh cang, trong một xã hội phức tạp, mới đúng là nguyên nhân dẫn đến nạn đói này.

Cho nên, muốn tìm một định nghĩa cụ thể nhất cho xã hội Ấn-Độ, người ta thường quan sát riêng ở bang Bengale, với thủ đô của nó, Calcutta. Bởi vì...

Bengale đã được kể là bang quan trọng vào bậc nhất ở Ấn-Độ, cái miền đất mênh mông, giàu có hạ lưu sông Gange, một « đặc ân trời cho » của Ấn-Độ.

Calcutta cái thành phố đông

ẤN ĐỘ



Ấn-Độ không nghèo, nhân nhân trú diện, xưởng máy, ấp trại, đập nước...

Hình trên, Tổng thống và cố Thủ tướng Ấn-Độ đang nghe kỹ sự trình bày mô hình một cái đập thủy điện, trong chương trình Damodar — Valley, từ năm 1960.

đời 4 triệu dân, quả đã xứng danh một thủ-phủ kỹ-nghệ, trung điểm của những hệ-thống đường sắt, những trục thủy-vận từ các hầm mỏ khắp xứ đồ về. Nhất là Calcutta đã quy tụ đủ hết hạng người, biểu hiệu đủ hết mọi góc-

gác của cả « thế giới » Ấn-Độ :

Những túp lều lụp xụp ở sát những tòa nhà chúng cư đồ xô, tối tăm, (cửa hàng, khách sạn, rạp hát có máy lạnh). Xe điện, xe buýt hai tầng, xe nhà, xe taxi, xe vận-tải chen giữa xe bò, xe ba bánh, xe kéo. Trên vỉa hè đô-hội, bên cạnh những người sang trọng hằng có những bác nhà quê đội nặng è cổ, và những con bò thả đông đi nghênh ngang.

Cũng ở đó — bang Bengale, thủ đô Calcutta — đã cho biết Ấn-độ không nghèo, hoặc không hẳn nghèo.

Chạy dài dỏi bên những trục đường sắt, đồng bằng Bengale xa rộng đến tận chân trời (80.000 cây số vuông) nhan nhản trụ điện, xưởng máy, ấp-trại, đập nước. Trong số, xưởng đóng tàu ở Chittaranjan, tính bờ đồng, mỗi tháng đều thực hiện được 20 toa xe lửa hạng nặng. Hoặc nữa, mỏ sắt ở Jamshedpur, mỏ than ở Ranigang, đã đứng vào hàng phong phú, lớn lao nhất thế giới.

Một thế giới hơn là một nước

Nhưng Ấn-Độ "nặng" quá đến nỗi khó chuyển mình. Một diện tích khổng lồ, 3 triệu 180 ngàn cây số vuông, kẻ riêng về tính cách phong thổ, khí hậu cũng đã bị chia biệt thành ba vùng, ba hoàn cảnh địa lý khác nhau.

Miền Hy-mã-lạp-sơn chật núi (40 ngàn). Miền châu thổ sông Gange và sông Indus, riêng ở đây đã có sự mâu thuẫn rồi, lưu vực Indus thì đồng chua nước mặn, vắng dân, khác hẳn lưu vực sông Gange phì nhiêu, đông vui. Miền Deecan, cao nguyên (1000 thước cao), hai phần ba sạn đá ong, sỏi gan gà và nham thạch (của núi

lửa) còn lại một số đất khô khả dĩ trồng trọt được, nhưng chỉ thích ứng cho những loại cây kỹ nghệ — bông gòn chẳng hạn — hơn là ngũ cốc.

Trong khi đó, Ấn-Độ đông dân vào bậc thứ nhì thế giới (sau Hoa lục), ít ra cũng có đến 357



Văn đề miêng ần chỗ ở đã đặt thành nội lo áu hàng cứu ở Ấn-Độ

triệu người. Đã thế, dân tộc Ấn lại tạp chủng và dị biệt cả đến ngôn ngữ.

Nhưng căn cứ vào nước da và nhân dạng, người ta đã cho rằng, tựu trung, dân tộc Ấn có ba chủng loại Hắc Ấn, Bạch Ấn và Hoàng Ấn.

Riêng giống Hắc Ấn lại có đến ba chi-phái khác nhau. Trước hết, nhóm Négritos (vóc dáng tầm thước, da đen kịt, mặt ngắn, tóc búi ốc, mũi tẹt) rất gần sắc dân Semango của Mã-lai; họ qui tụ ở các địa phương Travancore Cochin, Naga, Angami, Rajmahal và Irulas (Bắc). Nhóm thứ hai, Veddids (Trung và Nam) nhân dạng cũng như người Négritos nhưng phần nhiều có hai đặc điểm là trán thấp và lẹm cằm; về nhân chủng thì họ thuộc vào đẳng cấp thấp nhất ở Ấn-Độ. Sau hết, nhóm Mélanids, tóc cũng quăn nhưng rợn sóng chứ không xoáy tít thành lọn như tóc người Négritos, và môi dày đặc biệt; họ sống dưới đồng-bằng, phía Nam.

Thứ nữa, giống Bạch Ấn thường gọi là người Inddids hoặc Aryens, cư ngụ ở ba miền chính,

châu thổ sông Gange và Indus, miền cao nguyên Deecan và miền duyên hải phía Đông nước Ấn. Họ có khổ dạng ưa nhìn hơn cả, cao lớn, nước da chỉ hơi ngăm ngăm, mặt thon, mũi dọc dừa.

Và giống Hoàng Ấn, gốc Mông-Cồ và Tây-Tạng, tập trung trên mạn Bắc và Đông-Bắc, da đen vàng, mắt tếch

Đất rộng, người nhiều, mà lại ở vào hoàn cảnh địa lý khó khăn, cho nên tỷ lệ dân-cư cũng bất nhất. Tính trung bình thì Ấn Độ có mức độ 107 người trong 1 cây số vuông. Nhưng trên thực tế, các vùng phì nhiêu như châu thổ sông Gange chẳng hạn, thì dân đông đúc tới 700 người trong một cây số vuông.

Ngược lại, có những chỗ vắng người hầu như bỏ hoang, như đảo Andaman, hoặc mạn Tây Bắc nước Ấn.

Nhưng điều đáng lo ngại nhất là nhịp điệu sinh đẻ ở Ấn Độ chỉ tăng chứ không giảm, và tăng rất đều.

Thêm vào đó, đời sống tín ngưỡng cũng nhiều khê nứa.

Nếu chỉ kể những tôn-giáo có ảnh-hưởng lớn-lao, thì Ấn Độ có 3 đạo chính là Bà-la-môn, Ấn-Độ giáo và Hồi giáo. Nhưng cũng đã đủ gây cho nên những mối dị đồng phức tạp, về nhân sinh, tư



Ấn-Độ đông dân vào bậc nhì thế giới. Đã thế, dân tộc Ấn lại tạp chủng và dị biệt cả đến ngôn ngữ.

Chỉ cần nhìn vào một đám đông, riêng bề ngoài, người ta cũng thấy giữa họ đã khác nhau về sắc dân

trường và cả chính-trị nữa, như vụ Ấn-Hồi đã chứng minh.

Cứ xem tổ chức của Chính phủ Ấn-Độ, người ta cũng đã nhận

thấy quốc gia này có lắm sự khó khăn. Ngoài những Bộ thông thường (Ngoại-giao, Quốc phòng, Nội vụ, Tài chánh, Thông-Tin, Giáo Dục, Tư-Pháp, Lao-Động, Y-Tế, Canh Nông), Ấn-Độ còn thiết lập thêm 12 Bộ khác nữa để chuyên trách về các vấn đề đặc biệt địa-phương. Trong số có những cơ-quan hết sức « lạ mắt » như mấy Bộ « Tàn cư », « Sản xuất », « Tiếp tế thực phẩm »... Đủ biết vấn đề miếng ăn chỗ ở đã đặt thành nỗi lo âu hằng cửu ở Ấn Độ.

Giai-đoạn chuyển tiếp lâu dài

Tuy vậy, như đã nói, cứ lý ra thì Ấn-Độ phải là một quốc gia phồn thịnh, phồn thịnh qua những bước tiến về cơ-giới và kỹ nghệ. Nhưng một diện tích 3 triệu 180 ngàn cây số vuông, với một khối dân 357 triệu vừa to vừa nặng, làm sao phát triển đều một loạt được ? Ấy là chưa kể những trở ngại tâm lý.

Và chẳng, Ấn-Độ vốn dĩ là một nước nông nghiệp, với tỷ-số 80% dân số làm ruộng, thì khi bước sang đời sống kỹ nghệ, ở giai đoạn chuyển tiếp, thế nào xã hội cũng bị xáo trộn. Chẳng hạn một chiếc máy cày ít ra cũng làm

ẤN ĐỘ

cho hàng chục người canh điền bị thất nghiệp.

Biến chứng này, ở Ấn-Độ càng tai hại hơn. Bởi vì trên một lãnh thổ 3 triệu 180 ngàn cây số vuông, trong một khối dân 357 triệu người, thì bất cứ một giai đoạn chuyển tiếp nào — đề thoát xác — cũng lâu dài, đề thiệt cho đa-số. Đa số ấy là thứ dân trong trạng huống hỗn độn

về nòi giống, khí hậu, tôn-giáo và khuynh-hướng.

Những người xưa nay vẫn ở về phía sản xuất, đột nhiên, miễn cưỡng phải ở về phía hưởng thụ, thì sẽ gây ra đối kém. Phản ứng đó tương đối dễ thu xếp cho những nước nhỏ, nhưng hết sức nan giải cho những nước lớn, quá lớn như Ấn-Độ.



TU TƯỚNG HAY

Biết bao nhiêu người bước vào cuộc đời không phát lộc. Họ bị kẹt giữa hai cánh cửa. Cánh cửa của « Sớm quá » và cánh cửa của « Muộn quá ».

Barbey d'Aurevilly

VỀ MẸ

Một đôi tân hôn cãi lộn nhau. Nàng nói :

— Đã đến thế thì tôi trở về với má thôi.

— Ồ! — anh chồng đáp — muộn rồi cô ơi! Hôm qua má cô rầy lộn với ba cô, và bà ta đã mang gói về bà ngoại cô rồi.



* NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. số 167)

— 1936 —

XÉT tổng-quát trên bình-diện lịch-sử và xã-hội của Dân-tộc Việt-nam từ 1932 đến khởi điềm Đệ-nhiệ Thế-chiến, tháng chín 1939, nghĩa là trong thời-gian bảy năm trước cuộc đại Khủng-hoảng Thế-giới, sự tiến-triển của Văn-ngệ Việt-Nam, đặc-biệt là Văn-chương và âm-nhạc, đã ghi những dấu-vết sâu-dậm nhất của ảnh-hưởng Pháp, về thể-thức cũng như tư-tưởng.

Nhưng không một lúc nào tinh-thần dân-tộc bị truất-phế trước hiện-tượng hăng say tiếp-

nap và canh-tân ấy. Mặc dầu có những xáo-trộn rồ-rệt, do những chuyển-hướng mới nghiêng hẳn về văn-hóa Âu-Tây, tính-chất căn-bản của Nòi-Giống, tinh-túy thuần-thực của Dân-tộc, vẫn không hề thoái-vị trước sức quyến rũ mãnh-liệt của các phong-trào tân văn-ngệ.

Trong Thơ-Mới, Văn-xuôi mới, Âm-nhạc mới (đương thời gọi là « âm-nhạc cải cách »), vẫn tồn-tại những đặc-diểm tinh-hoa của cổ truyền Việt-nam. Chính vì thích-hợp với tinh-thần dân-tộc và đáp trúng nhu-cầu văn-hóa của một xã-hội đang tiến-triển đến cao-độ, mà

Thơ-mới, Văn-xuôi mới, và âm-nhạc cải-cách, mặc dầu chứa đựng rất nhiều yếu-tố ảnh-hưởng của nghệ-thuật và văn-chương Pháp, và sáng-tác bởi các lớp thanh-niên trí-thức Tây-học, vẫn được quảng-đại quần-chúng Việt-nam nhiệt-liệt hoan-nghênh.

Nhưng, phong-trào Thơ-mới chỉ sôi-nổi trong thời-gian bộc phát, từ 1932 đến 1936. Hầu hết những nhà Thơ nổi tiếng đều sáng-lác Thơ-Mới trong khoảng thời-gian ngắn này. Đầu năm 1936, tình-hình chính-trị nội-bộ bỗng trở nên rất căng-thẳng ở Pháp. Một chính-phủ mệnh-danh là *Front Populaire* (Mặt-trận Bình-dân) lên nắm chánh quyền, sau các cuộc biểu-tình náo-động của dân-chúng tại Paris ngày 6 tháng Hai, 1936.

Đĩ-nhiên, năm xứ Đông-Dương thuộc địa Pháp, đặc-biệt nhất là ba xứ Việt-Nam, Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, đều chịu ảnh-hưởng trực-tiếp của biến-cổ rất quan-trọng kia. Chính-phủ « Mặt-trận Bình-dân » Pháp áp-dụng một chính-sách rất khoan-hồng đối với các thuộc-địa. Do đó, phong-trào « Mặt-trận Bình-

dân » được thành lập và hoạt-động công khai ở Hà-nội, Sài-gòn, và khắp các tỉnh Bắc-kỳ, Nam-kỳ.

Ở Huế và các tỉnh Trung-kỳ, tuy Mặt-trận Bình-dân không bị cấm, nhưng tòa Khâm-sứ Pháp viện cớ Trung-kỳ là lãnh-thô riêng của « Hoàng-đế An-Nam », nên hạn-chế đến mức tối-thiểu các hoạt-động công-khai của các giới nhân dân.

Ở Hà-nội và Sài-gòn, các phong-trào tranh-đấu chánh-trị bị kiềm-hãm từ sau các vụ khởi-nghĩa của Việt-Nam Quốc-dân-dảng và nổi loạn của An-Nam Cộng-Sản đảng, bây giờ được cơ-hội bùng-nở dậy, hăng-hái và sôi-động hơn bao giờ hết.

Phong-trào Văn-ngệ tự-nhiên bị chìm xuống. Một số các nhà Văn có tinh thần cách-mạng, gác câu chuyện văn-chương ra một bên, đem hết tâm-chí, khả năng, vào các cuộc hoạt-động chính-trị, nửa công-khai, nửa bí-mật.

Trương-Tửu, nhà phê-bình Bạch-Nga, nhảy qua nhóm Đệ-tứ Quốc-tế. Mộng-Sơn, nhà Thơ Bạch-Nga, gia-nhập vào

nhóm « Tiến Bộ », khuyh hữu. Từ báo Bạch Nga (Le Cygne), một nửa Việt-ngữ, một nửa Pháp-ngữ, cùng-cổ lập trường cách-mạng quốc-gia, vàbớt phần hoạt động văn-nghệ. Chủ-nhiệm của nó viết một loạt bài luận thuyết đả-kích kịch-liệt chánh sách thuộc-địa Pháp, và kêu gọi đập-đổ chế-độ Triều-dinh Huế. Báo Bạch Nga ra được 6 số thì người chủ-nhiệm bị truy tố ra Tòa Án Pháp ở Hà-nội vì tội « phá rối cuộc trị-an, và xúc phạm đến chủ quyền Pháp ở Đông Dương », bị 6 tháng tù và 2000 quan tiền vạ.

Lan-Khai, nhà Văn chuyên về tiểu-thuyết đường rừng, gia-nhập vào Việt-Nam Quốc-dân đảng vừa bí-mật hoạt-động trở lại. Nhà Văn Nguyễn-Triệu-Luật, cũng tham-gia vào V.N.Q.D.Đ. Nhà Văn Khái-Hung lập ra « Việt-Nam Dân-Chính đảng », chủ trương thân Nhật, nhưng về sau ông qua V.N.Q.D.Đ. của Vũ Hồng Khanh. Nhà Thơ Lưu Trọng Lư, trong thời Mặt-trận Bình-dân chưa hoạt-động gì, nhưng bắt đầu Đệ-nhi Thế-chiến ông theo nhóm Khái-Hung. Nhà Văn Nguyễn-tường-

Tam cũng không hoạt-động trong thời Mặt trận Bình-dân, nhưng bắt đầu Đệ-nhi Thế-chiến, gia nhập vào Dân-Chính đảng của Khái Hưng, và 1945 theo Khái Hưng qua V.N.Q.D.Đ. của Vũ Hồng Khanh.

Vũ-dinh-Dy, một nhà trí-thức Cách mạng rất hăng-hái, chủ-nhiệm tờ báo Pháp-ngữ *La Jeune Indochine* xuất bản tại Sài-gòn, bị tù, rồi về Hà-nội ra tờ *Effort Indochinois* trong thời Mặt trận Bình-dân, đại-diện Bắc kỳ của đảng V.N. Phục-quốc do cụ Cường-Đề làm Chủ-tịch ở Nhật-bồn.

Trên đây kể đại-khái các nhà văn phục-vụ lý-tưởng Quốc-gia dân-tộc trong thời Mặt trận Bình - dân Pháp. Bên đảng « Cộng Sản An-Nam » lúc bấy giờ đa đòi tên là « Đông Dương Cộng-sản đảng », họ cho ra một tờ báo Pháp-ngữ, lấy tên là *Le Travail*, tuyên truyền chủ-nghĩa Cộng Sản Đệ-tam Quốc-tế. Chủ-nhiệm và quản - lý, Nguyễn-văn-Tiến, Trịnh-văn-Phú, là hai người nhà giàu từ trước đến giờ không ai biết tên, đứng ra làm bung-

xung. Võ-nguyên-Giáp, là người viết các bài quan-trọng nhất. thì lại giấu tên thật, chỉ ký bằng những bút-hiệu lạ, và không mấy khi đến tòa soạn. Tờ *Le Travail* cũng bị truy-tố ra tòa, Nguyễn-văn Tiến và Trịnh văn Phú-tù, báo bị đóng cửa.

Võ-nguyên-Giáp lúc bấy giờ mới đậu một chứng-chỉ Cử-nhân Luật, trường Cao đẳng Đông Dương ở Hà-nội, và dạy môn Sử-ký ở tư-thực *Thăng-Long* mà hiệu-trưởng là Hoàng-Minh-Giám, hợp-tác với Tôn-thất-Bình, con rể của Phạm-Quỳnh, người của phe Bảo-Hoàng. Đảng Cộng Sản còn có hai tờ báo khác, một tờ Pháp-ngữ, *En Avant*, và một Việt-ngữ, *Thời-Thế*. Ba người đóng vai chính trong hai tờ báo này là Võ-nguyên-Giáp, Đặng-xuân-Khu (Trường Chinh) và Trần-huy-Liệu. Đặng-xuân-Khu lại là tổng-thư-ký Hội Truyền-Bá Quốc-ngữ mà Hội-trưởng là nhà học-giả Nguyễn-văn-Tổ, phó Giám-đốc Viện Viễn-đông Bác-cổ Pháp (Ecole Française d'Ex-trême-Orient). Hội Truyền-Bá Quốc ngữ, bề ngoài đeo đuổi mục-dích « chống nạn mù chữ »,

nhưng bên trong là cơ-quan dùng làm phương-tiện hoạt-động bí-mật của Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Trần-huy-Liệu lúc trước viết báo ở Sài-gòn, là người cách mạng Quốc-gia rất hăng-hái. Sau khi bị tù, và bị trục-xuất về Bắc, anh gia-nhập vào đảng Cộng-Sản, nhưng vẫn còn giữ phong-độ của một nhà cách-mạng tiểu-tư-sản, khác hẳn Đặng-xuân-Khu, một đệ-tử trung-kiên nhất của Staline.

Trần-huy-Liệu là một đồ-đệ của Nho-giáo thì đúng hơn vì anh còn rất nhiều thành kiến Nho-giáo, cho nên anh thường bị nhóm đồng-chí của anh phê-bình gắt-gao.

Tuấn có nhiều dịp chơi thân với Trần-huy-Liệu. Tuy không đồng tư-tưởng chính trị, — Tuấn không bao giờ chấp-nhận được lập-trường Cộng-Sản, — Nhưng Tuấn vẫn giao-du với Liệu về phương diện Văn-nghệ. Trần-huy-Liệu, cán-bộ Cộng Sản trong thành phần chỉ-huy cao-cấp, lại cũng là một nhà Thơ lãng-mạn. Điều đó, Tuấn thật không ngờ. Trần-huy-

Liệu có đưa cho Tuấn xem vài ba chục bài thơ Đường-luật, hoặc lục-bát, của anh. (Trần-huy-Liệu không làm thơ mới), trong đó có những bài xướng họa tình-tứ với một Nữ-hộ-sinh đã lớn tuổi, kiêm nữ-thi-sĩ. Chị này đã săn-sóc cho anh rất tận-tụy trong khi anh bị tù trong Khám-Lớn Sài-gòn, và sau đã lấy anh, làm vợ hai. Vợ lớn chính-thức của Trần-huy-Liệu là người Bắc, quê-mùa, ít học, chỉ lo bán buôn tần tảo nuôi một bầy con rách-rưới, vì thời kỳ đó

Trần-huy-Liệu rất nghèo.

Tuấn được biết rõ cả hai bà vợ của anh, do anh giới-thiệu. Anh cũng cho Tuấn biết anh bị Đảng kiểm thảo gắt-gao về vụ hai vợ, và buộc anh phải từ bỏ bà vợ hai. Trần-huy-Liệu phải tuân lệnh của đảng, nhưng anh rất buồn và đau-khổ. Kề riêng tâm-sự cho Tuấn nghe, anh cố giữ thái-độ bình tĩnh nhưng không ngăn được hai giọt lệ trào ra trên đôi mắt của anh.

(còn nữa)



* CHUYỆN VUI ĐẢO CÔT (Corse)

Anh chàng Đô Mi gặp anh Tô Ni vừa ở tiệm thuốc tây ra, hoảng hốt hỏi:

— Trời ơi! Anh đau sao? Đau gì lại không tin cho anh em biết, tề thế?

— Ồ! Ai bảo anh tôi đau?

— Chẳng vào hiệu thuốc vừa ra là gì?

— À, theo anh, nếu tôi ở nghĩa địa ra thì anh bảo tôi chết, hân!

HUY
TUNG

HƯƠNG-HÀ



Dẫu biết tôi nghèo mà em cứ thương
Bỏ mấy ước mơ đậm dài đeo đẳng
Sự nghiệp gì, chỉ đôi bàn tay trắng
Nợ với sông hồ mang kiếp gió sương...

Có những buổi trưa gục đầu đại lộ
Phường phố quen nhưng mình sao bơ ngỡ
Bụi nặng thị thành trút vội lên lưng
Bước chân dập dồn nẻo về xa lắc!

Dẫu biết tôi nghèo mà em cứ yêu
Cho nhau cuộc đời không thêm cân nhắc
Nhiều lúc thua buồn hăng giờ cảm lạnh
Gối một nỗi niềm chua xót bao nhiêu

Dẫu biết tôi nghèo mà em vẫn ưng
Tha thiết lứa đôi, hờn khi cách bức
Có những đêm nằm trỏ mình thao thức
Bóng tối bao trùm gác nhỏ lao lung

Đã bảo nửa đời chưa tròn tuổi mộng
Còn mơ ước gì, vương vấn thủy chung?
Chỉ muốn mình quên, mà sao vẫn nhớ
Nhà vắng em rồi hạ cũng như đông!



TRUYỆN NGẮN ★ HOÀNG-THẮNG

RA khỏi Phú Lâm, chiếc xe ló phóng nhanh như để trả thù lại những giây phút phải chậm chạp lăn bánh qua những con đường tíu tít xe đủ loại. Gió ào ào thổi bên sườn xe, tạt vào trong làm tan loãng không khí oi nồng ngột ngạt. Sơn cởi bớt một khuy áo để da thịt đang đượm mồ hôi được chuyển nhận làn gió mát. Gió lành lạnh làm anh rung mình nhưng đây chỉ là một thứ rung mình thích thú.

Đã lâu rồi anh không làm một chuyến đi xa nào. Chẳng bù trước kia mỗi năm, ít nhất cũng phải có hai chuyến chuyển dịch hoặc ra miền Trung, hoặc lên cao nguyên. Đề dỗi không khí. Đề thăm bè bạn. Nếu không đi thì lòng bồn chồn, bứt dứt, khó chịu. Và mỗi lần trở về là mỗi lần thấy lòng mình thoải mái hơn. Nhưng rồi tới độ anh cảm thấy mình ngằn ngại khi tính chuyện ra đi. Sự lười biếng đã ru ngủ

MỘT CHUYẾN ĐI

chất lãng du trong hồn. Thu xếp công việc, dọn valy, biên giấy dán ngoài cửa nhắc nhở bạn bè mình đi vắng và hẹn ngày về sao mà khó khăn thế ! Rồi để buông trôi những ngày rảnh rỗi vào cuộc sống đều đặn hàng ngày. Sơn còn nhớ, có một lần anh tính đi Phnom-Penh chơi. Passport đã lấy chữ ký và con dấu xin nhập cảnh của Tòa Đại Diện Cambodge đóng rồi. Vé xe đồ khur hời đã mua. Và sự ra đi chỉ còn chờ qua một đêm nữa thôi. Nhưng buổi tối hôm đó, anh và một người bạn nữa—Hoài, hôm sau cũng đi Phnom Penh với anh — đã uống gần hết chai Martell. Anh đã say đến ói hết đồ ăn. Sáng hôm sau, dù mệt hết sức, anh cũng ráng nhét quần áo vào valy và đón taxi ra bến xe đồ. Cơn gió lạnh buổi sáng làm anh choáng váng, mũi ẹt-sặng lại kích thích chất men còn chứa trong người. Sơn lại ói và đành phải quay về nhưng anh không bỏ cuộc. Đề Hoài đi trước, hôm sau, cơn say đã hết, anh lại xách valy ra đi, và mấy ngày vui bên Phnom Penh không làm anh quên được.

Chuyến đi hôm nay, Sơn cũng suy tính mãi mới quyết định. Sự

quyết định này đã dính dấp tới hình ảnh một người con gái, một người yêu cũ. Sơn tính, anh sẽ xuống Mỹ-tho chơi một ngày với người bạn hiện đang làm việc dưới đó rồi hôm sau cả hai đón xe đi Vĩnh-long. Người con gái của một năm về trước hiện đang buôn bán ở đây. Xa nhau một năm trời không thư từ, nhưng vẫn hỏi thăm nhau khi có người ở Sài Gòn xuống Vĩnh long hoặc ngược lại. Chính sự náo nức này đã thúc dục Sơn làm một chuyến đi.

Chiếc xe đồ vẫn phóng nhanh trên đường nhựa nhẵn bóng. Mọi người trong xe đều ngồi im lặng. Phía bên mặt chỗ Sơn ngồi đầy nắng. Sơn chợt nhớ tới lời dặn của Thịnh : “Nếu đi vào lúc 2 giờ, nhớ ngồi băng giữa bên trái thì không nắng”, tuy có lời dặn của bạn nhưng Sơn cũng không chú ý tới. Đưa tiền mua vé xe. Ông ngồi băng giữa số 5 nhé. Được. Và đúng boong chỗ mà Thịnh đã dặn là chỗ ngồi ngon nhất.

Bên cạnh Sơn là một cô gái mặc áo bà ba. Dù ngồi trong xe nhưng cô ta vẫn đội nón. Chắc

không có chỗ cất nón thì đứng hơn. Qua vành nón nghiêng nghiêng, Sơn thấy chiếc mũ dẹt dẹt, gò má có cạnh. Anh đoán cô gái cũng phải ngoài hai mươi. Bàn tay trái cầm chắc một gói giấy nhỏ hờ hai đầu. Những chiếc móng dài cắt nhọn và mọc mọc. Khi chiếc xe quanh cua, người con gái nghiêng mình sang anh, chiếc nón tấp vào mặt Sơn và lật ngược. Cô gái ngược nhìn Sơn, đôi mắt tròn vo.

Ồ, Cô bé con ! Sơn thầm kêu. Bởi người con gái mà anh nhắm ngoài hai mươi đó, sự thật chỉ độ mười lăm, mười sáu tuổi. Sơn tránh ánh mắt pha lẫn lộn ngại ngùng, sợ sệt, mắt cõ và nhìn xuống. Cái gói giấy mà cô bé vẫn cầm chặt trong tay chỉ là gói bánh mì chả, loại năm đồng. Tưởng gì chứ bánh mì thì thường quá. Có nhiều tối, vì ngại đi xa, Sơn thường ra đầu ngõ mua bánh mì ăn trưa cơm. Tiệm bán bánh mì, thịt nguội có cả nước uống. Mới tối qua đây anh cũng tới đó ăn bánh mì uống la-de thay cơm. Trong lúc anh nhắm nháp « cơm tây », cô gái bán hàng ngồi xem báo. Đột nhiên cô ta ngừng đầu lên hỏi anh :

— Tại sao Chí Tôn đi đâu mất tiêu mà lại có Chí Dũng xuất hiện thế này ? Sơn chẳng hiểu gì cả, vội nhòm người nhìn sang tờ báo nơi tay cô gái. À, truyện Lệnh xé xác. Cô gái nói tiếp, em bỏ coi cũng hơi lâu nên không hiểu câu chuyện xảy ra sao.

Với Sơn, anh chưa hề đọc truyện này bao giờ. Nhưng chẳng lẽ lại thú nhận là mình không có biết ? Sơn đành nói dựa dẫm — Có gì đâu, Chí Tôn là con trai Chí Tôn, còn Chí Tôn thì chết rồi. Cô gái cãi : Đâu có. Chí Tôn đi tu đấy chứ. Sơn lắc đầu : Không, Chí Tôn chết thiệt rồi. Truyện này còn dài lắm, phải vài năm nữa mới đăng hết. Rồi Chí Dũng cũng chết và con của Chí Dũng là Chí Cường xuất hiện đánh giết bọn ác ma để trả thù cho cha. Thế ư ? Đôi mắt cô gái tròn xoe. Cũng tròn xoe như đôi mắt của cô gái ngồi bên cạnh Sơn trong chuyến đi Mỹ Tho này. Nhưng là đôi mắt tròn xoe kinh ngạc, khâm phục. Sơn cười thầm trong bụng. Minh nói dóc vậy mà em nũng nịu.

— Sắp tới Gò Đen chỗ hồi sáng có chiếc xe taxi từ Mỹ lên thì bị mìn đấy ! Trong sự im lặng

đột vang lên tiếng nói có liên quan tới sự chết chóc làm tất cả mọi người giật mình quay lại. Một bà mập mập nói tiếp :

— Hồi 8 rưỡi sáng. Người tài xế chết ngay tại chỗ.

Tiếng một cô gái nổi theo :

— Dã man quá nhỉ.

— Sáng nay tôi cũng ở dưới Mỹ lên. Vì vụ đó mà bị kẹt xe tới gần mười hai giờ mới tới Sài Gòn. Xong việc bây giờ lại trở về không kịp ăn cơm. Để tới chỗ mìn nổ hồi sáng tôi sẽ chỉ cho bà con coi.

Khi chiếc xe chạy thêm được non nửa cây số bà mập chỉ chỗ có đồng rơm tấp mát.

— Đó. Chỗ đồng rơm đó.

Mọi người chỉ còn thấy rơm vung bừa bãi, lò mìn đã được lấp kín và chiếc xe cũng kéo đi mất rồi.

Chiếc xe chạy tới Gò Đen thì dừng lại vì kẹt xe. Bà mập lại lên tiếng :

— Điều này lại nằm ụ mất thôi.

Một giây xe đủ loại đã nằm tấp máy phía trước. Bên trái, từng

chiếc xe đồ đầy khách chầm chầm lăn bánh ngược Sài Gòn.

Phía sau lưng Sơn có tiếng bàn tán của cô gái :

— Chỉ về đâu ?

— Em về Kiến-hòa.

Một giọng ngạc nhiên :

— Thế ư. Em cũng về Kiến hòa.

Bà mập cũng lên tiếng :

— Còn tôi chỉ tới ngã ba cây số ba thôi.

Sơn cũng tự nói với mình. Nếu tôi tới Mỹ-tho sớm, tối nay tôi sẽ ngủ tại Vĩnh-long. Và tối mai, tôi ở Cần-thơ không chừng.

Một thanh niên — người Ấn — quay lại hỏi :

— Các chị ở ngay tỉnh hay về quê.

— Chúng tôi ở ngay tỉnh.

Bến Tre thì tôi đi hoài. Trước tôi còn thường đi Cà mau, Hà-Tiên, Châu-dốc nữa. Đi chơi mà.

Dãy xe nằm ụ phía trước đã chuyển bánh. Xe vượt qua Gò Đen, chạy thẳng về cầu Bến-Lức. Nhưng đi chưa được bao xa đã phải dừng lại. Một dãy dài xe

hơi không biết nằm ở từ hồi nào. Bà mập kêu lên...

— Chết rồi ! như thế này biết chừng nào mới qua được cầu.

Bác tài mở cửa xe bước xuống ngắm nghía một hồi rồi lại lên ngồi trên băng. Chợt một chiếc xe nhà vọt lên. Bác tài xẽ mở máy, lách mũi ra và vọt đuôi theo. Một tiếng còi huýt lên nhưng hai chiếc vẫn lờ chạy. Pằng ! một phát súng nổ chỉ thiên và viên cảnh-sát chạy lại, khẩu súng lục còn cầm tay mặt đầy bụi và mồ-hôi, nhân viên công lực cau có gắt :

— Nếu ai cũng tính vọt lên như các ông thì đến tối cũng không qua được cầu. Tôi từ sáng tới giờ mắc kẹt ở đây, chưa cả cơm nước gì, tôi nào có muốn làm khó dễ anh em, nhưng các anh em cũng phải hiểu trách nhiệm của mình chứ. Bây giờ các anh đổ sát hẳn vào bên đường đi. Tôi phạt các anh phải ở lại, khi nào đoàn xe chạy đi được, tôi sẽ đếm cho hai mươi chiếc đi qua rồi, các anh mới được đi.

Ánh nắng buổi chiều trở nên gay gắt. Không một ngọn gió. Trong xe hơi nóng ngùn ngụt. Một đứa nhỏ mang cái lán dựng

những chai nước ngọt bước tới. Một cô gái gọi với :

— Cho một chai xá xí đi em !
Mấy đồng ?

— 9 đồng cô.

— Mặc dzữ dzây ? Bà mập kêu lên. Đứa nhỏ không trả lời, chỉ nhe răng cười. Cô gái gật đầu :

— Thôi, khui một chai đi em.

— Cô gái quay hỏi bạn :

— Chị có khát không ?

— Cám ơn chị, em không uống. Khi cô gái lấy tiền trả thì người thanh niên Án kia đã tranh trả :

— Tôi trả rồi chị ạ !

Cô gái kêu lên :

—Ồ, như thế phiền cho ông quá.

Người thanh niên Án nhún vai :

— Có đáng bao nhiêu hà cô.

Cô gái quay sang nói nhỏ với cô bạn mới quen biết :

— Anh chàng chịu khó trả tiền quá nhỉ !

Cô bạn cười nhỏ rồi đáp :

— Chuyện đó thường quá mà. Cũng chẳng sao cả. Em còn nhớ

một lần, nghĩ lại thì mình thấy cũng kỳ kỳ. Thà như đi chung xe như thế này thì chẳng sao, hôm đó, bọn em có hai người ngồi uống nước trong tiệm. Bàn bên cạnh có mấy ông nhà binh, đại úy có, trung úy có, thiếu úy có, ôi thôi, úy úy nhiều quá cơ cũng ngồi uống nước như mình. Và khi trả tiền nhà hàng họ trả cả cho mình nữa. Thế mới kỳ chứ !

Son nghe hai cô gái thì thầm phía sau lưng bất giác mỉm cười. Anh chợt nhớ tới một bức vẽ trong cuốn *Anglais sans peine*. Một cậu bé đang móc túi lấy tiền trả hai cái kem cho mình và cho cô bạn gái bé nhỏ. Dưới bức hình có ghi hàng chữ « The men in the paying sex ». Người con trai tốt sáng chỉ tiền cho người con gái chỉ là để làm quen. Nhưng một khi đã quen nhau rồi thì sự chi tiền đó còn nối tiếp mãi mãi khi họ là người yêu của nhau và cả đời nếu họ thành chồng vợ. Nhưng có một điều kè cũng hơi bất công. Người con trai một khi đã phải chi tiền vì một người con gái, thì người con gái đó phải... đẹp mới được. Nếu em xấu, tôi làm quen với em làm chi cho mất thì giờ. Thật cũng đáng buồn cho

những — người — con — gái Trời — bắt — xấu !

Son mãi suy nghĩ nếu không đề ý tới giòng xe cộ phía trước mặt đang rục rịch chuyển bánh. Anh chỉ chú ý khi nghe có tiếng tu huýt thổi.

— Chưa được chạy nghe bác tài. Đếm đủ hai mươi chiếc xe vượt qua rồi hãy chạy.

Bác tài thấy chiếc xe phía trước mặt chuyển bánh, liền sang số toan chạy nhưng không choát khỏi sự kiểm soát của nhân viên cảnh sát. Bác cười hề hề lấp liếm. Và mọi người đều thở dài khoan khoái khi bàn tay của viên cảnh sát phất ra hiệu cho chạy.

Chiếc xe chạy được hai trăm thước lại ngừng nơi đường vòng. Qua tầm mắt mọi người, xe đậu dài dằng dặc. Bác tài rên rĩ :

— Cứ điệu này thì bao giờ mới tới Mỹ. Từ sáng tới giờ tôi mới có chạy được một chuyến lên và một chuyến về bây giờ đây. Kẹt xe cái điệu này thật chết một cửa.

Cô gái góp lời :

— Không hiểu tôi có về kịp Kiến-hòa không đây. Nếu phải ở

lại Mỹ lại nguy quá, tôi chẳng quen ai cả.

Thanh niên Ấn lên tiếng :

— Kịp mà chị. Dơ tay coi đồng hồ, anh tiếp. bây giờ mới có bốn rưỡi. Kịp chán.

— Nhưng còn kẹt xe thế kia thì bao giờ mình mới đi được.

Bác tài ngó quanh, không thấy cảnh sát vội sang số, miệng nói :

— Để tôi dọt đại lên, gặp chỗ nào trống thì đỗ lại.

Cô gái vội cản :

— Thôi đừng dọt ông ơi, lỡ bị giữ thì phiền lắm đấy.

— Không, cô cứ kệ tôi. Miệng nói tay lái chiếc xe phóng lên một mình, bỏ lại phía sau mười xe, hai mươi xe rồi ba mươi, bốn mươi xe.

Pằng !

Trong xe nhôn nhao.

— Cái gì vậy ? nổ lốp à ?

— Nổ lốp gì ? ông cảnh sát đứng trước kia. Bác tài thở dài nói. Một người cảnh sát chạy tới đầu súng carbine còn chìa lên trời.

— Đổ sát bên đường. Cạc vạc đầu ? Đưa thẻ căn cước luôn đây.

Bác tài mặt nhăn nhó, tay rút giấy tờ, miệng lải nhải :

— Xin thầy thông cảm cho. Tôi tính lách đồ vào chỗ trống kia kia.

— Không có lách gì hết. Nếu ai cũng chạy bừa bãi như anh thì kẹt còn lâu. Anh thử nhìn xe anh coi, nếu trên kia có xe xuống thì làm sao bây giờ ? Thôi chịu khó đỗ ở đây đi, rồi giải quyết sau.

Nói xong viên cảnh sát bỏ đi thẳng. Bác tài chạy theo năn nỉ thêm. Mười lăm phút sau bác trở về xe mang theo tấm giấy phạt bốn chục đồng.

Bà mập thở dài nhẹ nhõm :

— Thôi, phạt là may, chứ phải ở lại thì bết lắm.

Bác tài cười :

— Thế là tôi hết cả tiền ăn cơm chiều nay.

Người thanh niên Ấn móc túi lấy ra mười đồng :

— Thôi để bọn tôi bù lại cho bác, kéo bác thiệt thòi.

Bác tài vội xua tay :

— Cám ơn cậu. Tôi nói vậy thôi, chứ tôi đâu dám lấy tiền.

— Không. Tôi biếu bác thiệt mà.

— Không. Cậu cứ cất đi, lỗi tại tôi, thì tôi bị phạt, nói nào ngay, họ phạt là phải. Cũng bởi thấy xe kẹt lâu quá nên tôi cũng chạy đại. Bà con cô bác sốt ruột nà tôi cũng thế.

Chiếc xe lại rờ máy vọt ra giữa đường. Một cô kêu lên :

—Bác chạy nữa họ lại phạt bây giờ.

Bác tài lắc đầu :

— Mình phải kiếm chỗ đậu chứ chẳng lẽ đỗ ở phía trái này hoài sao ?

Chiếc xe vượt qua mấy chục xe thì thấy bóng dáng một viên cảnh sát nữa. Người này toan cầm tu huyết thời, thì chiếc xe trở tới. Bác tài chìa vội tấm giấy phạt ra :

— Tôi vừa bị phạt nè thầy ơi, cho tôi lán vào chỗ kia thầy.

Viên cảnh sát khuôn mặt bớt cau có, liếc nhìn tấm giấy phạt im lặng. Thấy êm bác tài cho vọt lên mười thước rồi lách vào một khoảng trống nhỏ.

Một tiếng nữa trôi qua trong ánh nắng và bụi mù. Chỉ còn những tiếng thở bải. Bác tài cũng không dám nghĩ tới chuyện vượt nữa. Chờ đợi mãi rồi cũng có kết quả. Chiếc cầu Bến-lức hiện

ra. Bàng trắng giữa cầu, từng chiếc xe leo dốc lên cầu, bỏ chậm chậm khoan thai, những khuôn mặt tươi tỉnh hẳn lên.

— Qua cầu ta phải đếm xem bên họ nằm ụ bao nhiêu chiếc, một người lên tiếng.

Và, khi chiếc xe dò lướt qua hết đoàn xe kẹt cầu, một giọng nói lớn vang lên :

— Hai trăm mười chín chiếc. Một cô suýt xoa :

— May mà mình vượt bảy qua hằng trăm cái nếu không còn kẹt thêm hằng tiếng nữa.

Những tiếng bàn tán đồng ý nổi lên. Bác tài mãn nguyện :

— Đúng vậy đó cô à !

Tay sang số chân nhấn ga, bác tài cho xe chạy vút đi trên đoạn đường đã bắt đầu thành thang.

— Chúng mình tới Mỹ rồi qua bắc về Kiến Hòa kịp đấy chị à.

Riêng Sơn, anh biết mình phải ở lại Mỹ buổi tối. Cũng chẳng sao ! Trong chuyến đi này, không có chuyện gì phải vội vàng cả. Rồi cũng tới. Rồi sẽ gặp Thịnh. Gặp người con gái Vĩnh long. Rồi sau đó lại trở về Sài Gòn. Và tiếp tục làm việc. Ăn. Uống. Giải trí... ★

người chiến quốc

★ THIẾU-SƠN

(tiếp theo trang 9)

nào lấy lòng xấu đất người. Chúa Công tôi trai giới 5 ngày rồi mới khiến tôi đem ngọc bích qua dâng. Nay nhà vua thấy tôi đem ngọc tới đã ngồi mà xem lại trao cho đình thần tả hữu rồi lại để vào hộp cung cho mỹ nhân. Của quý mà khinh thị như vậy, biết chúa công không có ý muốn trả thành. Cho nên tôi lấy ngọc bích lại dâng chúa công có bức tôi thì cái đầu của tôi cùng ngọc bích này cũng đều vỡ tan tại cột đèn này, thà chịu chết mà không để cho người Tần lấy ngọc bích » Nói rồi Tương-Như tay cầm ngọc bích, mắt ngó cột đèn. Vua Tần tiếc và sợ vỡ ngọc bèn lấy lời ngọt ngào khuyên giải rằng : « Đại phu chớ làm như thế ! Nào ta có dám thất tín với nước Triệu đâu » Nói rồi truyền bá quan đem địa đồ tới, vua Tần chỉ rõ hết xứ này tới xứ kia, tất cả 15 thành để cho nước Triệu. Tương-Như biết rằng vua Tần muốn đổi mình để đoạt ngọc bích bèn xin vua trai giới 5 ngày để lãnh ngọc và bịa chuyện rằng vua Triệu cũng trai giới 5 ngày trước khi giao quốc-bảo cho mình. Vua Tần nhận lời, thiết lễ trai giới 5 ngày và cho đưa Tương-Như về nghỉ nơi công quán. Tương-Như biết rõ vua Tần chỉ bày trò gian cảnh cố ý lấy ngọc mà không trao thành bèn khiến một người đi theo bảo mặc áo vải thô, giả làm người nghèo khổ, lấy ngọc bích, giấu trong người, chạy trốn theo đường tắt về trả ngọc lại cho vua Triệu và tâu rõ mạnh tâm của vua Tần và sẵn sàng ở lại chịu chết để tạ lòng tri kỷ.

Cách 5 ngày sau, vua Tần vẫn thiết không trai giới, lên đền trần thiết lễ vật, mời sứ-thần các nước tới dự lễ đoạt ngọc. Lạn-Tương-Như khoan-thai bước vào bái-kiến với hai bàn tay không. Vua hỏi ngọc thì ông lâu : « Nước Tần từ đời Mục-vương tới giờ, trước sau hơn hai mươi vị vua, làm việc gì cũng đều dùng trá-thuật. Mạnh-Minh đổi nước Tề, Thương Ưởng đổi nước Ngụy, Trương-

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

Nghi đổi nước Sở... Việc trước còn ràng ràng, không chút gì tín-nghĩa. Tôi bây giờ sợ Đại-Vương nói dối, phụ lòng chúa tôi cho nên đã khiến tùng giả đem ngọc bích về Triệu, tội tôi đành chịu, xin Đại-Vương rộng lượng tha thứ. »

Vua Tần cả giận truyền tả-hữu bắt Tương-Như trói lại. Tương-Như sắc mặt như thường, không chút gì sợ hãi, bèn tâu : « Xin Đại-Vương bớt giận cho tôi phân một đôi lời. Tình thế bây giờ Tần mạnh hơn Triệu, nhưng nước Tần có ý phụ nước Triệu, chứ nước Triệu không bao giờ dám phụ Tần. Đại-Vương thiết có lòng muốnặng ngọc bích, nên cắt đứt 15 thành giao cho nước Triệu, rồi khiến một vị sứ-thần đi với tôi qua lấy ngọc. Nước Triệu nào có dám thất-tín với Đại-Vương. Tôi vẫn tự biết : tội tôi đáng chết muôn phần nên đã gởi lời về tâu với chúa tôi, tôi không trông sống trở về. Bây giờ các nước đều biết nước Tần vì muốn đoạt ngọc mà giết sứ Triệu, lẽ khốc trực cũng đã rõ rồi. Thôi xin cứ phép gia hình, tôi đành chịu chết. » Vua Tần và các quan ngồi ngó mặt nhìn nhau, không biết lấy lẽ gì mà nói. Sứ-thần các nước ngồi xem hai bên đều lo sợ cho Tương-Như. Tả-hữu muốn dắt Tương-Như đi ra, vua Tần can lại mà nói với các quan rằng : « Bây giờ giết Tương-Như thì ngọc bích chưa dễ lấy được mà thêm mang tiếng bất nghĩa, hai nước lại tuyệt-tình. » Nói rồi vua bèn hậu-dãi Tương-Như, tha cho về nước.

Vua Tần vì cố không lấy được ngọc bích nên còn âm-ức trong lòng, khiến sứ qua đất Miêu-Trì hẹn với vua Triệu tới hội. Vua Triệu không muốn đi, Liêm-Pha bàn với Lạn-Tương-Như : « Nếu Vua không đi thì té ra ta sợ nước Tần sao ? ». Tương-Như xin hộ-giá. Liêm-Pha xin ở lại giữ nước giúp Thái-tử. Vua Triệu cả mừng nói : « Ngọc bích còn đem trở về được. Huống chi ta có Tương-Như đi theo thì còn lo gì nữa ». Nhưng đi thì đi mà cũng phải phòng bị. Vua phong Lý-Mục làm trung-quân đại-phu đem 5000 tinh-binh đi hộ tòng. Bình-Nguyên-quân đem đại-quân tiếp theo sau. Liêm-Pha đưa vua tới ải địa-dầu nước Tần rồi nói : « Đại-vương đi tới nước Tần, có nhiều sự bất trắc. Bây giờ xin

kỳ cho nhà vua đi về và đại-hội trong ba mươi ngày. Quá lý không về thì tôi xin lập Thái-tử làm vua để vua Tà khôi-trở-tướng». Vua Triệu y lời rồi đi tới Miếu-Trì, gặp vua Tần, cùng lấy lễ tiếp kiến nhau, bày tiệc rượu vui vầy tỏ ra thân-thiết lắm. Khi đã ngà ngà say. Vua Tần nói: « Tôi có cây đàn thiết tốt, nghe Đại-Vương có tiếng giỏi nhạc, xin thử một bản cho vui. » Vua Triệu giận đỏ mặt, nhưng không dám từ, quan nội-thị nước Tần đem dâng cây đàn trước mặt vua Triệu. Vua Triệu đàn một bản Tương-Linh. Vua Tần khen hay rồi truyền tả-hữu đòi ngự-sử tới. Ngự-sử nước Tần cầm bút chép vào sách rằng: « Ngày... tháng... năm... Vua Tần vót vua Triệu hội ở Miếu-Trì, khiến vua Triệu khảy đàn. » Tương-Như liền cầm cái bầu rượu, quì xuống dâng trước mặt vua Tần và tâu: « Tôi nghe nói Đại-Vương hay tiếng nhạc nước Tần, xin dâng vật này, Đại-Vương đánh thử ít tiếng cho vui » Vua Tần ngồi làm thinh, giận đỏ mặt không chịu đánh. Tương-Như nói: « Đại vương ý thế nước Tần mạnh hay sao ? Bây giờ nội trong 5 bước Đại vương làm gì mà thoát khỏi tay tôi được. » Tả hữu thấy Tương-Như vô lễ muốn tới bắt. Tương-Như tóc dựng ngược, mắt trợn to, nạt tả hữu khiếp vía phải đi lui. Vua Tần không bằng lòng nhưng cũng có ý sợ, bèn dằn lòng đánh cái bầu một tiếng. Tương-Như đứng dậy đòi ngự-sử nước Triệu cũng chép vào sách rằng: « Ngày... tháng..., năm... Vua Triệu và vua Tần hội ở Miếu-Trì, khiến vua Tần đánh cái bầu » Các quan nước Tần bất bình, đương giữa tiệc đều đứng dậy nói với vua Triệu rằng: « Ngày nay quân vương đã phiền đi tới đây, xin cắt 15 thành làm lễ chúc thọ vua Tần. » Tương-Như cũng xin với vua Tần rằng: « Lễ có qua thì phải đáp lại. Nước Triệu dâng 15 thành cho nước Tần, xin nước Tần cũng phải dâng đất Hàm-Dương để chúc thọ vua Triệu. » Hàm-Dương là Kinh-dô nước Tần, khi nào vua Tần chịu dời lấy 15 thành của vua Triệu. Vua Tần liền nạt các quan Tần mà nói: « Tự hai ta kết tình hòa hiếu, các người chớ nên nhiều lời. » Nói rồi nhà vua khiến tả hữu dâng rượu khuyên mời, tiếp tục cuộc vui say một cách miễn cưỡng rồi bãi lễ. Các vị khách-khanh nước Tần mặt tấu khuyên vua Tần

bắt giam vua Triệu và Lạn-Tương-Như. Vua Tần nói: « Quân thám về báo nước Triệu có phòng bị nghiêm ngặt, vạn nhất không nên việc lại thêm thiên hạ chê cười. Tương-Như làm cho Vua Tần đem lòng kính nể vua Triệu và nước Triệu, nên xin kết làm anh em, hứa từ nay về sau không sanh sự đánh lẫn nhau nữa. Nhà vua còn khiến Công-tôn Dị-Nhơn là con của Thái-tử An-Quốc-Quân qua làm con tin ở nước Triệu. Các quan Tần nói: « Hòa-uớc như thế cũng đủ rồi, hà tất phải đem người tới làm tin. » Vua Tần cười nói: « Nước Triệu thế đương hưng, ta chưa dễ đồ mưu nên phải cho người qua ở Triệu để làm tin. Nước Triệu đã tin ta thì ta mới theo việc đánh nước Hàn được. » Các quan đều phục không ai dám nói gì thêm nữa. Đủ ba mươi ngày, vua Triệu trở về nước phong cho Lạn-Tương-Như làm thượng-tướng, cấp bực trên Liêm-Pha, rồi nói với đình thần rằng: « Nhờ có Lạn-tương-Như mà ta được bình yên, nước được trọng-nể. Tương-Như thiệt công lớn, đình thần chẳng ai hơn. »

Tôi nhớ có một câu đối mà không nhớ của vị tiền bối nào. Và cũng chỉ nhớ có một vế: « Lạn-Tương-Như, Tư-Mã Tương-Như, danh Tương-Như, thực bất Tương-như ».

Cổ-nhiên là vế đối này đề-cao Lạn-Tương-Như, so-sánh với Tư-Mã Tương-Như, tuy có thi tài nhưng đã lặn hụp trong thuyền tình, bề ại và chỉ nổi danh về phương diện đó thôi.

Lạn-Tương-Như ngay từ khi còn làm môn-hạ cho một viên nội-thị đã dùng lời nói giúp cho chủ giữ vẹn chữ trung, không bỏ vua, bỏ nước qua lá-tức ngoại-bang.

Khi ông lãnh mạng đi sứ nước Tần ông đã biết thân-phận của ông không quan-tước, không địa-vị nên sẵn-sàng nhường cho một vị trọng-thần nào dám xung-phong lãnh công tác. Trọng-thần ai bằng Liêm-Pha mà Liêm-Pha còn không dám lãnh, đủ biết tài-trí và đảm-lược của Tương-Như không phải tầm thường.

Vua Tần là một vị bạo-chúa lại là vua một nước lớn, mạnh

NGƯỜI CHIẾN QUỐC

hơn hết và hay gây sự với các nước lân bang, không phải bá-chủ nhưng cũng như một vị bá-chủ thời chiến-quốc.

Lãnh sứ-mạng đi Tần tức là đem thân vào miệng cọp vậy mà Tương-Như vừa bảo-vệ được ngọc quý vừa bảo-vệ được quốc-thê. Sứ-mạng thứ hai càng khó-khăn và nguy-hiêm hơn sứ-mạng thứ nhất nhưng sở dĩ ông và vua Triệu được an-toàn về nước không phải chỉ nhờ ở miệng lưỡi và đảm-lực của ông. Liêm-Pha và Bình-nguyên-Quân đã cần-mật đề-phòng nên vua Tần không dám vọng-dộng. Và như thế là nhờ vua tôi nước Triệu đã sẵn-sàng có một hậu-thuần đáng kể.

Sau khi về nước vua Triệu phong cho Lạn-Tương-Như làm thượng-tướng cũng không phải là quá-đáng. Nhưng ông đã khuyết-diêm khi ông tuyên-bố: « Nhờ có Lạn-Tương-Như mà ta được bình-yên, nước được trọng-nể. Tương-Như thiết công lớn, đình-thần chẳng ai hơn. »

Thật ra không có quân hùng, tướng mạnh và những vị công-thần trung-kiên và ái-quốc làm hậu-thuần thì Lạn-Tương-Như tài-ba cách mấy cũng không bảo-vệ được nhà vua và quốc-thê. Chính vì khuyết-diêm của vua Triệu mà mới có sự tranh-chấp giữa Liêm-Pha và Lạn-Tương-Như mà tôi sẽ nói ở bài sau. ★



nội buồn con gái

Anh ác quá bắt em chờ đợi mãi
Chiều miền quê xóm nhỏ lạnh vô cùng
Lần hẹn ước rồi thôi đời con gái
Là chim trời nghìn kiếp giữa trăm song

Từng đêm lạnh mắt chong hờn-thiếu-pho
Em thương em phận nhỏ gái quê mùa
Vốn hiền hậu nên mặc đời quên nhớ
Ngày đi qua thắm vọng chút ơn thừa

Đêm thị thành chắc đèn hoa rộn rã
Nên anh không còn nhớ thuở yêu đầu
Em phương này thấp hờn nung côi lạ
Lời tình anh một đạo ẩm thơ sâu

Ngón tay nhẵn rung rung buồn chớm ru
Hai năm chờ nhan sắc đó hư hao
Vầng trán đại tóc thưa gầy kiếp rữ
Khóc thương đời con nước vô chân cầu

Bạn bè em đều sum sê hạnh phúc
Niềm an vui làm rạng rỡ thanh xuân
Tội nghiệp em dậm mòn chia tuổi ngọc
Vòng môi se vết máu tủi căn phần

Hẹn hò chi cho tội tình con gái?
Lần yêu thương là tiền kiếp lưu vong
Anh ác quá bắt em chờ đợi mãi
Từng âu lo màu mắt âm lưng dòng

HOÀNG THỊ THỦY-TIÊN

LỬA TÌNH

★ Trần-Thuần-Kiệt

(tiếp theo PT 167)

NÀO có gì đâu ? Triệu không muốn đề những ý nghĩ trong lòng cho Nga biết. Triệu yêu thương Nga, nhưng cũng đôi phút chợt nhớ về gia đình, thương vợ thương con.

— Này anh, có bao giờ anh nghĩ tới hạnh phúc.

— Hạnh phúc gì hở em.

Nga ngồi áp ngực vào vai Triệu, đáp :

— Hạnh phúc chung chăn chung gối suốt một đời.

Triệu vói tay ra sau ôm lấy vòng lưng người yêu :

— Hạnh phúc ở đời anh cảm thấy mong manh quá.

— Em cũng thấy thế. Đôi khi em nghĩ, không có hạnh phúc thật sự. Người ta chỉ vui thoáng qua, vui ít, buồn nhiều.

— Nhưng lúc nào vui thì cứ vui chứ em ?

Nói xong. Triệu du nâng lên phía trước mặt. Nga lấy ngón tay che lên môi, nũng nịu :

— Không được... hôn... đấy !

Nàng biết Triệu sẽ hôn lên môi nàng. Triệu cười đáp lời nàng :

— Em lạ lùng thế ư ?

— Nào ?

— Em không thương anh ?

— Thương đề trong lòng chứ ai đề ngoài môi cho anh ư ?

Triệu nắm ngón tay Nga đây ra, nhưng Nga nhất định cố giữ chặt.

LỬA TÌNH

Triệu đưa một ngón tay sẽ dí vào vai nàng, nơi một đường gân cổ, tội nghiệp chiếc cổ nõn nà tròn trĩnh rúm lại. Nga bật lên :

— Chết em rồi, cái anh ác ôn này.

Triệu ghì chặt nàng hơn :

— Thế nào có... cô bị tôi dìm huyết rồi đó, có giỏi thì giữ mãi coi nào ?

— Chắc không ?

Nga trợn dục đôi mắt to, đen láy, hỏi. Triệu nghe lòng rúng động. Người yêu có đôi mắt đẹp quá. Nga là một thần tượng của tình yêu. Triệu phân-vân thôi đùa nghịch. Đối với một nhan sắc tuyệt trần đó, đùa dai như thế là không phải. Triệu nghĩ và ao ước một điều. Nga nhìn chàng tự dưng có vẻ suy tư, nàng ngược hỏi :

— Sao thế anh, giận em ư ? Hay anh lo về gia đình ?

— Không phải em ạ, có nhiều mối ao ước trong lòng anh.

— Sao anh không nói cho em biết ? Anh ao ước gì nào ?

— Anh ước một điều mà hoàn cảnh không cho phép.

— Mình cứ thử tạo hoàn cảnh.

— Không được. Nhưng có hoàn cảnh mà bất tài như anh thì cũng phí.

Nga lấy làm ngạc nhiên :

— Vì sao ? Anh nói gì em chẳng rõ ?

— Anh muốn làm một nhà mỹ thuật.

— Đề làm gì ?

— Đề làm sống lại muôn đời những vẻ đẹp mà mình yêu quý.

— Anh định như thế, em nào có hiểu đâu. Nhưng em nghĩ mọi công việc gì cũng hữu ích cả. Anh làm bác sĩ, giữ lại cái vẻ đẹp thực sự cho người có hơn là giữ lại cái ảo tượng kia bằng mỹ thuật không ?

Tâm hồn Triệu bỗng nghe lay động về câu nói thật thà của Nga.

Phải chăng, sự thật mới là điều đáng cho loài người cố giữ, cố làm cho đẹp, những sự vật gì hiện hoạt nơi cõi sống. Còn ngày mai, sự tàn héo mới cần đến nghệ thuật diêm tô lại. Nga nói đúng, Triệu nghĩ thế và nói :

— Thôi anh sẽ cố gắng hơn, cố gắng để cho chúng ta được vui sướng, cố gắng để cho em được xinh đẹp, lộng lẫy mãi, để giữ vẹn mối tình ta.

Nga phân vân :

— Hồi nhỏ em cứ nghĩ rằng cuộc đời sẽ bình dị.

— Vâng, ai cũng thế :

— Lớn lên, em thật muốn diên mà chết đi, vì bao nhiêu cái mộng hiền lành đã vỡ nát. Anh có thấy thế không ?

Triệu đáp :

— Mọi người đều phải trải qua, nhưng biết được thì sự dễ muộn. Cũng như một lần, anh trị một đứa bé, cha mẹ chúng đưa vào nhà thương. Đứa bé đáng lẽ không chết, nét mặt nó tỉnh anh, nó cố sống, nó hiền hòa lắm, nhưng anh đã ngu, anh không biết chứng bệnh một cách đích xác. Trường hợp nó bị áp huyết, anh không biết tiếp máu để giữ huyết mạch cho nó, nó đã chết.. Một sự đau khổ đến cho gia đình nó, cho cả anh đến suốt đời.

Nói đến đó, hình ảnh đau thương hiện ra, Triệu đỏ rần nét mặt. Nga cảm thấy chàng sắp khóc, nàng nói :

— Anh là một ông bác sĩ nhiều tình cảm quá.

Triệu cố gượng cười lắc đầu :

— Ở trong hoàn cảnh mới biết sự đen tối của tang tóc, đau đớn mù mịt đến thế nào. Còn chúng ta, chúng mình không thể nào cảm thông đến tận cùng cái thống khổ đó được. Nhưng hôm nay em nhớ rằng, dân tộc chúng ta đang mang lấy nghiệp chướng, mang lấy tai họa chết chóc thảm thê đó. Em có cảm thấy một dây non sông xương máu phơi đầy đồng nội, một dây non sông mờ mịt gió thâm mưa sâu. Một

giải non sông oán than mà gió, mà mưa, mà giông bão không thổi tan được tiếng khóc của những mẹ góa, con côi, những cha già con dại. Em có cảm thông được không. Anh thấy ít nhất chúng ta phải làm gì đây ?

— Làm gì hỡi anh ?

— Chúng ta tài mọn, chỉ sống chui trong đô thành, chúng ta nào có đau khổ hơn những người ở thôn dã. Hôm nào anh sẽ kể cho em nghe nhiều về tình cảnh của họ trong các buổi hành quân, mà anh đã trải qua. Đôi rách không thấm gì không nghĩa lý gì với tình cảnh của họ hết. Đôi khi cả gia đình chỉ sống dưới một mái lá. Chỉ một mái và một cái nạng tre chống đỡ, để nắng bề nào thì che bề ấy mà sống qua ngày.

Nghe Triệu thuật chuyện, Nga thấy lòng bùi ngùi, nàng ước ao có dịp theo gót chân người lính chiến về thôn xóm để thăm lại, để thấy tận mắt những đau khổ của đồng bào.

(còn nữa)

Lại đình chánh trong Phò-Thông Xuân

Trong số Tân Niên, 166, chúng tôi đã trình bày những lý do kỹ-thuật khiến số Phò-Thông đặc biệt Xuân, in vật-vàng nên còn sót rất nhiều lỗi, và đã xin bạn đọc miễn thứ, như trong bài thơ của cụ Song-Thu, « Tết đến » mà tn là « khách đến », v.v...

Trong bài « Bồ Tát Quán Thế Âm.. » cũng có vài ba lỗi đại khái như thế trong câu thơ Pháp, thay vì :

Gémtr, prier... tn là crier, kể đó, thay vì :

« và câu thơ khác của Thi-sĩ »

tn là : « và câu thơ của thi-sĩ khác... »

Còn một số lỗi trong những bài khác, nhưng chúng tôi tin rằng bạn đọc sáng suốt và thông cảm đã tự tiện sửa chữa giùm cho. Chúng tôi khời đình chánh nơi đây dài giòng.

Thành thật cảm ơn quý bạn.

P.T.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ Bạn Trâm-minh-Thanh, Châu-đốc

Con Rồng (Le Dragon) và con Lân (Le Licorne) là những con vật chỉ có trong truyền-thuyết (animaux fabuleux), về thực tế không ai thấy bao giờ. Vì dị-đoan, vì thích chuyện huyền-bí ở một vài khía cạnh tôn-giáo, thần-giáo, người đời thường-cổ thêm-đặt ra những loài thú ấy để hấp-dẫn óc tưởng-tượng của loài người, và tạo ra nhu cầu tín-ngưỡng trước những cảnh ảo-huyền của tạo-hóa.

★ Bạn Nguyễn-đình-Hồng, Tuy-Hòa

— Có vài tin cho rằng Hitler vẫn còn sống ở Nam-Mỹ, hoặc bị giam tại một nơi bí-mật ở Nga, nhưng đó là những tin hoàn-toàn thất-thiệt, không căn-cứ trên một bằng-cớ xác-thật nào cả. Một vài ký giả Âu-Mỹ đã loan ra những tin « dợt gân » ấy trong sách báo của họ, chỉ có mục-dịch làm tiền.

— Hitler đã chết thật sự sau khi làm lễ thành hôn với người tình của y là Eva Braun ngay trong hầm trú-àn của y ở dinh Quốc-trưởng (Chancellerie). Những lời khai rõ-ràng của các nhân-chứng trước Tòa-án Quốc-tế Nuremberg, xử những tội-ác chiến-tranh của Đức Quốc-xã, đều đồng-thanh xác-nhận cái chết của Hitler và Eva Braun tự-tử bằng súng-lục, và được hỏa-thiêu theo lệnh của y.

— Đảng Nazi ở Anh-quốc không phải mới xuất hiện ở London năm 1963, mà đã có ngay từ sau khi chiến-tranh chấm dứt ở Âu-Châu. Ở Hoa Kỳ (U.S.A) và Nam-Mỹ (Argentine) cũng có đảng Nazi. Nhưng các chính phủ các nước ấy vẫn để họ hoạt-động, vì họ chỉ có một nhóm rất ít người, không có chút uy-tín và ảnh-hưởng nào trong Dân-chúng. Ở các cường-quốc Dân-chủ, pháp-luật trọng tự-do tư-tưởng của công-dân, họ chỉ truy-tố ra tòa khi nào có bằng chứng hành-động, phản-quốc, hoặc phạm đến quyền lợi của Nhân-dân, an-ninh và chủ-quyền quốc-gia.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ Ô. Hoàng-xuân.Hồ, ấp An-Truyền, quận Phú-Vang, Thừa-Thiên

Rất tiếc, tạp-chí Phò-Thông không thể đăng kết-quả xổ số kiến-thiết. Quý ông chịu khó cho người lên tỉnh mua báo hằng ngày phát hành ngày thứ Ba mỗi tuần.

★ Bạn Võ-văn-Hồng, KBC 4437

Ở Saigon có bán thuốc xức mọc tóc. Bạn nên nhờ người nào quen thân ở Saigon mua gửi ra cho bạn.

★ Bạn Ngô-văn-Nga, Bồ đề, Quảng-Ngãi

Miệng hôi thường-xuyên mặc dầu sáng nào cũng dùng kem đánh răng, là triệu-chứng có bệnh trong bộ phận tiêu-hóa hoặc hô-hấp.

● Bạn Lê-văn-Xáng, KBC 4556

— Truyện dài « Mồ hôi nước mắt » đang in, nhưng vì vấn-đề than giấy in sách, nên chưa xong. Khi nào sách phát hành, sẽ có tin trong tạp-chí Phò-Thông.

— Sinh ngày 10 tháng 2 năm Đinh-Sửu, là ngày thứ Hai 22-3-1937.

● Bạn Hoàng-Ngọc-Dzilep, KBC : 3347

Xin thành thật cảm tạ về bài thơ bạn gửi tặng.

● Bạn Trần-h-Ngư, Bình-Tuy

Lai-cảo không đăng, đã hủy bỏ. Rất tiếc. Cả 2 tấm ảnh của ty Xã-hội. Sẽ đăng bài « Nhận-điện » trong 1 số sau.

★ Bạn Nguyễn-văn.Cồn, Paris

Sẽ có thư sau. Từ 2 tháng nay tôi ở Chùa xa, không có về Sài-gòn.

★ Bạn Nguyễn-ngọc-Anh, KBC 3029

Đã chuyển đơn ông lên ông Giám-đốc nha Quân-Nhu.

*** Cô Nguyễn-thị Thanh, Qui-Nhon**

— Sinh ngày rằm tháng tư năm Giáp-Thân 23 tuổi ta là ngày 7-5-1944.

— 20 tuổi ta, 8-10 Đinh-Hợi,, là ngày 20-10-1947

— 17 tuổi ta, 2-9 Canh-Dần, là ngày 12-10-1950

— 12 tuổi ta, 25-6 Ất-Mùi, là ngày 12-8-1955

— 8 tuổi ta, 26-5 Kỷ-Hợi, là ngày 1-7-1959

— 6 tuổi ta, 29-9 Tân-Sửu, là ngày 7-11-1961

*** Cô Dương-thị Vy, Nha-Trang**

Ở Sài-gon có bán loại thuốc nhuộm tóc khác của Nhật.

Không nên gội đầu với dấm, không có lợi cho vệ-sinh của tóc.
Nên gội với chàm-kết, chanh, hoặc Shampoing ngoại-quốc.

*** Bạn Lê-ngọc-Thiệp, Nông-lâm-súc, Huế**

— Bạn nên mua báo tháng ở các tiệm sách ở Huế, tiện hơn vì thời bị thất lạc.

— Rằm tháng Giêng Bính-Tuất : 16-2-1946

— Rằm tháng chín Mậu-Tý : 17-10-1948

*** T.U. Huỳnh-Quang-Vinh, KBC 6086**

Xin thành thật cảm tạ về 4 câu thơ của ông gửi tặng.

*** Bạn Hoàng-Hoa, Nha Trang**

17-6-1950 : 3 tháng 5, Canh-Dần.

*** Bạn Lê-thị-Hồng-Hương, Nữ-sinh-Viên Paris**

— 2-6-1942 là ngày thứ ba, nhằm ngày 19 tháng Tư năm Nhâm Ngọ.

— Tượng hai mẹ con bà Nhu ở công-trường Mê-linh đã bị dân-chúng đập phá hôm cách-mạng 1-11-63, hiện nay còn cái đế bà chân, không có tượng khác thay thế vào đấy.

— Quốc-hiệu Việt-Nam đã bị sửa đổi nhiều lần :

● Đới Hồng-Bàng, gọi là : Văn-Lang (danh hiệu đầu tiên)

● Đới Thục-An-Dương-Vương : Âu-Lạc

● Nhà Tần đô-hộ : Tượng-quận

● Nhà Hán đô hộ (202 trước J.C — 220 sau J.C), chia làm 3 quận : Nhất-Nam, Giao Chỉ, Cửu-Chân.

● Nhà Đường đô-hộ (618-907) : An-Nam-đô-hộ-phủ.

● Nhà Đinh (độc lập) : Đại-Cồ-Việt

● Nhà Lý : Đại-Việt. Nhưng nhà Tống bên Trung-Quốc gọi là An-Nam-quốc.

● Nhà Nguyễn, vua Gia-Long : Việt-Nam-quốc

● Vua Minh-Mạng : Đại-Nam quốc.

● 1945, chia làm hai : Việt-Nam, và V.N. Dân Chủ Cộng-Hòa.

● 1955, V.N. Cộng-hòa, và V.N. Dân-Chủ Cộng-hòa.

● Bạn H-v-Chính, Gò công. H.T.L.I.

16-9-1938 : 23 tháng 7 nhuận, Mậu Dần.

6-9-1940 : 5-8 Canh Thìn

6-9-1944 : 19-7 Giáp-thân

● Bạn Lương trọng Khánh, Qui-nhon

Hoa Anh-dào, tiếng Nhật gọi là Sakura, người Pháp gọi là fleur de cerisier không đúng. Đáng lẽ phải là cerisier japonais, vì chỉ ở Nhật bốn mới có loại anh-dào đặc-biệt đó. Tiếng Anh gọi là japanese cherry-tree. Có người cho rằng chữ Sakura là lấy theo tên Quận chúa Kono-hono-no-Sakuya Hime, cũng không đúng. Không có tự-diễn nào của Nhật xác-nhận như vậy. Loại hoa mai đỏ ở Đà-lạt, nhiều người cũng gọi là hoa anh-dào, lại càng sai hơn nữa. Đó chỉ là loại hồng-mai, đặc-biệt ở các rừng núi Đà-lạt. Người Pháp gọi là merisier, người Anh gọi là Wild cherry-tree.

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chính :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16. đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 26.893

31-33 Đường Lân-Ông CHỢ LỚN

- Đặt-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lâu 3 lộ-biên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm-ảo

Cần Đến kinh kỳ, Bần hàn đã dưới, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống : **Lối Cộng Hoàn « ÔNG TIỀN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »** Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà **hết, uống Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIỀN »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)



POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

DẪN BÀ SƯỞNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU. ÉO-OT. CHẬM HỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẬU ĐƯỢC

K.N. số 251 BYT-QCDP 18-10-62

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, **Kiết lỵ** dùng **Kim Xiên-Đơn** hiệu **« Con Ve »** mau hết.

● **AI BỊ BỆNH HO :**

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn** hiệu **Con Ve Ve** trừ đàm bở phổi dứt cơn ho.

Phát hành : **DI-SANH-ĐƯỜNG**, số 153 đường Lê-văn-Duyệt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.



K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-dạ-sư

Géomètre — Expert

573, Phan-thanh-Giản

SAIGON

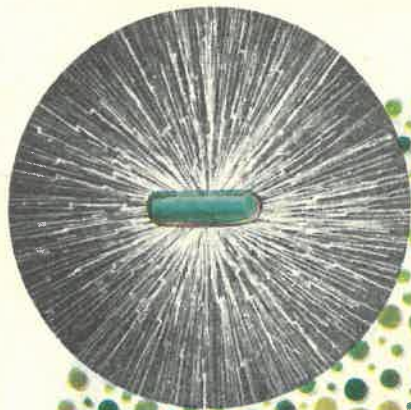
Giấy phép số 292 CDVITTND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: NGUYỄN-VỸ

Mi tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

KD. số 608 ngày 22-3-66



CORNELL
UNIVERSITY
101 12 1965

Thuốc đánh răng

Perlon

TINH VỊ MÀU NHIỆM

nhờ có ly-từ

FLUOR



« Sở Y-Tế Công-Cộng ở Mỹ-Quốc đã nghiên-cứu và chứng minh hiển nhiên rằng chất **FLUOR** rất mau nhiễm, khiến bệnh sâu răng phải thoái bộ. Thiết tưởng rằng không dùng chất **FLUOR** để răng thêm khỏe mạnh, chẳng mấy tốn kém mà cũng chẳng chút hiểm nguy, thì thật là phi-lý! »

Bác-sĩ ROBERT D. WRIGHT

Perlon bảo vệ ngà răng chống sâu răng